FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số & SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỲ I+II - 01/2021



CON SỐ & SỰ KIỆN
Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I + II - 01/2021 (589+590) Ra hàng tháng. Năm thứ 60
Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản
In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

1. Thư chúc mừng năm mới của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương

2. Kết quả, sự kiện nổi bật của ngành Thống kê năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

7. Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2020 - Nỗ lực vượt qua khó khăn đạt được mức tăng trưởng ấn tượng

10. Nhìn lại bức tranh kinh tế - xã hội năm 2020
Bích Ngọc

12. Động lực và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2021
ThS. Dương Mạnh Hùng

14. Việt Nam - Năm Chủ tịch Asean và vai trò của thống kê với các nước trong khu vực
TS. Hoàng Thị Thanh Hà

16. Công nghiệp chế biến, chế tạo - Điểm sáng dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế năm 2020
TS. Phạm Đình Thúy

19. Nông nghiệp Việt Nam năm 2020 - Bản lĩnh vượt khó giành thắng lợi
ThS. Lê Trung Hiếu

23. Xuất nhập khẩu Việt Nam - Một năm nỗ lực thành công cùng đất nước
Vũ Thị Thanh Huyền

25. Điều hành của Chính phủ và lạm phát năm 2020
ThS. Đỗ Thị Ngọc

27. Việt Nam giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và hướng tới không còn người nghèo đói vào năm 2045
Thu Hòa

30. Kế sách ứng phó thiên tai - Nhìn từ mùa mưa bão 2020
Thu Hiền

33. Sáng ngời tấm lòng Việt trong hoạn nạn
Minh Thư

34. Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2045
Lê Ngọc Bảy

40. Bắc Giang với khát vọng bứt phá
Phạm Bá Dũng

43. Kinh tế thế giới năm 2020: Đi qua những khoảng tối và con đường phục hồi mong manh
Thu Hường

46. Khoa học công nghệ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Kạn

47. Bắc Kạn: Nâng cao hiệu quả các chương trình giảm nghèo
Trịnh Long

48. Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn - Đồng hành cùng sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn
Trọng Nghĩa

52. Ngành Thống kê Bình Định - Dấu ấn 45 năm
Nguyễn Thị Mỹ

55. Kỷ niệm về nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động thực tế trong công tác thống kê
(Ghi chép của PGS. TS. Tăng Văn Khiên)

57. Con Trâu trong Đời sống văn hóa tinh thần của người Việt

59. Biểu tượng Trâu trong văn hóa, tín ngưỡng dân gian

60. Lễ hội chọi trâu tôn vinh tinh thần thượng võ của người Việt
Duy Hưng

63. Lễ hội Tịch điền trong câu chuyện đầu năm
Minh Hà

64. Phong tục đón năm mới thú vị của một số quốc gia châu Á

68. Nét đẹp trong văn hóa và Tết của dân tộc Ba Na
Minh Đạt

72. Bánh chưng Bờ Đậu Thái Nguyên: Sản vật nức tiếng
TH

78. Ngày tết Khám phá trang phục truyền thống của một số nước trên thế giới

81. Nét duyên thổ cẩm Châu Phong
Trúc Linh

Giá: 24.000 đ

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ HƯƠNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2021

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Nhân dịp năm mới 2021 và đón Xuân Tân Sửu, thay mặt Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, tôi trân trọng gửi tới các thế hệ công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê cùng gia đình lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Năm 2020 được đánh giá là năm thành công của đất nước với nhiều kết quả tích cực, đáng được ghi nhận, cùng nhiều sự kiện quan trọng về chính trị, ngoại giao đã diễn ra và nhiều tác động chưa từng có của thiên tai, dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, toàn ngành Thống kê đã đoàn kết, vượt mọi khó khăn, thách thức bảo đảm tốt thông tin thống kê phục vụ kịp thời việc đánh giá, dự báo tình hình, xây dựng chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương. Đồng thời, toàn Ngành đã tích cực triển khai nhiều nhiệm vụ lớn, quan trọng như: Kiện toàn, đổi mới cơ cấu tổ chức từ Trung ương đến địa phương để chuyên môn hóa hoạt động sản xuất thông tin thống kê và giảm đầu mối ở các cấp; Đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê với việc tổ chức nhiều phiên họp trực tuyến trong bối cảnh Covid-19 đạt hiệu quả cao góp phần nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế; Tổng kết thực hiện và xây dựng Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam; Công tác phương pháp chế độ thống kê, tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, văn phòng, ứng dụng phát triển công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học, thanh tra, tuyên truyền, thi đua khen thưởng,... đều đạt được những kết quả tích cực.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp, hợp tác của các cấp, các ngành; sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đảng Bộ, đặc biệt là của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; và nhất là tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, đoàn kết, hợp tác của công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành Thống kê.

Bước sang năm 2021, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2025, năm kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê, tôi tin tưởng rằng với truyền thống đoàn kết, gắn bó, toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành sẽ tiếp tục phát huy tinh thần lao động, kiên trì, sáng tạo, đồng sức, đồng lòng, vượt mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục bám sát diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, kịp thời phản ánh và đề xuất các giải pháp có hiệu quả, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của các Bộ, ngành và địa phương.

Chúc các đồng chí cùng gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Thân ái!

Nguyễn Thị Hương

KẾT QUẢ, SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH THỐNG KÊ NĂM 2020 VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

Cũng như hầu hết các nước trên thế giới, năm 2020, kinh tế - xã hội Việt Nam trải qua một năm đầy sóng gió: Thiên tai dị thường, chuỗi sản xuất toàn cầu đứt gẫy do dịch bệnh Covid-19 hoành hành đã gây tổn thất nặng nề đến phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2020, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước chỉ đạt 2,91% là tốc độ tăng thấp so với những năm trước đây, song trong bối cảnh nhiều nước trong khu vực và trên thế giới tăng trưởng âm, thì kết quả này đã khẳng định tính hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của Chính phủ; sự nỗ lực không ngừng của cả hệ thống chính trị, từng doanh nghiệp và người dân. Trong thành công chung đó có sự đóng góp không nhỏ của ngành Thống kê.

Kết thúc năm 2020, toàn Ngành cùng điểm lại những kết quả, sự kiện nổi bật trong năm qua và đề ra mục tiêu trong năm 2021.

CÁC KẾT QUẢ, SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2020

1 Cung cấp hệ thống số liệu thống nhất phục vụ đánh giá và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của cả nước

Trong năm 2020, Ngành Thống kê đã thực hiện xây dựng bộ số liệu chung thống nhất về thông tin thống kê kinh tế - xã hội đảm bảo nội dung trung thực, đầy đủ, cập nhật kịp thời và toàn diện bức tranh kinh tế - xã hội cả nước và địa phương. Theo đó, Tổng cục Thống kê chủ trì biên soạn 108/141 biểu số liệu. Đây là lần đầu tiên ngành Thống kê xây dựng được bộ số liệu sử dụng thống nhất cho các văn kiện, là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược 10 năm 2011-2020; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phục vụ Đại hội Đảng bộ toàn quốc lần thứ XIII. Bên cạnh đó, trong năm 2020, các Cục Thống kê địa phương thực hiện tốt công tác biên soạn số liệu thống kê kinh tế - xã hội phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp ở địa phương.





2 Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Thống kê

Năm 2020, lần thứ hai trong 3 năm liên tiếp, Ngành Thống kê vinh dự được đón Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về dự chỉ đạo tại Hội nghị triển khai kế hoạch công tác ngành Thống kê. Cũng trong năm này, nhân kỷ niệm Ngày Thống kê Thế giới (ngày 20/10/2020), Thủ tướng Chính phủ đã gửi Thư chúc mừng tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê. Trong thư có đoạn viết: "Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp quan trọng của ngành Thống kê đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Ngành Thống kê đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao". Trong năm 2020, Tổng cục Thống kê đã hoàn thành xuất sắc chỉ đạo của Thủ tướng.

3 Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng cục Thống kê lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và đại hội Đảng các đơn vị trong toàn ngành

Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ Tổng cục Thống kê luôn quán triệt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị là trọng tâm và mang tính chất quyết định trong mọi hoạt động của Đảng bộ. Đảng ủy đã tích cực tham gia với Lãnh đạo Tổng cục trong việc chỉ đạo và lãnh đạo toàn Đảng bộ và cơ quan nắm bắt kịp thời diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của cả nước, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trên cơ sở đó tổ chức thu thập số liệu và cung cấp thông tin thống kê kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước… Đại hội đã thực hiện bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng cục Thống kê gồm 14 đồng chí, đồng chí Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng được tín nhiệm bầu trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Tổng cục Thống kê khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025.



4 Thực hiện báo cáo kịp thời và liên tục cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế trong điều kiện đất nước chịu tác động của đại dịch Covid – 19



Năm 2020, Việt Nam cũng như các nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid – 19. Để kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và các địa phương, Ngành Thống kê đã chủ động triển khai hiệu quả 2 cuộc điều tra nhanh đánh giá tác động của dịch Covid - 19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ngành Thống kê đã kịp thời xây dựng các kịch bản tăng trưởng kinh tế phù hợp trong điều kiện tác động của đại dịch Covid -19, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có căn cứ chỉ đạo, điều hành quyết liệt nền kinh tế đạt mục tiêu kép là "phấn đấu đạt tăng trưởng ở mức cao nhất; vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh". Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước thuộc nhóm cao nhất thế giới với mức tăng 2,91% trong năm 2020.



5 Kiện toàn, đổi mới cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê từ Trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê. Theo đó, Tổng cục Thống kê đã thực hiện kiện toàn, đổi mới cơ cấu tổ chức của toàn ngành Thống kê theo hướng đáp ứng chuyên môn hóa hoạt động sản xuất thông tin thống kê và giảm đầu mối cấp phòng cơ quan Cục và Chi cục; thành lập Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê. Tính đến ngày 31/12/2020, Tổng cục Thống kê có 15 đơn vị hành chính và 5 đơn vị sự nghiệp trực thuộc; 63 Cục Thống kê với 315 phòng (giảm 110 phòng); 595 Chi cục Thống kê cấp huyện (giảm 111 Chi cục).

6 Đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN về thống kê năm 2020



Từ tháng 10/2019, Thống kê Việt Nam bắt đầu đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN về thống kê năm 2020, với chủ đề "Cùng nhau gắn kết nâng cao năng lực Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN để đáp ứng tốt hơn nhu cầu dữ liệu ngày càng tăng". Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 bùng phát và diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, Tổng cục Thống kê phối hợp với Thống kê ASEAN điều phối công tác thống kê ASEAN theo hướng tăng cường tương tác qua môi trường mạng, tổ chức các phiên họp theo hình thức trực tuyến; và đã đạt được sự đồng thuận, hiệu quả cao. Đặc biệt, Việt Nam đã chủ trì thành công Hội nghị Ủy ban Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN lần thứ 10, kết hợp với Diễn đàn cấp cao về Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN và Hệ thống thống kê Việt Nam.

Đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Việt Nam trong tiến trình thúc đẩy hội nhập và phát triển của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN, góp phần nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

7 Chính thức thực hiện họp báo công bố số liệu định kỳ 6 tháng và cả năm tại các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương



Nhằm tăng cường việc sử dụng thống nhất số liệu do ngành Thống kê công bố, ngày 16/5/2019, Tổng cục Thống kê đã ban hành công văn về Tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội của các Cục Thống kê và chính thức thực hiện từ năm 2020. Theo đó, trong giai đoạn thử nghiệm năm 2019 có 7 Cục Thống kê tổ chức thành công họp báo 6 tháng đầu năm 2019 và 20 Cục Thống kê tổ chức thành công họp báo cả năm 2019. Đến năm 2020, 63/63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố đồng loạt thực hiện họp báo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng và cả năm 2020. Theo đó, chất lượng báo cáo, tính chuyên nghiệp ngày càng được nâng lên, đánh dấu bước tiến trong công tác phổ biến thông tin thống kê trong toàn Ngành.



8 Thực hiện thành công Đề án 715 về đổi mới quy trình biên soạn tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại Hà Nội, ngành Thống kê đã tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Đề án Đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Đề án 715). Sau 5 năm thực hiện, Đề án 715 đã đạt được một số kết quả quan trọng, cho thấy nhiều ưu điểm vượt trội, như đã phản ánh chính xác hơn tình hình kinh tế - xã hội tại các địa phương tạo khả năng đối chiếu, so sánh, nâng cao chất lượng số liệu của cả hai chỉ tiêu GDP và GRDP. Rõ ràng, kết quả đổi mới, hoàn thiện nghiệp vụ biên soạn và nâng cao chất lượng số liệu đồng thời cả GRDP và GDP là thành công kép của quá trình triển khai thực hiện Đề án 715 trong 5 năm vừa qua.

9 Chuyển đổi số trong công tác điều hành, quản lý của ngành Thống kê



Năm 2020, với mục tiêu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành đồng thời ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, ngành Thống kê đã xây dựng hệ thống họp trực tuyến đến 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hoàn thành triển khai hệ thống xử lý văn bản điện tử theo Quyết định của Thủ tướng và áp dụng chữ ký số trong toàn Ngành, đặc biệt toàn bộ công chức từ Trung ương đến Chi cục Thống kê huyện đã được cấp chữ ký số. Theo thống kê, đến tháng 12/2020, có gần 3,3 nghìn chữ kỹ số được cấp; gần 250,5 nghìn văn bản đi và đến được xử lý trên E-office. Trong 6 tháng cuối năm 2020 có 86 cuộc họp, hội thảo trực tuyến với gần 10 nghìn lượt tham dự, tổng số tiền tiết kiệm được từ họp trực tuyến khoảng 4,1 tỷ đồng. Đặc biệt, toàn ngành bắt đầu sử dụng phần mềm điều hành, tác nghiệp Taskgov, là cơ quan hành chính ngành dọc đầu tiên ứng dụng công nghệ số trong đo lường và đánh giá hiệu quả công việc.

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

Năm 2020 đã khép lại, bước sang năm 2021, đất nước ta bước vào giai đoạn lịch sử mới với những mục tiêu mới, Ngành Thống kê cũng bước tiếp với những nhiệm vụ trọng tâm, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

1. Cập nhật diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước.

2. Triển khai thực hiện chuyển đổi năm gốc 2020.

3. Tăng cường kết nối và sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê.

4. Tăng cường phổ biến thông tin thống kê, kiến thức thống kê để thông tin thống kê trở thành công cụ hữu ích cho người dùng tin.

5. Thực hiện thành công Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

6. Xây dựng thành công và triển khai có hiệu quả Chiến lược Phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

7. Sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê và các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động thống kê.

8. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ.

9. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thống kê và xây dựng hệ thống thông tin thống kê Quốc gia.

Năm 2021, là năm đầu tiên của giai đoạn 2021- 2025, toàn ngành quyết tâm cùng nhau đoàn kết, nỗ lực phấn đấu xây dựng ngành Thống kê ngày một vững mạnh, hướng tới lập thành tích kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập ngành (6/5/1946 – 6/5/2021), với chủ đề của năm:

CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI VÀ THÍCH ỨNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

PV: Năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới bị tác động mạnh mẽ bởi nhiều yếu tố, cả về địa chính trị, thiên tai, đặc biệt là đại dịch Covid-19... Điều này đã ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, Bà có thể nêu rõ hơn về thực trạng này?

TS. Nguyễn Thị Hương: Có thể thấy rõ, kinh tế - xã hội năm 2020 ở nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trong tháng 11 và tháng 12 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu tuy vẫn đối mặt với nhiều khó khăn nhưng đã có xu hướng phục hồi trong những tháng cuối năm 2020 và dự báo tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2021. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng năm 2020 của Mỹ âm 3,5% (tăng 1,8 điểm phần trăm so với mức dự báo hồi tháng 9/2020) và tăng trưởng 4,2% năm 2021. Tương tự, Trung Quốc tăng 2,1% năm 2020 (tăng 0,3 điểm phần trăm) và tăng 7,7% năm 2021. Nhật Bản giữ nguyên dự báo mức tăng trưởng âm 5,4% cho năm 2020 và sẽ phục hồi ở mức tăng 2,3% năm 2021, cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Khu vực đồng Euro âm 7,4% năm 2020 (tăng 0,6 điểm phần trăm) và tăng 5,6% năm 2021.

Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định thì cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

Phóng viên: Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã có những hành động ứng phó kịp thời như thế nào, thưa Bà?

TS. Nguyễn Thị Hương: Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.



KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM NĂM 2020

NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

ĐẠT ĐƯỢC MỨC TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG

LTS. Năm 2020 khép lại với nhiều biến động ảnh hưởng nặng nề đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Tốc độ tăng GDP cả nước chỉ đạt 2,91% nhưng cũng là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh nhiều nước trên thế giới, kể cả các nền kinh tế lớn tăng trưởng âm. Nhân dịp Xuân Tân Sửu 2021, Tạp chí Con số và Sự kiện có bài phỏng vấn Tiến sĩ Nguyễn Thị Hương - Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xoay quanh chủ đề thành tựu kinh tế - xã hội năm 2020, những thách thức và giải pháp phát triển kinh tế trong năm 2021.

Trước đại dịch Covid-19, với phương châm vừa phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, ngày 04/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Ngày 09/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, đồng thời thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện trong từng tháng, từng quý. Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản số 622/TTg-KTTH và số 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 cùng với sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn trực tiếp tại các địa phương của Lãnh đạo và các thành viên Chính phủ. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2020 tiếp tục chuyển biến tích cực. Riêng về phía ngành Thống kê, để kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và các địa phương, Ngành đã chủ động triển khai hiệu quả 2 cuộc điều tra nhanh đánh giá tác động của dịch Covid - 19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ngành Thống kê cũng đã kịp thời xây dựng các kịch bản tăng trưởng kinh tế phù hợp trong điều kiện tác động của đại dịch Covid -19, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có căn cứ chỉ đạo, điều hành quyết liệt nền kinh tế đạt mục tiêu kép: "phấn đấu đạt tăng trưởng ở mức cao nhất; vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh".

Phóng viên: Bà có thể điểm lại một số kết quả nổi bật kinh tế - xã hội Việt Nam đã đạt được trong năm 2020?

TS. Nguyễn Thị Hương: Điểm nổi bật nhất phải kể đến là tốc độ tăng trưởng năm 2020 của nước ta đã đạt 2,91%. Tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Có thể nói, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.



Do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) được thực thi nên sản xuất công nghiệp trong quý IV/2020 có sự khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

Với sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020 có những kết quả đáng ghi nhận. Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 2,3% so với năm trước nhưng có số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3%. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I/2021 với 81% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý IV/2020.

Đáng mừng là, trong năm 2020, nhờ kiểm soát tốt dịch Covid-19 trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2020 tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tính chung cả năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 2,6% so với năm trước, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng đây cũng là thành công của Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Một số ngành dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng khá nhờ đổi mới, sáng tạo, nhanh chóng áp dụng và đẩy mạnh công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; Thông tin và truyền thông; Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ,...

Trong nước ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát. Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển ổn định và an toàn trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp; huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng khoảng 20% so với năm trước.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020 chỉ tăng 5,7% so với năm 2019, mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 song tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 lại đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020. Đây là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát tốt tại Việt Nam. Tính chung năm 2020, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP.

Năm 2020 cũng ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Đặc biệt, cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay.

CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%; CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Trong năm 2020, đời sống của nhân dân trên cả nước tuy gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai và dịch bệnh Covid-19 nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và sự nỗ lực của người dân nên đời sống nhân dân nhìn chung ổn định. Ước tính thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2020 theo giá hiện hành đạt 4.190 nghìn đồng. Thiếu đói trong nông dân hầu như không xảy ra trong những tháng cuối năm. Tính chung năm 2020, cả nước có 16,5 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 75,9% so với năm trước, tương ứng với 66,5 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 76,1%. Chất lượng dân số được cải thiện, mức sinh giảm mạnh trong 3 thập kỷ qua và cơ bản duy trì mức sinh thay thế từ năm 2005 trở lại đây. Tỷ lệ tử vong vẫn duy trì ở mức thấp, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng do những thành tựu phát triển của y học và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện.

Ngoài ra, chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân khu vực nông thôn, đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, trường học được đầu tư xây dựng mới, cải tạo đạt chuẩn, các chương trình hỗ trợ giống cây trồng cho sản xuất nông nghiệp, chính sách cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo… giúp người nông dân phát triển sản xuất,

cải thiện đời sống. Tính đến cuối tháng 11/2020, cả nước có 5.415 xã và 173 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Tóm lại, kết quả nổi bật nhất trong năm 2020 thể hiện ở tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước thuộc nhóm cao trên thế giới với mức tăng 2,91% và kiểm soát thành công dịch bệnh Covid-19. Thành tựu lớn nhất trong năm 2020, theo tôi không chỉ là kết quả về kinh tế và an sinh xã hội, mà cái được lớn nhất ở đây, đó chính là lòng dân. Sự đồng thuận, đồng lòng, chung tay, góp sức của người dân, của doanh nghiệp trên mọi mặt trận, ở mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn, căng thẳng vừa qua là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên kết quả ấn tượng của năm 2020. Dân tin và thực hiện theo sự điều hành sáng suốt, linh hoạt của Đảng, Nhà nước và Chính phủ là một trong những yếu tố mấu chốt, quyết định kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta vừa qua. Đây chính là tài sản vô cùng quý báu, là nguồn lực, là sức mạnh để chúng ta vững tin bước vào giai đoạn mới với những thách thức và cơ hội mới.

Phóng viên: Năm 2021, năm đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025, còn đó rất nhiều khó khăn, thử thách, Bà có khuyến nghị, giải pháp gì nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng trong năm tới?

TS. Nguyễn Thị Hương: Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội nước ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Dịch Covid-19 tuy đã cơ bản được khống chế ở Việt Nam nhưng còn diễn biến phức tạp trên thế giới làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới các ngành thương mại, du lịch, vận tải, không ít doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, thu hẹp quy mô và tạm dừng hoạt động. Tiến trình tái cơ cấu chậm làm cho chất lượng tăng trưởng thấp. Xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng nhưng chưa bảo đảm chất lượng và thiếu tính bền vững. Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao dẫn đến năng suất lao động thấp làm cho hiệu quả và sức cạnh tranh của toàn nền kinh tế bị hạn chế.

Bước sang năm 2021, các ngành, các cấp và các địa phương phải nhận thức đúng và đủ những khó khăn, thách thức trên chặng đường phía trước để kịp thời có giải pháp khắc phục, đồng thời chủ động tận dụng cơ hội nhằm thực hiện tốt nhất mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tạo đà phát triển mạnh cho những năm tiếp theo. Cùng với việc giữ ổn định môi trường phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, thuận lợi cho đời sống của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo nền tảng quan trọng cho phát triển, cần tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau đây: *Một là,* tiếp tục chủ động kiểm soát tốt, nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh. *Hai là,* đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, xác định các sản phẩm đặc thù tập trung nguồn lực đầu tư phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả. *Ba là,* điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; tăng trưởng tín dụng hợp lý, nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ khởi nghiệp. *Bốn là*, thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ gắn với cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công; giữ vững kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước; tiếp tục mở rộng cơ sở thuế, thực hiện nghiêm các luật thuế, phí và lệ phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại và nợ đọng thuế… *Năm là*, cải thiện mạnh mẽ và thực chất môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể. Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ; thu hút doanh nghiệp FDI quy mô lớn, có chuỗi giá trị toàn cầu. *Sáu là,* đẩy mạnh liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch. Tập trung chỉ đạo phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu, chế biến sản phẩm nông sản, thủy hải sản chủ lực. *Bảy là,* chú trọng phát triển thị trường trong nước; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu chính ngạch cho sản phẩm nông sản. Kiểm soát chặt chẽ hàng hóa nhập khẩu, nhất là hàng tạm nhập, tái xuất, hàng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất… *Tám là,* Chính phủ cần xây dựng kế hoạch, phương thức cụ thể để thu hút đầu tư nước ngoài, tập trung thu hút các nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới, các nước nắm giữ công nghệ nguồn có năng lực quản trị hiện đại, năng lực cạnh tranh cao. *Chín* là, các bộ, ngành, địa phương cần nghiêm chỉnh, cảnh giác cao trong công tác phòng chống dịch bệnh; chủ động, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể đề ra tại chương trình, kế hoạch hành động của Bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn Tổng cục trưởng đã trả lời phỏng vấn!

Nhìn lại bức tranh

KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

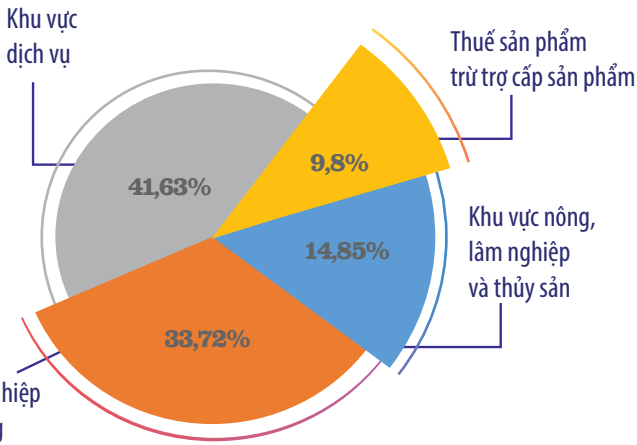
Bích Ngọc

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và những tác động tiêu cực của thiên tai, dưới sự chỉ đạo, điều hành cùng những giải pháp hiệu quả của Chính phủ, bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam vẫn có nhiều điểm sáng.

Tổng sản phẩm trong nước

Mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới

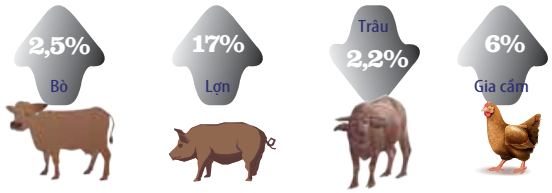






Sản lượng lúa mùa **8,08** triệu tấn

↓ **20,7** nghìn tấn



Số lượng gia súc, gia cầm tháng 12/2020 so cùng thời điểm năm trước

Hệ số ICOR ☞ **14,28**

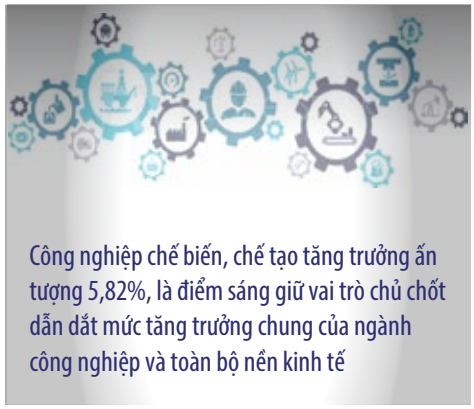
Năng suất lao động toàn nền kinh tế **117,9** triệu đồng/lao động



Sản xuất công nghiệp

3,36 %

Giá trị tăng thêm toàn ngành



Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng ấn tượng 5,82%, là điểm sáng giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế



134,9 nghìn
Doanh nghiệp thành lập mới

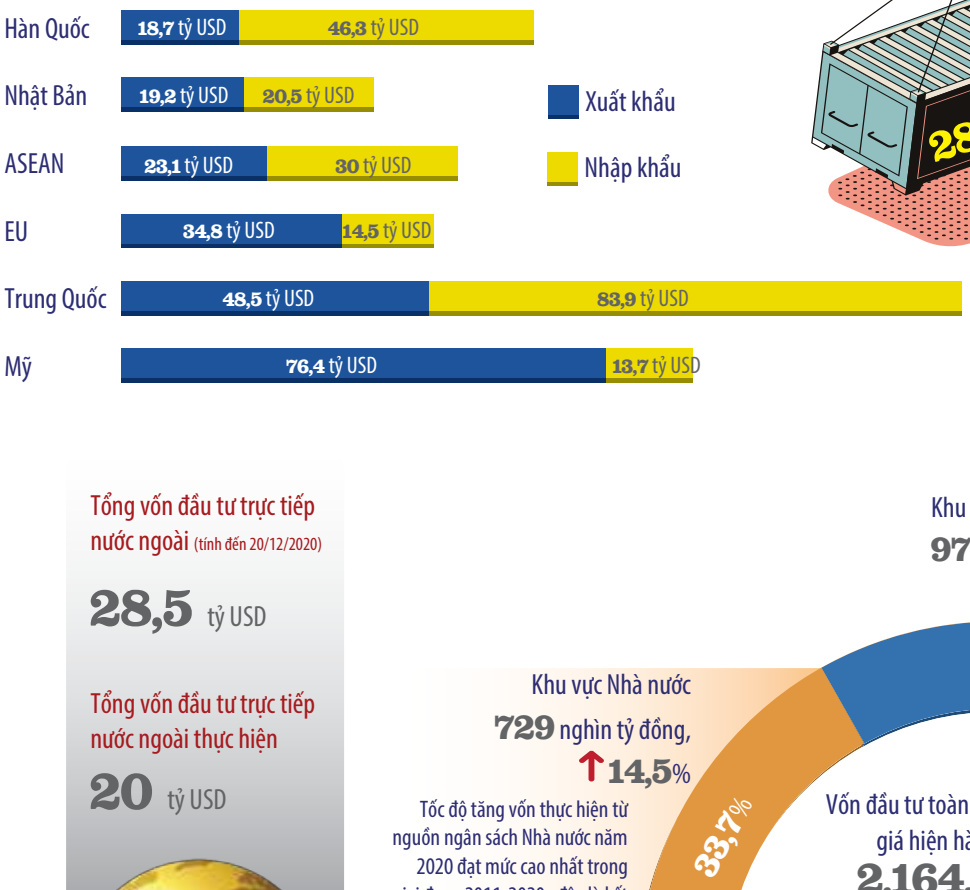


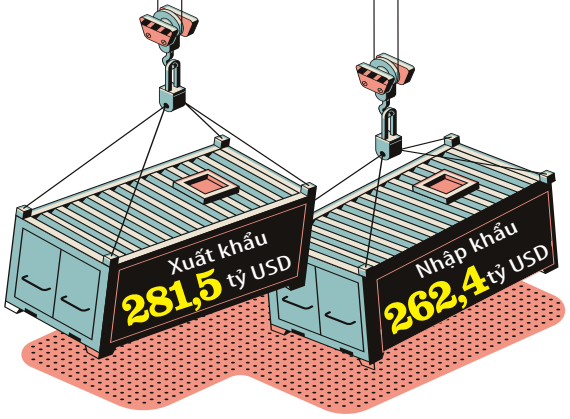
44,1 nghìn
Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động



101,7 nghìn
Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ thủ tục giải thể, hoàn tất thủ tục giải thể

Thị trường xuất, nhập khẩu chủ yếu





Xuất siêu 19,1 tỷ USD
cao nhất từ trước đến nay

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (tính đến 20/12/2020)

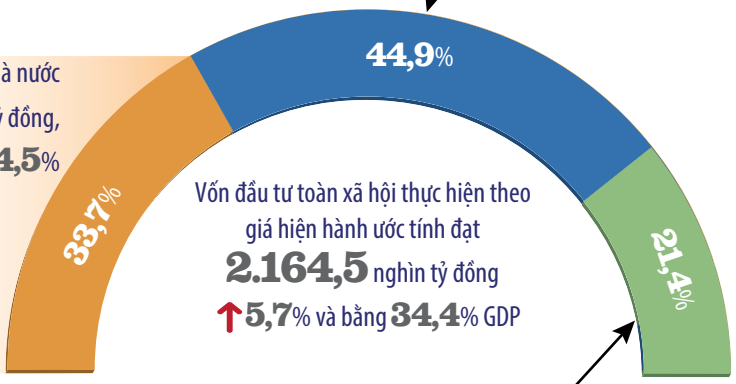
28,5 tỷ USD

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện

20 tỷ USD



Khu vực ngoài Nhà nước đạt
972,2 nghìn tỷ đồng, ↑**3,1**%



Khu vực Nhà nước
729 nghìn tỷ đồng,
↑**14,5**%

Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020 , đây là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt
2.164,5 nghìn tỷ đồng
↑**5,7**% và bằng **34,4**% GDP

Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt **463,3** nghìn tỷ đồng
↓**1,3**%.

Dân số trung bình



97,58 triệu người



48,59 triệu người



48,99 triệu người



35,93 triệu người



61,65 triệu người

Tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều



4,7%

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



54,6 triệu người

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc

53,4 triệu người



Tỷ lệ thất nghiệp chung



2,26%





ĐỘNG LỰC VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2021

ThS. Dương Mạnh Hùng
Vụ trưởng Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia - TCTK

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 đạt 2,91% (trong đó tăng trưởng bốn quý lần lượt là 3,68%; 0,39%; 2,69%; 4,48%). Bức tranh tăng trưởng kinh tế quý IV đã nổi nên nhiều gam màu sáng giúp cho toàn bộ bức tranh kinh tế năm 2020 được đánh giá là khá thuyết phục trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu tác động tiêu cực bởi dịch bệnh Covid-19 diễn ra từ những tháng đầu năm 2020 tới nay. Mặc dù, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 thấp nhất trong mười năm qua, song lại thuộc nhóm cao nhất thế giới. Đây là kết quả ghi nhận sự nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ, Nhà nước, doanh nghiệp và toàn thể người dân trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay.

Trong mức tăng trưởng năm 2020 của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt mức tăng trưởng cao nhất 3,98%, đóng góp 1,62 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng 2,68%, đóng góp 0,41 điểm phần trăm tăng trưởng; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 1,02 điểm phần trăm tăng trưởng.

Có điểm đáng chú ý là, trong bối cảnh kinh tế thế giới đầy khó khăn do đại dịch Covid - 19 hiện nay, kinh tế Việt Nam năm 2020 tuy không bị suy giảm mạnh như các nước nhưng cũng khiến mục tiêu tăng trưởng toàn giai đoạn 2016-2020 không thể hoàn thành. Bước sang năm 2021, trước diễn biến chưa sáng sủa của dịch bệnh, kinh tế Việt Nam dự báo cũng sẽ chưa thể đạt bứt phá mạnh mẽ như kỳ vọng. Nền kinh tế thế giới có thể đối mặt với một số rủi ro tiềm ẩn bao gồm: (i) Các đợt bùng phát dịch Covid-19 tái diễn ở nhiều nơi; (ii) Các điều kiện tài chính thắt chặt; (iii) Bất ổn xã hội gia tăng; (iv) Căng thẳng địa chính trị; (v) Sự không chắc chắn về chính sách thương mại và những mâu thuẫn về công nghệ; (vi) Thiên tai do biến đổi khí hậu.

Ngày 11/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 124/2020/QH14 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, trong đó nêu rõ Tổng sản phẩm trong nước tăng khoảng 6% và tại hội nghị trực tuyến Chính phủ với các địa phương sáng 28/12/2020, Thủ tướng Chính phủ cho biết Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2021 là 6,5%. Trong điều kiện bình thường, mục tiêu tăng trưởng 6 – 6,5% hoàn toàn khả thi nhưng trong điều kiện hiện tại, đây sẽ là thách thức không nhỏ cho toàn Đảng, Chính phủ và toàn dân, bởi năm 2021 là năm khởi đầu của chu kỳ 5 năm kế hoạch kinh tế - xã hội mới 2021-2025; và thông thường sẽ được nhìn nhận là năm có tính khuyến khích, thúc đẩy, làm động lực cho các năm kế hoạch tiếp sau.

Động lực tăng trưởng năm 2021 tiếp tục sẽ là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với nhiều dự án lớn đang được đầu tư, triển khai, nhiều doanh nghiệp tập trung ở các ngành: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Dệt may; Da giầy; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Giấy và sản phẩm từ giấy; Sản xuất kim loại,





sản phẩm từ kim loại đúc sẵn. Ngành xây dựng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2020, với các dự án đường cao tốc đang được triển khai và sẽ hoàn thành trong năm 2021. Ngành sản xuất điện, dự kiến tăng công suất phát điện thêm trên 6200 MW với việc hoàn thành nhiều nhà máy điện gió và điện mặt trời tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Dự báo các ngành dịch vụ như bán buôn, bán lẻ, thông tin truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các hoạt động dịch vụ phi thị trường như y tế, giáo dục, quản lý nhà nước tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá trong năm 2021. Các ngành dịch vụ có mức tăng trưởng âm trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid 19 như: Dịch vụ lưu trú ăn uống, vận tải, du lịch… sẽ được phục hồi trong năm 2021.

Ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên, năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) được xem là yếu tố, động lực tiềm năng mang đến sự phát triển bền vững cho kinh tế Việt Nam. Hiện nay, Chính phủ, các cấp, các ngành đang giành nhiều tâm huyết và nỗ lực để cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh gay gắt, năng suất lao động chính là yếu tố quyết định tới năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của từng doanh nghiệp. Nâng cao năng suất lao động là vấn đề sống còn đối với tất cả các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, vì nó đồng nghĩa với phát triển nhanh, bền vững, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và đuổi kịp các quốc gia trong khu vực.

Năng suất các nhân tố tổng hợp chiếm tỷ trọng cao trong đóng góp vào tăng trưởng kinh tế sẽ đảm bảo duy trì được tốc độ tăng trưởng dài hạn và tránh được những biến động kinh tế từ bên ngoài. Theo đánh giá của các chuyên gia, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp TFP vào tăng trưởng kinh tế được cải thiện trong những năm gần đây: Bình quân giai đoạn 2016-2020 là 45,72%, cao hơn nhiều so với mức 32,84% giai đoạn 2011-2015.

Nhiều dự báo khả năng kinh tế Việt Nam có thể đạt tăng trưởng tốt trong năm 2021. Tuy nhiên, trước rất nhiều khó khăn và thách thức cần có các biện pháp cấp bách mạnh mẽ gắn với các giải pháp vĩ mô, xuyên suốt và quyết liệt trong điều hành nhằm đạt được những chỉ tiêu, kế hoạch mà Chính phủ và Quốc hội đã đề ra:

(1) *Dựa vào đầu tư công để hỗ trợ và kích thích nền kinh tế*

Do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đầu tư của toàn nền kinh tế sẽ giảm trong ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là đầu tư của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài nhà nước. Để có thể kích thích tiêu dùng, vực dậy sản xuất, cần tập trung vào đầu tư công, phát triển một số ngành mũi nhọn, từ đó tạo tác động lan tỏa đến các ngành liên quan, giúp nền sản xuất trong nước phát triển. Vốn đầu tư công sẽ là động lực lớn, góp phần thúc đẩy, thu hút và lan tỏa đầu tư, tạo động lực, nền tảng cho phát triển và dịch chuyển cơ cấu kinh tế trong thời gian tới.

Vì vậy, Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương cần phải có những giải pháp cụ thể, đồng bộ và quyết liệt để đẩy mạnh thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư công đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Đặc biệt là thực hiện theo Luật Đầu tư công sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/2020 với những quy định mới, nhiều thủ tục sẽ được đơn giản hơn, tháo gỡ nhiều vướng mắc, khó khăn cho quá trình triển khai thực hiện.

(2) *Khai thác và thực hiện hiệu quả hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới*

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (Hiệp định EVFTA) được kỳ vọng đem đến nhiều cơ hội thuận lợi, là điểm nhấn quan trọng của nền kinh tế Việt Nam trong tình hình mới, có khả năng tạo khởi sắc ấn tượng trong quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu nói riêng, cũng như thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nói chung. Ngoài ra, thông qua Hiệp định EVFTA, Việt Nam sẽ khẳng định được vai trò và vị thế địa - chính trị quan trọng của mình trong khu vực, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Hiệp định EVFTA có hiệu lực, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam cho giá trị gia tăng cao ở thị trường EU (như gạo, thủy sản…) có thể tận dụng ngay được các cam kết xóa bỏ thuế quan từ Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), từ đó đẩy mạnh giá trị xuất khẩu các mặt hàng này vào khu vực EU.

Các doanh nghiệp cần chủ động hơn nữa trong việc tìm hiểu về Hiệp định EVFTA; tăng cường hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, thay đổi tư duy quản lý và kinh doanh, liên kết tạo thành chuỗi sản xuất, kinh doanh để hội tụ đủ nguồn lực đối mặt với áp lực cạnh tranh. Doanh nghiệp cũng cần hết sức lưu ý những cam kết về phát triển bền vững như các nguyên tắc, tiêu chuẩn về lao động, bảo vệ môi trường do đây là những nội dung mà phía EU đặc biệt quan tâm.

(3) Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam đã có chủ trương chuyển dần sang chuyển đổi số trong những năm sắp tới. Đây là xu hướng tất yếu và phù hợp trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay. Với việc dựa trên 3 lĩnh vực chính: Kỹ thuật số, công nghệ sinh học; Robot thế hệ mới... cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN 4.0) sẽ là nền tảng để nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp sang kinh tế tri thức; làm thay đổi cơ bản khái niệm đổi mới công nghệ, trang thiết bị trong các dây chuyền sản xuất.

Do đó, cần thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng tháo gỡ các rào cản về hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế, tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(4). *Tăng cường tính tự lực, tự cường của nền kinh tế, cần chủ động các nguồn nguyên, vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất, nhất là sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Tham gia sâu vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu để nâng tỷ lệ giá trị giá tăng của hàng xuất khẩu.*

(5). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính cũng như hoàn thiện thể chế, môi trường pháp lý để tạo nên môi trường đầu tư kinh doanh theo tính chất kiến tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển hài hòa, ổn định của các thành phần kinh tế./.

Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1967 tại Băng-cốc, Thái Lan. Sau hơn năm mươi năm kể từ ngày thành lập, ASEAN không ngừng phát triển, trở thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, cùng chia sẻ trách nhiệm xã hội, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm, tạo nền tảng quan trọng để mang lại lợi ích chung cho tất cả các quốc gia thành viên.

Những thành tựu đạt được nói trên có sự đóng góp to lớn của Thống kê ASEAN nói chung và Thống kê Việt Nam nói riêng. Kể từ khi thành lập vào năm 1997 đến nay, Thống kê ASEAN luôn nỗ lực củng cố và hoàn thiện khuôn khổ thể chế, tăng cường xây dựng năng lực, hài hòa hóa số liệu cả ở cấp khu vực cũng như từng Hệ thống thống kê quốc gia để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin.

Những thành tựu đạt được của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN

Năm 2010, Khung hợp tác thống kê ASEAN giai đoạn 2010 - 2015 được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 17, đặt nền tảng cho việc tăng cường tổ chức và nâng cao năng lực thống kê của ASEAN hướng tới thành lập Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN.

Năm 2011, Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Thống kê ASEAN.

Sau mười năm thành lập, Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện trên những mặt cụ thể sau:

Thứ nhất, đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng làm cơ sở cho hoạt động của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN, gồm: Chiến lược phát triển Thống kê ASEAN giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt vào năm 2011, Các nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN vào năm 2012, Chính sách và Hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN vào năm 2013, Chiến lược phát triển Thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2025 vào năm 2015.



VIỆT NAM - NĂM CHỦ TỊCH ASEAN VÀ VAI TRÒ CỦA THỐNG KÊ VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

TS. Hoàng Thị Thanh Hà
Q. Vụ trưởng Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK

Thứ hai, tăng cường năng lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với số liệu ASEAN. Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN đã nỗ lực hoàn thiện phương pháp luận, nâng cao tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê thuộc các lĩnh vực như: Thống kê về thương mại quốc tế về hàng hóa và dịch vụ, thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài, tài khoản quốc gia, các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs) nhằm phục vụ tiến trình hội nhập của ASEAN.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác phổ biến, truyền thông số liệu thống kê ASEAN. Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN tập trung phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và công nghệ chia sẻ số liệu, tăng cường phổ biến số liệu thông qua cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN, các trang thông tin điện tử của khu vực và quốc gia, các ấn phẩm, báo cáo thống kê ASEAN, tờ rơi, infographics, videographics…

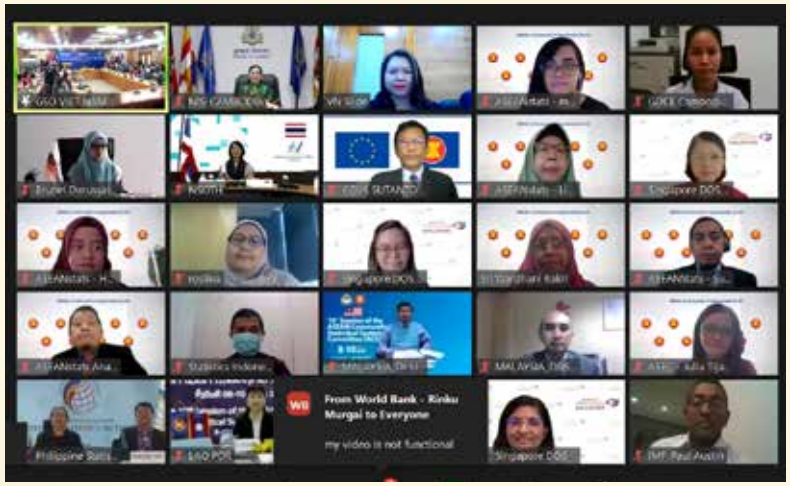
Thứ tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia. Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN đã thông qua sáng kiến ASEAN giúp ASEAN triển khai các hoạt động như hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông cho các nước Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam (CLMV) trong thực hiện các hoạt động thống kê của khu vực, hỗ trợ xây dựng năng lực cho các nước CLMV…

Với những nỗ lực không mệt mỏi, Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin quan trọng phục vụ quá trình hoạch định chính sách và giám sát tiến trình hội nhập của khu vực và quốc gia.

Thống kê Việt Nam trong vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê

Năm 2020 đánh dấu mốc quan trọng đối với Thống kê Việt Nam. Đây là năm Thống kê Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê trong bối cảnh chung Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN. Năm 2020 cũng là năm kỷ niệm 5 năm thành lập cộng đồng ASEAN,10 năm thành lập Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN và cũng là năm toàn thế giới tôn vinh ngày Thống kê thế giới.

Nhận thức được tầm quan trọng của năm đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 về Thống kê, Tổng cục Thống kê đã sớm xây dựng, trình Bộ trưởng Đề án "Chuẩn bị và đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN của Việt Nam năm 2020" (gọi tắt là Đề án) và đã được Bộ trưởng ban hành vào tháng 6 năm 2019. Thống kê Việt Nam cũng đăng ký thực hiện sáng kiến quốc gia "Thiết lập Hệ thống thông tin thống kê về Phát triển bền vững của ASEAN" trong năm đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê. Trên cơ sở chủ đề quốc gia "Gắn kết và chủ động thích ứng" trong năm Chủ tịch ASEAN,







Thống kê Việt Nam đã chọn chủ đề "Cùng nhau gắn kết nâng cao năng lực Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN để đáp ứng tốt hơn nhu cầu dữ liệu ngày càng tăng". Đồng thời, Thống kê Việt Nam cũng nhanh chóng ban hành Kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện Đề án.

Tuy nhiên, dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp trên toàn cầu, các kịch bản đã đề ra trong Kế hoạch chi tiết đều không còn phù hợp. Trong bối cảnh đó, Thống kê Việt Nam đã thể hiện được vai trò gắn kết và dẫn dắt các quốc gia thành viên trong việc triển khai các hoạt động, thể hiện ở những điểm sau:

Một là, nhanh chóng chuyển toàn bộ các phiên họp của các Nhóm công tác ASEAN do Việt Nam chủ trì từ hình thức trực tiếp sang hình thức trực tuyến, áp dụng triệt để hình thức trao đổi qua thư điện tử để xin ý kiến của các quốc gia thành viên đối với những vấn đề quan trọng, cần sự đồng thuận cao. Qua đó, Thống kê Việt Nam đã chủ trì, phối hợp tốt với Bộ phận Thống kê của Ban Thư ký ASEAN và các quốc gia thành viên hoàn thành các tài liệu cho bốn hoạt động ưu tiên trong năm Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN gồm: (1) Báo cáo đầu kỳ và cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN; (2) Khung khái niệm về sử dụng dữ liệu lớn (big data) để tăng cường số liệu thống kê chính thức của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN; (3) Đánh giá giữa kỳ Chiến lược phát triển Thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2025 và sửa đổi kế hoạch công tác giai đoạn 2021-2025; (4) Khung sáng kiến ASEAN giúp ASEAN về xây dựng năng lực thống kê. Có thể nói, mặc dù đây là lần đầu tiên các quốc gia thành viên phải tổ chức các phiên họp nhóm bằng hình thức trực tuyến, nhưng nhờ sự phối hợp nhịp nhàng và vai trò dẫn dắt của nước chủ nhà, tất cả các cuộc họp đều đạt kết quả cao.

Hai là, kết nối chặt chẽ với các quốc gia thành viên trong triển khai sáng kiến quốc gia "Thiết lập Hệ thống thông tin thống kê về Phát triển bền vững của ASEAN" nhằm đảm bảo sáng kiến được thực hiện đúng tiến độ. Nhờ đó, đến ngày 23 tháng 10 năm 2020, Thống kê Việt Nam đã tổ chức thành công Lễ công bố "Báo cáo đầu kỳ và Cơ sở dữ liệu trực tuyến của các chỉ tiêu phát triển bền vững của ASEAN". Lễ công bố nhận được đánh giá cao của Ban Thư ký ASEAN, các Ban ngành của ASEAN, các quốc gia thành viên và các Tổ chức quốc tế, đối tác phát triển.

Ba là, tổ chức thành công Hội nghị Ủy ban Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN lần thứ 10 kết hợp với Diễn đàn cấp cao về Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN và Hệ thống Thống kê Việt Nam cả bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự tham gia của 150 đại biểu đến từ Tổng cục Thống kê; các Bộ, ngành; các trường đào tạo Thống kê; các Viện nghiên cứu; các tổ chức quốc tế tại Việt Nam; các cơ quan báo chí và truyền thông tại đầu cầu Việt Nam và gần 100 đại biểu đến từ các Cơ quan Thống kê quốc gia thành viên ASEAN; thành viên các Nhóm công tác của ASEAN tại các quốc gia thành viên; Ban thư ký ASEAN; các Tổ chức quốc tế ngoài lãnh thổ Việt Nam và một số Cơ quan Thống kê các nước có mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng Thống kê ASEAN. Đây là lần đầu tiên sau 10 năm thành lập, Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN tổ chức được một diễn đàn cấp cao để kết nối giữa các nhà sản xuất và sử dụng số liệu ở cấp khu vực và quốc gia nhằm cùng nhau chia sẻ, trao đổi những thành tựu, khó khăn, thách thức của người sản xuất số liệu cũng như trao gửi những yêu cầu, kỳ vọng của người dùng tin. Mặc dù các sự kiện này được tổ chức trong bối cảnh đặc biệt do ảnh hưởng của dịch COVID-19 bằng hình thức chưa có tiền lệ nhưng đã đạt được những kết quả quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với Thống kê cộng đồng ASEAN cũng như Thống kê Việt Nam.

Năm 2020 khép lại với thành công của năm Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê. Với những đóng góp và nỗ lực của Thống kê Việt Nam, Việt Nam đã phát huy những thành quả, tiếp nối nỗ lực của các kỳ Chủ tịch tiền nhiệm, cùng các quốc gia thành viên xây dựng một Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN đoàn kết, vững mạnh; phát triển cộng đồng ASEAN tự cường, sáng tạo, gắn kết, bản sắc, trách nhiệm và có khả năng thích ứng cao./.

CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO
ĐIỂM SÁNG DẪN DẮT MỨC TĂNG TRƯỞNG CHUNG CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ TOÀN BỘ NỀN KINH TẾ NĂM 2020

TS. Phạm Đình Thúy
Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK

Năm 2020 là năm toàn cầu và Việt Nam chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

Mặc dù chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19, nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, nhiều hiệp định thương mại tự do quan trọng được Việt Nam ký kết và thực thi trong năm có hiệu quả nên năm 2020 ngành chế biến, chế tạo (ngành hiện đóng góp xấp xỉ 20% GDP) vẫn có được sự tăng trưởng ấn tượng 5,82% so với năm 2019, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế; và đóng góp tới 38,2% vào mức tăng chung 2,91% GDP cả nước.

Đáng chú ý, một số ngành thuộc lĩnh vực chế biến, chế tạo sử dụng nhiều lao động, sản xuất hàng xuất khẩu có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2020 như: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 27,1%; sản xuất kim loại tăng 14,4%; sản xuất xăng dầu tăng 11,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11,3% và nhiều ngành có mức tăng khá như: Sản xuất giấy, sản phẩm từ giấy tăng 7,9%; sản xuất hóa chất, sản phẩm hóa chất tăng 7,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 7%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 5,3%; sản xuất các sản phẩm bằng cao su và plastic tăng 5,1%...

Đáng ghi nhận, nhiều địa phương đã chủ động, sáng tạo chỉ đạo quyết liệt cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong năm đại dịch Covid-19 để thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài nhằm phát triển ngành công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Năm 2020, có tới 13 địa phương đạt được tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp trên 2 con số như: Ninh Thuận tăng 40,3%; Bình Thuận tăng 13,9% (do phát triển nhanh điện tái tạo: Điện mặt trời, điện gió); Sóc Trăng tăng 17,5%; Hải Phòng tăng 14,6%, Bắc Giang tăng 20% (do thu hút thành công đầu tư nước ngoài quy mô lớn); Bình Phước tăng 13,7%; Sơn La tăng 13,5%; Thanh Hóa, Trà Vinh cùng tăng 13,4%; Lào Cai tăng 13,1%; Kon Tum tăng 11,9%; Tuyên Quang và Hà Giang cùng tăng 11,1%. Bên cạnh đó, cũng có nhiều địa phương đạt mức tăng trưởng công nghiệp năm 2020 khá như: Quảng Ninh tăng 9,2%; Long An tăng 8,4%; Yên Bái tăng 8,1%; Bình Dương tăng 8,0%; Nam Định tăng 7,5%; Tây Ninh tăng 7,3%; Hưng Yên tăng 7,2%; Phú Yên tăng 6,7%; Ninh Bình tăng 6,5%; Nghệ An tăng 6,4%; Đắc Nông tăng 6,3%; Đồng Nai tăng 6%…

Những yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng tích cực của ngành chế biến, chế tạo năm 2020 trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nặng nề của dịch Covid19, có thể kể đến như:





Thứ nhất, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành và các địa phương đã vào cuộc quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, ban hành nhiều chính sách, giải pháp kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu thiệt hại, tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Nhiều địa phương đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong cải thiện môi trường đầu tư, giải ngân hiệu quả vốn đầu tư công, tận dụng tốt cơ hội thu hút đầu tư mới, đặc biệt thu hút đầu tư FDI vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với lợi thế của mỗi địa phương.

Thứ hai, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt hơn ở Việt Nam.

Thứ ba, năm 2020, Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong tham gia nhiều hiệp định thương mại quốc tế EVFTA quan trọng; hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi của Việt Nam là điểm đến hấp dẫn, uy tín cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2020, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã dịch chuyển dòng đầu tư từ nước ngoài về Việt Nam, đặc biệt là đầu tư mới và mở rộng sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Một số địa phương đang là điểm sáng trong thu hút FDI, chủ yếu vào ngành chế biến, chế tạo (lĩnh vực điện tử). Bắc Giang là một ví dụ cụ thể, chỉ một doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực điện tử đầu tư mới vào Bắc Giang từ tháng 3/2020, đã giải quyết việc làm cho 30.000 lao động (dự kiến năm 2021 tăng lên 50.000 lao động). Chỉ với 10 tháng hoạt động trong năm 2020, doanh nghiệp này đã sản xuất được khoảng trên 15 triệu tai nghe có kết nối với micro, tạo ra trên 33 nghìn tỷ đồng doanh thu (100% xuất khẩu). Doanh nghiệp FDI mới, quy mô lớn này đầu tư vào Bắc Giang là nhân tố chủ yếu làm cho sản xuất công nghiệp Bắc Giang năm 2020 tăng 20% so với năm 2019, góp phần đóng góp tích cực trong tăng trưởng toàn ngành công nghiệp và GDP cả nước. Hay như tỉnh Quảng Ninh, chỉ tính doanh thu của 6 doanh nghiệp của FDI mới đầu tư và đi vào hoạt động chủ yếu vào lĩnh vực điện tử trong năm 2020 đã thu hút 6.500 lao động, tạo ra khoảng 3.500 tỷ đồng doanh thu (100% xuất khẩu) đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2020 gần 10% so với năm 2019, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh và toàn bộ nền kinh tế. Cũng trong năm 2020, trong khi nhiều quốc gia bị tụt hạng về hệ số tín nhiệm quốc gia (do tổ chức xếp hạng Fitch Ratings tiến hành), thì ngược lại, Việt Nam không những được đánh giá là giữ được sự ổn định với mức BB mà còn được đánh giá có chuyển biến tốt, chuyển từ triển vọng tích cực sang ổn định.

Thứ tư, năm 2020 ghi nhận xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp Việt Nam đạt con số ấn tượng, là nhân tố quan trọng kích thích ngành chế biến, chế tạo phát triển mạnh mẽ mặc dù xuất khẩu toàn cầu sụt giảm trầm trọng do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 ước đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019 (riêng xuất khẩu các sản phẩm thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm trên 95%). Trong năm 2020, có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (chủ yếu là các mặt hàng thuộc ngành chế biến, chế tạo), trong đó có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD gồm: Điện thoại và linh kiện 50,4 tỷ USD; điện tử, máy tính và linh kiện 44,3 tỷ USD; hàng dệt may 28,5 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dây chuyền, phương tiện khác 26,7 tỷ USD; giày dép 16,5 tỷ USD; gỗ và sản phẩm từ gỗ 12,3 tỷ USD. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2020, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước đạt 152,5 tỷ USD, tăng 11,3% so với năm trước, chiếm 54,2%; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước đạt 100,3 tỷ USD, tăng 2,4% và chiếm 35,6%. Về thị trường xuất khẩu hàng hóa năm 2020, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 76,4 tỷ USD, tăng 24,5% so với năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 48,5 tỷ USD, tăng 17,1%; thị trường EU đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,7%; thị trường ASEAN đạt 23,1 tỷ USD, giảm 8,7%; Nhật Bản đạt 19,2 tỷ USD, giảm 5,7%; Hàn Quốc đạt 18,7 tỷ USD, giảm 5,1%.

Với xu thế phát triển mạnh mẽ của ngành ngành chế biến, chế tạo và môi trường kinh doanh ngày càng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, cùng với nền kinh tế vĩ mô ổn định, sự chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành và địa phương, triển vọng ngành chế biến, chế tạo sẽ tiếp tục khởi sắc trong năm 2021, góp phần quan trọng để nước ta hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,5% như Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết 02/NQ-CP cùng ban hành ngày 01/01/2021 của Chính phủ đề ra./.

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2020
BẢN LĨNH VƯỢT KHÓ GIÀNH THẮNG LỢI

ThS. Lê Trung Hiếu
Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - TCTK

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thử thách đối với ngành Nông nghiệp, một năm vượt khó đi lên với sự cố gắng vượt bậc của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và bà con nông dân. Kết quả cuối cùng về cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra và đặc biệt là đảm bảo an ninh lương thực, tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân, khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong khó khăn do đại dịch Covid-19.

Năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tác động của đại dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh xảy ra với tần suất cao, khốc liệt và dị thường. Đêm giao thừa xuân Canh Tý mưa rào trên diện rộng xảy ra ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng; sáng mồng 1 Tết mưa đá ở 7 tỉnh miền núi phía Bắc; hạn hán khắc nghiệt xảy ra ở cả 3 vùng Bắc, Trung, Nam; xâm nhập mặn xuất hiện sớm, mức độ gay gắt và duy trì trong thời gian dài, vượt mức lịch sử năm 2016 ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; trong tháng 10 và tháng 11 bão chồng bão, lũ chồng lũ ở các tỉnh miền Trung vượt xa các mốc lịch sử được quan trắc. Cùng với đó, dịch bệnh nguy hiểm cấp độ khu vực và toàn cầu nguy cơ bùng nổ, đe dọa nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp như dịch tả lợn Châu Phi, sâu keo mùa thu, châu chấu sa mạc, bệnh khảm lá sắn… Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp và PTNT và địa phương; mà đặc biệt là sự chung sức, vượt khó, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, bà con nông dân trên cả nước đã tạo sự đồng thuận của cả xã hội vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện "mục tiêu kép" vừa đạt mục tiêu tăng trưởng vừa phòng, chống tốt dịch bệnh, hạn chế thiệt hại của thiên tai. Qua đó, Nông nghiệp Việt Nam tiếp tục khẳng định, thể hiện vai trò là trụ đỡ, cứu cánh của nền kinh tế trong lúc khó khăn và đảm bảo về nguồn cung lương thực, thực phẩm, là cơ sở quan trọng để an sinh, an dân trong đại dịch. Có thể nói, năm 2020 là một năm thành công của ngành Nông nghiệp với nhiều điểm sáng và đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng dương của nền kinh tế.

Nông nghiệp Việt Nam đã thích ứng tốt với đại dịch Covid - 19, với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh để đạt được kết quả tăng trưởng khá, gần bằng với tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng khá với mức tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,55%, chỉ thấp hơn mức tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2018 trong giai đoạn 2011-2020[1], đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 2,82%

1. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp các năm 2011-2020 lần lượt là: 4,16%; 2,57%; 2,19%; 2,51%; 2,03%; 0,72%; 2,07%; 2,89%; 0,61%; 2,55%.



nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,08%, cao hơn mức tăng 2,8% của năm 2015 và năm 2016 trong giai đoạn 2011-2020[2], đóng góp 0,1 điểm phần trăm. Cụ thể, đóng góp vào kết quả tăng trưởng chung của Ngành là nhờ vào động lực của những sản phẩm, những ngành có lợi thế như chăn nuôi, cây lâu năm và tôm nước lợ. Trong mức tăng trưởng chung 2,68% của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành chăn nuôi có mức đóng góp lớn nhất với 1,22 điểm phần trăm, trong đó riêng sản phẩm lợn đóng góp 0,42 điểm phần trăm do dịch tả lợn Châu Phi từng bước được khống chế, công tác tái đàn trong những tháng cuối năm thực hiện tốt, nguồn cung thịt lợn được tăng cường và có sự tăng trưởng bù đắp cho sự suy giảm của những tháng đầu năm[3], sản lượng thịt lợn hơi cả năm đạt gần 3,5 triệu tấn, tăng 4,4% so với năm 2019; gia cầm đóng góp 0,47 điểm phần trăm bởi tổng đàn và sản lượng gia cầm trong năm tiếp tục tăng do khu vực hộ mở rộng quy mô chăn nuôi và khu vực doanh nghiệp phát triển tốt, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 1,45 triệu tấn, tăng 11,6% so với năm 2019; sản lượng trứng gia cầm đạt 14,7 tỷ quả, tăng 10,5%. Tiếp theo là cây lâu năm đóng góp 0,74 điểm phần trăm do sản lượng cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm đều có mức tăng trưởng khá. Thủy sản nuôi trồng đóng góp 0,52 điểm phần trăm, trong đó, riêng sản phẩm tôm nước lợ đóng góp 0,35 điểm phần trăm do sản lượng đạt 888,8 nghìn tấn, tăng 5,6% so với năm 2019 và thủy sản khai thác đóng góp 0,25 điểm phần trăm.

Đảm bảo về nguồn cung lương thực, thực phẩm là cơ sở để an dân, an sinh trong đại dịch

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra sớm và gay gắt nhưng nhờ sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời của ngành Nông nghiệp nên kết quả sản xuất lúa năm 2020 được mùa, được giá[4] và hạn chế được thiệt hại. Tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm 2020 đạt 7,28 triệu ha, giảm 192,0 nghìn ha so với năm 2019; năng suất trung bình cả năm đạt 58,7 tạ/ha, tăng 0,5 tạ/ha; sản lượng lúa đạt 42,7 triệu tấn, đảm bảo lương thực cho gần 100 triệu dân trong khó khăn dịch bệnh, đồng thời góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc tế với sản lượng gạo xuất khẩu đạt 6,2 triệu tấn. Với con số này, Việt Nam đã vươn lên đứng vị trí thứ nhất về sản lượng gạo xuất khẩu trong năm 2020.

Sản xuất lúa gạo tiếp tục xu hướng tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao lên trên 74% (cao hơn so với mức 50% của năm 2015) để nâng cao giá trị "Thương hiệu hạt gạo Việt". Tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 85% gạo xuất khẩu, đã góp phần nâng giá gạo xuất khẩu bình quân từ 440USD/tấn năm 2019 lên 496 USD/tấn năm 2020[5].



Cơ cấu sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục được điều chỉnh phù hợp, hiệu quả hơn gắn với nhu cầu thị trường, tăng tỷ trọng ngành, sản phẩm nông, lâm, thủy sản có lợi thế và giá trị cao

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, bố trí cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết và tín hiệu của thị trường; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, nhất là trước tác động của đại dịch Covid-19. Cơ cấu sản xuất tiếp tục được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền và cả nước, gắn với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế. Cơ cấu ngành hàng, sản phẩm có sự thay đổi rõ nét, đó là tiếp tục tăng tỷ trọng các ngành, sản phẩm có lợi thế

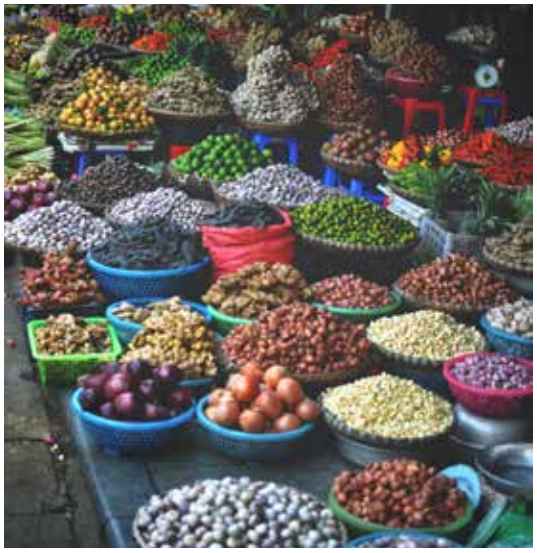
2. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành thủy sản các năm 2011-2020 lần lượt là: 4,34%; 3,75%; 3,82%; 6,53%; 2,80%; 2,80%; 5,54%; 6,46%; 6,30%; 3,08%.

3. Đàn lợn cả nước tháng 12 đã tăng 17% so với cùng kỳ năm trước; Sản lượng thịt lợn hơi cả năm ước đạt 3,5 triệu tấn, tăng 4,4% so năm trước (trong đó, riêng quý IV ước đạt 991,8 nghìn tấn, tăng 30,0% so cùng kỳ).

4. Năng suất lúa cả năm ước tính đạt 58,7 tạ/ha, tăng 0,5 tạ/ha so với năm trước và tăng ở các vụ trong năm. Trong đó: năng suất lúa vụ đông xuân đạt 65,7 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha; năng suất lúa hè thu đạt 55,2 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha; năng suất lúa vụ thu đông đạt 55,1 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha; năng suất lúa vụ mùa đạt 5,1 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha.

5. Trong tháng 12/2020, giá chào bán gạo trắng 5% tấm của Việt Nam dao động ở mức 493-497 USD/tấn, cao hơn so gạo Thái Lan (475 - 485 USD/tấn), gạo Ấn Độ (366 - 370 USD/tấn). Không chỉ vậy, gạo ST25 đã xuất sắc đạt giải nhì tại cuộc thi gạo ngon nhất thế giới.







và thị trường như: Thủy sản (tôm chân trắng); rau, quả; đồ gỗ và lâm đặc sản. Tăng tỷ trọng hàng chất lượng cao trong tổng sản lượng sản xuất và hàng xuất khẩu. Sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, an toàn thực phẩm được ưu tiên. Mở rộng, phát triển mạnh mẽ các vùng chuyên canh sản xuất, gắn với chế biến quy mô lớn, có truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý. Vì vậy, sản lượng các loại nông sản vẫn duy trì xu hướng tăng, đáp ứng dồi dào nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Nhiều chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, công nghiệp phụ trợ được nâng cao năng lực, một số tập đoàn kinh tế lớn đã chú trọng đầu tư vào chế biến sản phẩm nông nghiệp (năm 2020, có 18 dự án với tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng được khởi công, khánh thành, đi vào hoạt động, tăng 04 dự án và khoảng 6.000 tỷ đồng so với năm 2019[6]. Tạo bước đột phá về chế biến xuất khẩu, giúp nâng cao chất lượng, mẫu mã và đa dạng hàng nông sản, góp phần tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm tiếp tục được mở rộng cả về ngành hàng và sản phẩm, chú trọng thị trường trong nước; tháo gỡ nhiều rào cản thương mại hỗ trợ xuất khẩu trong khó khăn

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản tiếp tục được mở rộng cả về ngành hàng và sản phẩm, chú trọng thị trường trong nước; tháo gỡ nhiều rào cản thương mại, xuất khẩu nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đối với thị trường trong nước, đã tăng cường xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản đặc sản địa phương[7]; kết nối đưa nông sản có sản lượng lớn khi vào vụ và gặp khó khăn khi xuất khẩu vào các hệ thống siêu thị, như Big C, AEON, Hapro, Vinmart (mặt hàng vải thiều, cá tra, cá lòng hồ và các sản phẩm thủy sản an toàn).

Đối với thị trường xuất khẩu, đã mở cửa các thị trường mới đối với nhiều sản phẩm xuất khẩu, như vải thiều tươi lần đầu tiên xuất khẩu chính ngạch sang Nhật Bản; chôm chôm vào Đài Loan; dâu tây và bí ngô vào Niu-di-lân; tôm và cá tra xuất khẩu vào Bra-xin... hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu sữa, thúc đẩy để mặt hàng tổ yến, thạch đen[8] được chính thức xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc. Nhập khẩu thịt lợn từ Pháp, lợn giết mổ và lợn giống từ Thái Lan, bò sống và dưa vàng từ Bra-xin. Trong đó, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2019 như: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 12,3 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2019; tôm đạt 3,8 tỷ USD, tăng 12,4%; gạo đạt 3,1 tỷ USD, tăng 9,3%; cao su đạt 2,4 tỷ USD, tăng 3,5%; sắn và sản phẩm sắn đạt 989 triệu USD, tăng 2,4%. Một số sản phẩm có sản lượng xuất khẩu tăng nhưng do giá xuất khẩu giảm nên kim ngạch xuất khẩu giảm so với năm 2019 như hạt điều sản lượng xuất khẩu tăng 12,1% nhưng kim ngạch xuất khẩu giảm 3%; hạt tiêu sản lượng tăng 1,2%, kim ngạch xuất khẩu giảm 6,8%./.

6. Số lượng nhà máy/cơ sở chế biến NLTS lớn khởi công mới, đi vào hoạt động 5 năm 2016 - 2020 là 68 nhà máy/cơ sở với tổng mức đầu tư khoảng 2,58 tỷ USD;

7. Sơn La (mận, xoài), Lào Cai (trái cây, thủy sản), Bắc Giang (nhãn, vải).... Phối hợp tổ chức quảng bá giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng thông qua Hội chợ NN và sản phẩm OCOP khu vực ĐBSCL tại Bến Tre

8. Sản phẩm thạch đen 1.000 tấn đầu tiên đã được Công ty TNHH sản xuất và đầu tư xuất khẩu Đức Qúy (huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn) xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc.

XUẤT MỘT NĂM NỖ

Năm 2020, dưới tác động của đại dịch Covid-19, trong khi kinh tế của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới bị suy giảm mạnh, Việt Nam là một trong số quốc gia hiếm hoi duy trì được tăng trưởng dương. Tăng trưởng cả năm 2020 đạt 2,91%, tuy là mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm qua nhưng là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế phải kể đến hoạt động xuất nhập khẩu.



Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước năm 2020 ước đạt 543,9 tỷ USD, xuất siêu 19,1 tỷ USD và là năm thứ năm liên tiếp cán cân thương mại của Việt Nam duy trì trạng thái thặng dư. Cùng điểm lại những điểm nổi bật trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020:

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm 2020 đạt mức tăng trưởng vững vàng

So với năm 2019, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm 2020 có thấp hơn song vẫn được đánh giá đạt mức tăng trưởng vững vàng nhất trong tất cả các hoạt động của nền kinh tế. Xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực vẫn là yếu tố đóng góp tích cực vào kim ngạch xuất khẩu.

Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% (17,2 tỷ USD). Một số mặt hàng chủ yếu đóng góp vào tốc độ tăng trưởng xuất khẩu gồm: Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng tăng 47,8%; điện tử máy tính và linh kiện tăng 24,4%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 15,7%; sắt thép tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2019. Tính đến hết tháng 12, có 31 hàng xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; trong đó, đứng đầu là mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện đạt 50,9 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vẫn dành ưu thế và là điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020. Xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) ước đạt 203,3 tỷ USD, tăng 9,7% (18 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn thuộc về khu vực này như: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 97,8%; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 96,7%; hàng dệt may chiếm 59,6%; máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng chiếm 86,6%; giầy dép chiếm 78,8%.

Xuất khẩu hàng nông, lâm sản giảm so với năm 2019 song có một số mặt hàng vẫn đạt được mức tăng trưởng đáng khích lệ; một số loại quả nhiệt đới của Việt Nam đang có triển vọng xuất khẩu sang các thị trường xa, các thị trường yêu cầu sản phẩm nhập khẩu đạt chuẩn cao về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ cũng như tính ổn định của nguồn hàng.

Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm sản ước đạt 20,3 tỷ USD, giảm 1,9% (400 triệu USD), chiếm tỷ trọng 7,2% tổng kim ngạch xuất khẩu và giảm 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản vẫn có tốc tộ tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước gồm: Gạo tăng 9,3%; sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 2,4% và cao su tăng 3,5%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 15,7%; ... Một số mặt hàng như dưa hấu, vải, thanh long đã có những tín hiệu đáng mừng trong việc tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Ước tính kim ngạch xuất khẩu dưa hấu sang thị trường Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất tăng 96,0%; Qua-ta tăng 22,9%; Ô-man tăng 55,5%; Pa-na-ma tăng 48,9%. Xuất khẩu vải quả sang các thị trường Ô-xtrây-li-a tăng 839,0%; Mỹ tăng 740,0%; Đài Loan (Trung Quốc) tăng 256,0%. Xuất khẩu thanh long sang các thị trường Ô-xtrây-li-a tăng 38,5%; Nhật Bản tăng 33,7%; Hàn Quốc tăng 43,5%; …

Trong năm 2020, ngành thủy sản vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn do một số thị trường đưa ra quá nhiều rào cản kỹ thuật, việc gỡ thẻ vàng của EC cho thủy sản Việt Nam là một thách thức lớn và đặc biệt do tác động của dịch Covid-19 làm cho nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường giảm mạnh… Xuất khẩu thủy sản tiếp tục giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, song trong đó kim ngạch xuất khẩu tôm đông nổi lên như một điểm sáng trong xuất khẩu thủy sản Việt Nam.



NHẬP KHẨU VIỆT NAM
LỰC THÀNH CÔNG CÙNG ĐẤT NƯỚC

Vũ Thị Thanh Huyền
Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ -TCTK

Ước tính xuất khẩu thủy sản năm 2020 đạt 8,4 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2019. Cá da trơn phi-lê và tôm đông là hai mặt hàng có nhiều biến động. Kim ngạch xuất khẩu cá da trơn phi-lê ước đạt 1,3 triệu USD, giảm 28,1% và giảm ở hầu hết các thị trường (ngoại trừ hai thị trường Nga tăng 18,3% và U-crai-na tăng 5,6%). Tôm đông ước đạt 2,3 tỷ USD, tăng 6,7%. Ước tính một số thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn, tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước gồm: Trung Quốc đạt 453,7 triệu USD (tăng 4,2%); Mỹ đạt 329,9 triệu USD (tăng 13,3%); Anh đạt 123,7 triệu USD (tăng 17,3%); Hồng Kông đạt 95,4 triệu USD (tăng 19,3%); Ca-na-đa đạt 92,3 triệu USD (tăng 21,6%);…

Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp là hai nhóm ngành quyết định tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước đạt 152,5 tỷ USD, tăng 11,3% (15,5 tỷ USD); chiếm tỷ trọng 54,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước đạt 100,3 tỷ USD, tăng 2,4% (2,3 tỷ USD), chiếm 35,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Nhập khẩu tăng nhẹ so năm 2019

Nhập khẩu năm 2020 có mức tăng nhẹ so với năm 2019. Nhóm máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng có mức tăng trưởng cao hơn nhiều và đóng vai trò quyết định vào tăng trưởng nhập khẩu.

Nhập khẩu ước đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% (9,0 tỷ USD) so với cùng kỳ 2019, với hai mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh gồm: Điện tử, máy tính và LK tăng 24,6%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 13,3%.

Nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 245,6 tỷ USD, tăng 4,1%; chiếm 93,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, nhóm máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng ước đạt 134,8 tỷ USD, tăng 16,3%, chiếm tỷ trọng 51,4%; nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu ước đạt 110,8 tỷ USD, giảm 7,7%, chiếm tỷ trọng 42,2%; nhóm hàng tiêu dùng ước đạt 16,8 tỷ USD, giảm 3,8%; chiếm tỷ trọng 6,4%, ước tính năm 2020, có 35 mặt hàng nhập khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 89,6% tổng kim ngạch nhập khẩu; trong đó đứng đầu là mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện đạt 64,0 tỷ USD, chiếm 24,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn duy trì xu hướng tích cực trong hoạt động nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu khu vực đầu tư nước ngoài ước đạt 168,8 tỷ USD, tăng 13%, khu vực trong nước đạt 93,6 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019.

Ước tính nhập khẩu tư liệu sản xuất tăng 13,0%; trong đó, nhập khẩu máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng tăng 21,0% và nguyên nhiên vật liệu giảm nhẹ 1,1%.

Về thị trường xuất nhập khẩu: Trung Quốc là thị trường có quan hệ thương mại hai chiều lớn nhất với 132,5 tỷ USD, tăng 13,3% so với năm 2019; trong đó, xuất khẩu ước đạt 48,5 tỷ USD, tăng 17,1%, nhập khẩu ở vị trí dẫn đầu với kim ngạch ước tính đạt 83,9 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2019. Nhập siêu từ thị trường Trung Quốc ước tính đạt 35,4 tỷ USD, tăng 4% so với năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng ước đạt giá trị tăng gồm: Điện thoại các loại và linh kiện tăng 43,8%; máy vi tính và linh kiện tăng 14,6%. Ước tính

kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng gồm: Máy vi tính và linh kiện tăng 53,8%; ô tô nguyên chiếc các loại 34,2%.

Hoa Kỳ đứng ở vị trí thứ 2 với 90,1 tỷ USD về thương mại hai chiều, tăng 18,9% (14,3 tỷ USD) so với năm 2019; trong đó, xuất khẩu ước đạt 76,4 tỷ USD, tăng 24,5%, nhập khẩu ước đạt 13,7 tỷ USD, giảm 4,9%. Ước tính xuất siêu sang thị trường Hoa Kỳ đạt giá trị cao nhất với 62,6 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu tăng cao trong khi nhập khẩu giảm đã kéo xuất siêu sang thị trường này tăng 33,6% (15,7 tỷ USD) so với năm 2019. Ước tính kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng tăng gồm: Máy vi tính và linh kiện tăng 71,8% (4,3 tỷ USD); máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng tăng 137,1%. Ước tính kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng giảm gồm: Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng giảm 10,0%; máy vi tính và linh kiện giảm 5,4%.

Hàn Quốc là thị trường có kim ngạch xuất nhập khẩu ước tính đứng ở vị trí thứ 3 với 65 tỷ USD, giảm 2,6%; trong đó, xuất khẩu ước đạt 18,7 tỷ USD, giảm 5,1%, nhập khẩu ước đạt 46,3 tỷ USD, giảm 1,5%. Ước tính nhập siêu từ thị trường này đạt 27,6 tỷ USD, tăng 1,0% so với năm 2019. Ước tính kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng từ thị trường Hàn Quốc giảm như: Điện thoại các loại và linh kiện giảm 14,1%; hàng dệt may giảm 16,9%. Ước tính kim ngạch một số mặt hàng nhập khẩu giảm gồm: Máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng giảm 4,9%; sắt thép giảm 9,1%.

ASEAN có kim ngạch 2 chiều ước đạt 53,1 tỷ USD, giảm 7,7% so với năm 2019; trong đó xuất khẩu đạt giá trị 23,1 tỷ USD, giảm 8,7%, nhập khẩu đạt 30,0 tỷ USD, giảm 6,9%. Nhập siêu từ thị trường ASEAN ước tính đạt 6,9 tỷ USD, giảm 0,6% so với năm 2019. Ước tính kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng từ thị trường ASEAN giảm gồm: Điện thoại các loại và linh kiện giảm 37,1%; sắt thép giảm 9,8%. Ước tính một số mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch giảm gồm: Ô tô nguyên chiếc giảm 30,8%; xăng dầu các loại giảm 42,8%; sắt thép các loại giảm 21,7%.

Thị trường EU có kim ngạch 2 chiều ước đạt 49,3 tỷ USD, giảm 1,0% (496,0 triệu USD) so với năm 2019; trong đó, xuất khẩu ước đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,7%, nhập khẩu đạt 14,5 tỷ USD, tăng 3,5%. Xuất siêu sang thị trường EU ước đạt 20,3 tỷ USD, giảm 6,8% so với năm 2019. Ước tính kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường EU giảm gồm: Điện thoại các loại và linh kiện giảm 16,7%; hàng dệt may giảm 12,0%; giầy dép các loại giảm 15,5%. Ước tính kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 61,9%; thức ăn gia súc tăng 20,5%.



Nhật Bản có kim ngạch hai chiều ước đạt 39,7 tỷ USD, giảm 0,4% (173,0 triệu USD); trong đó, xuất khẩu đạt 19,2 tỷ USD, giảm 5,7% và nhập khẩu đạt 20,5 tỷ USD, tăng 5,0%. Nhập siêu sang thị trường Nhật Bản ước đạt 1,3 tỷ USD (năm 2019 xuất siêu 793,0 triệu USD). Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản giảm gồm: Hàng dệt may giảm 10,7%; giày dép giảm 15,9%. Ước tính kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường này tăng gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 21,1%; sắt thép các loại tăng 4,1%.

Hoạt động xuất nhập khẩu - còn đó những khó khăn

Một là, tăng trưởng xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Điều đó thể hiện tính chưa bền vững của hoạt động xuất khẩu và chưa phát huy được hết nội lực của nền kinh tế. Một số mặt hàng chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hai là, xuất khẩu hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản được coi là lợi thế của Việt Nam, bước đầu đã có những tiền đề khả thi, tích cực song vẫn chưa tạo được sức bật để sẵn sàng vươn ra thị trường thế giới, tận dụng được lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP mang lại.

(Xem tiếp trang 35)



ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ VÀ LẠM PHÁT NĂM 2020

ThS. Đỗ Thị Ngọc
Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá - TCTK

Năm 2020 là một năm biến động khó lường, lạm phát tăng cao ở những tháng đầu năm, việc nguồn cung một số mặt hàng thực phẩm thiết yếu, đặc biệt là nguồn cung thịt lợn giảm do dịch bệnh tả lợn Châu Phi đã đẩy giá nhóm thực phẩm tăng cao; ở chiều ngược lại, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu tiêu dùng nhiên liệu giảm nên giá xăng dầu năm 2020 giảm khá sâu. Cùng với việc phối hợp chặt chẽ và linh hoạt trong công tác điều hành giá các mặt hàng do nhà nước quản lý và việc chỉ đạo triển khai tốt công tác bình ổn thị trường hàng hóa nên về cơ bản diễn biến lạm phát năm 2020 tương đối sát với dự báo từ đầu năm, nằm trong kịch bản CPI tăng thấp.

Kết quả kiềm chế lạm phát năm 2020

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019 và tăng 0,19% so với tháng 12 năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Mặt bằng giá cả thị trường trong năm 2020 chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các yếu tố cung cầu thay đổi liên tục và phức tạp trước diễn biến của dịch bệnh Covid-19. Mặt bằng giá có xu hướng giảm hoặc ổn định ở mức thấp trong các thời điểm cung cầu chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh và hồi phục khi dịch bệnh được kiểm soát. CPI tăng cao nhất vào tháng 1, tăng 1,23% và giảm mạnh nhất vào tháng 4, giảm 1,54%.

Năm 2020, tiếp tục với mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2020 của Chính phủ, hàng quý hoặc đột xuất, Ban Chỉ đạo điều hành giá do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc làm Trưởng ban đều họp đánh giá kết quả công tác điều hành giá, kiểm soát lạm phát và đưa ra các kịch bản lạm phát các tháng còn lại để chủ động điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý vào các thời điểm phù hợp nhằm hạn chế lạm phát kỳ vọng. Cụ thể: Các Bộ, ngành đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đầu mối là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong công tác tính toán dự báo, xây dựng kịch bản chi tiết, cụ thể cho từng thời điểm, từng giai đoạn đối với từng mặt hàng thiết yếu nhằm đảm bảo kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính toán, cân đối chính sách kinh tế vĩ mô, gắn điều hành tăng trưởng với vấn đề kiểm soát lạm phát để kịp thời đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp thực hiện hiệu quả. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai đồng bộ các biện pháp điều hành giá theo các kịch bản đã được phê duyệt; Đẩy mạnh công tác kiểm tra thực hiện pháp luật về giá, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai giá.

So sánh CPI bình quân năm so với năm trước từ năm 2016 đến năm 2020

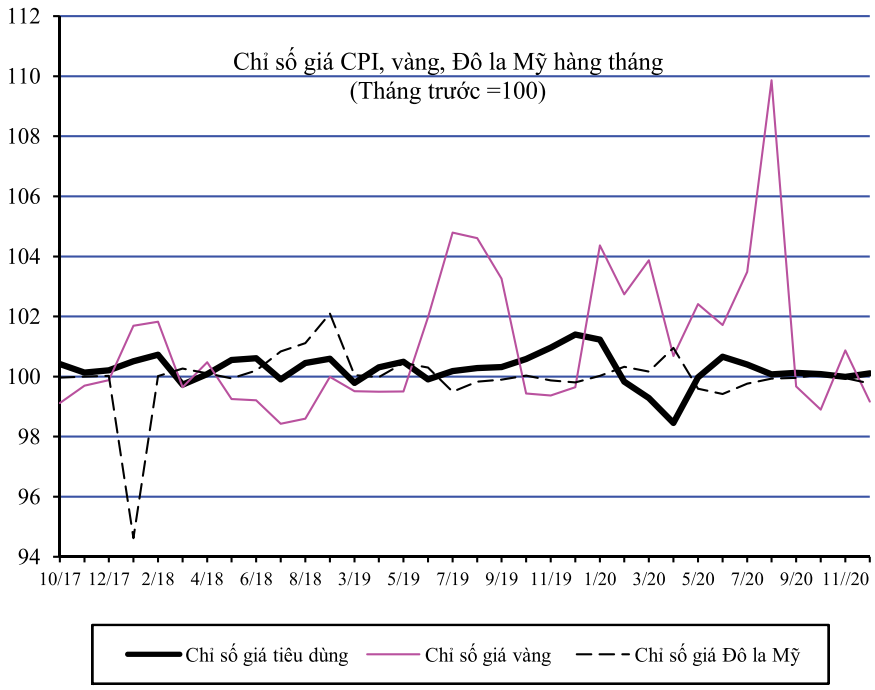
Đơn vị tính: %

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
CPI bình quân năm so với năm trước	2,66	3,53	3,54	2,79	3,23

Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong năm 2020

- Tháng 01 và tháng 02 là tháng Tết nên nhu cầu mua sắm tăng cao, giá các mặt hàng lương thực bình quân năm 2020

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ Tháng 12 năm 2020



tăng 4,51% so với năm trước góp phần làm cho CPI chung tăng 0,17%. Giá gạo năm 2020 tăng 5,14% so với năm trước do giá gạo xuất khẩu tăng cùng với nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng.

- Giá các mặt hàng thực phẩm năm 2020 tăng 12,28% so với năm trước góp phần làm cho CPI tăng 2,61%, chủ yếu do giá các mặt hàng thực phẩm tươi sống tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, nhất là giá mặt hàng thịt lợn tăng cao do nguồn cung chưa được đảm bảo, giá thịt lợn tăng 57,23% so với năm trước làm cho CPI chung tăng 1,94%. Theo đó, giá thịt chế biến tăng 21,59%; mỡ lợn tăng 58,99% so với năm trước. Do ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh miền Trung trong tháng 10 và tháng 11 tác động làm cho diện tích rau màu ngập nặng, nhiều ao, hồ, chuồng trại bị hư hỏng, cuốn trôi... làm cho giá rau tươi, khô và chế biến tăng.

- Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 trên thế giới vẫn còn phức tạp, nhu cầu về một số loại vật tư y tế, thuốc phòng và chữa bệnh phục vụ trong nước và xuất khẩu ở mức cao nên giá các mặt hàng này có xu hướng tăng nhẹ. Bình quân năm 2020 giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% so với năm trước.

- Giá dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019 do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Các yếu tố kiềm chế CPI trong năm 2020

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân kiềm chế CPI năm 2020 như sau:

- Giá xăng dầu, giá gas trong nước giảm mạnh theo giá thế giới là yếu tố chính làm giảm áp lực lên mặt bằng giá trong các tháng từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2020. Giá xăng dầu trong nước bình quân năm 2020 giảm 23,03% so với năm trước tác động làm CPI chung giảm 0,83%; Giá gas bình quân năm 2020 giảm 0,95% so với năm trước; Giá dầu hỏa bình quân năm 2020 giảm 31,21% so với năm trước.

- Nhu cầu du lịch giảm trong thời gian giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 lần 1 và lần 2 nên bình quân năm 2020 giá du lịch trọn gói giảm 6,24% so với năm trước.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại của người dân giảm, bình quân năm 2020 so với năm trước, giá vé máy bay giảm 34,7%, giá vé tàu hỏa giảm 2,12%.

- Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19. Cụ thể, gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng với thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020. Theo đó, giá điện tháng 5 (dựa trên sản lượng và doanh thu điện sinh hoạt từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/4/2020) và tháng 6 năm 2020 (dựa trên sản lượng và doanh thu điện sinh hoạt từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020) giảm lần lượt là 0,28% và 2,72% so với tháng trước.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định thị trường, đảm bảo đời sống của nhân dân.

Kết quả chỉ số CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019 và tăng 0,19% so với tháng 12 năm 2019. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2019 dưới 4% của Quốc hội đề ra đã đạt được trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường./.



VIỆT NAM GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ HƯỚNG TỚI KHÔNG CÒN NGƯỜI NGHÈO ĐÓI VÀO NĂM 2045

Thu Hòa

Giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển. Theo đó, tại Việt Nam, mục tiêu, nhiệm vụ này được thể hiện đậm nét trong các văn kiện của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, các chiến lược, kế hoạch, đề án, chương trình của Chính phủ. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 vừa được Chính phủ tổng kết, đã cho thấy những thành tựu tích cực của Việt Nam trong công tác giảm nghèo; bên cạnh đó, Chính phủ đã phát động phong trào giảm nghèo mới với mục tiêu Việt Nam không còn người nghèo đói vào năm 2045.

Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Các đánh giá, nghiên cứu cho thấy, thời gian qua công tác giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định. Tỷ lệ hộ nghèo giảm liên tục qua các năm trên phạm vi cả nước, các vùng miền.

Theo Báo cáo của Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn 3,75%; trong 4 năm, có 58% số hộ nghèo đã thoát nghèo. Ước đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm còn khoảng 2,75%. Như vậy sau 5 năm, tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm khoảng 1,43%/năm, đạt chỉ tiêu Quốc hội giao. Việt Nam trở thành quốc gia đầu tiên về đích trước Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về giảm nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm còn 27,85%, bình quân trong 4 năm giảm 5,65%/năm, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao giảm bình quân 4%/năm; ước cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo bình quân các huyện nghèo còn khoảng 24%.

Đã có 8/64 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn và 14/30 huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a thoát khỏi tình trạng khó khăn. Nhiều địa phương đã nỗ lực thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, thoát nghèo như huyện Tân Sơn (Phú Thọ), huyện Ba Bể (Bắc Kạn), huyện Phù Yên và huyện Quỳnh Nhai (Sơn La), huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên (Lai Châu), huyện Như Xuân (Thanh Hóa), huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi). Dự kiến, đến cuối năm 2020, có 32 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

Có 95/292 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo ra khỏi tình trạng khó khăn, đạt tỷ lệ 32,5% (vượt 2,5%). Có 1.298/3.973 thôn đặc biệt khó khăn (chiếm tỷ lệ 32,67%), 125/2.193 xã đặc biệt khó khăn (chiếm tỷ lệ 5,69%) hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 (thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn).

Giai đoạn 2016 - 2020, tại địa bàn các huyện, xã nghèo, đặc biệt khó khăn đã có khoảng 18.000 công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư, trên 15.000 công trình đưa vào sử dụng; khoảng 7.000 công trình được duy tu bảo dưỡng. Tổng nguồn vốn đầu tư trên 32.000 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng kết nối vùng được đầu tư như điện, đường, trường, trạm và các công trình thiết yếu khác phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa, dân sinh.

Hệ thống giao thông, đặc biệt là ở miền núi được cải thiện, đã rút ngắn thời gian đi lại, thúc đẩy thương mại dịch vụ, tạo việc làm. Đến nay 100% các xã đã có đường ô tô đến trung tâm, 99% trung tâm xã và 80% thôn có điện. 100% đồng bào dân tộc thiểu số và người nghèo có bảo hiểm miễn phí. Một số địa phương điển hình: Xã Chế Tạo, xã Chế Cu Nha của huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái trước đây từ trung tâm huyện xuống xã phải mất 4 đến 5 tiếng đi bộ, nhưng nay chỉ mất 45 phút đi ô tô hoặc xe máy là đến được trung tâm xã. Hay xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, Quảng Nam, ngày trước đi bộ mất 9 tiếng đồng hồ tới xã, giờ mất khoảng 30 phút đi ô tô hoặc xe máy.

Nhiều nhà máy, xí nghiệp mọc lên ở nhiều địa phương đã giúp người dân chuyển đổi việc làm, thoát nghèo, "ly nông bất ly hương". Thu nhập bình quân của người nghèo tăng 1,6 lần giai đoạn 2016-2020. Người nghèo có khả năng lao động được hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt phù hợp với nhu cầu. Đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, nâng lên rõ rệt.

Chương trình 135 đã hỗ trợ hơn 13.000 dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả; hỗ trợ cho 5.500 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ hơn 2,5 triệu lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo được bồi dưỡng kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, kỹ năng nghề nghiệp, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để vươn lên thoát nghèo, làm giàu. Củng cố hệ thống thông tin cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng thông tin của người dân để chủ động vươn lên thoát nghèo.

Có thể thấy, trong giai đoạn 2016-2020, mặc dù ngân sách còn nhiều khó khăn song Quốc hội, Chính phủ đã tăng nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo gấp 2 lần so với giai đoạn trước. Tổng các nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 đạt trên 93,6 nghìn tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách TƯ: 45,33%; vốn ngân sách địa phương: 10,75%; vốn xã hội hóa: 23,62%; vốn ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và các hoạt động an sinh xã hội của MTTQ Việt Nam các cấp: 19,86%... Nguồn lực này đã được bố trí, huy động để thực hiện một số chính sách thúc đẩy hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững.

Có được những thành quả trên là do Chính phủ đã chỉ đạo ban hành các chính sách giảm nghèo chung hỗ trợ toàn diện cho người nghèo như bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, dạy nghề, lao động và việc làm, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội, vay vốn tín dụng ưu đãi; giải quyết đất ở, đất sản xuất, giao rừng. Từng bước giảm dần và bãi bỏ những chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có hoàn trả, có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thường xuyên, liên tục để thực hiện đầy đủ chính sách giảm nghèo bền vững; nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững theo hướng toàn diện, đa chiều và hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo dễ dàng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là ở các địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết Quốc hội đề ra.

Mới đây để tiếp tục nâng cao hiệu quả xóa nghèo, tháng 6/2020, Chính phủ đã trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi – đây là Chương trình mục tiêu quốc gia thứ 3 – nhằm ưu tiên nguồn lực hơn, đầu tư trọng tâm hơn với mục tiêu giảm nghèo nhanh hơn đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đặc biệt, thời gian qua cùng với các chương trình của Nhà nước, công tác giảm nghèo trên phạm vi cả nước còn nhận được sự tham gia sâu rộng, sôi nổi và trách nhiệm cao của các tổ chức, cá nhân đối với hoạt động vì cộng đồng, chung tay giúp đỡ người nghèo bằng cả tấm lòng với các hình thức khác nhau, các sáng kiến thiết thực… mang lại hiệu quả cao.

Một số định hướng trong công tác giảm nghèo giai đoạn tới

Năm 2020, trước những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, các tổ chức quốc tế cảnh báo những tiến bộ đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu bền vững bị gián đoạn. Cuộc chiến chống đói nghèo trên thế giới bị thụt lùi một thập niên. Tổ chức Oxfam ước tính, dịch Covid-19 khiến nửa tỷ người (hơn 8% dân số) thế giới lâm vào cảnh nghèo đói. Đây thực sự là một thử thách lớn đối với cuộc chiến chống đói nghèo toàn cầu.

Tại Việt Nam, mặc dù công tác giảm nghèo thời gian qua tuy là

điểm sáng của thế giới, song còn khiêm tốn so với những thách thức và tồn tại trong giai đoạn tiếp theo. Trong khi nước ta vẫn là một trong những quốc gia chịu tổn thương lớn nhất trên thế giới từ biến đổi khí hậu và thường xuyên chịu thiên tai, hạn hán, xâm ngập mặn... Bên cạnh đó, công tác giảm nghèo cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ tái nghèo, phát sinh nghèo mới còn cao, còn khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư; công tác rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo còn chậm... Chính vì vậy, công cuộc xóa đói giảm nghèo, chống tái nghèo sẽ luôn là thách thức lớn.

Thời gian tới, Đảng và Nhà nước ta nhất quán quan điểm phát triển kinh tế gắn với xã hội, môi trường, trong đó luôn chú trọng giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội. Theo đó, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác giảm nghèo, giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã đề nghị nghiên cứu trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, chỉ thị về chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội bền vững đến năm 2030, trình Quốc hội ban hành nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bao trùm và phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 vì một Việt Nam không có đói nghèo.

Một số định hướng trong công tác giảm nghèo thời gian tới, bao gồm: Tiếp tục đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn, nhất là hạ tầng giao thông kết nối để tạo cơ hội giao thương, việc làm, đầu tư cho giáo dục và dạy nghề. Coi trọng dân trí, giáo dục, dạy nghề, bởi đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Giải quyết đói nghèo phải đi từ sản xuất kinh doanh, có việc làm và trước hết là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, nhất là những chương trình đã triển khai tập trung cho vùng có thu nhập thấp. Hỗ trợ kịp thời cho người dân sửa chữa nhà cửa bị hư hại, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc, không để người dân không có chỗ ở, bị thiếu đói, bệnh tật.

Tạo điều kiện cho người dân chủ động hơn, năng động hơn, có năng lực, động lực lớn hơn, được trao quyền tự quyết nhiều hơn trong việc thực hiện các mô hình giảm nghèo từ xây dựng chính sách đến tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, cũng tại Hội nghị này, Thủ tướng Chính phủ đã phát động cả nước triển khai phong trào mới: "Mỗi xã, mỗi huyện xây dựng một mô hình giảm nghèo tiêu biểu phù hợp địa phương mình", với cách làm sáng tạo hơn nữa, giảm nghèo bền vững bắt đầu từ trẻ em, cần đặc biệt quan tâm đến nguồn vốn con người.

Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai công tác giảm nghèo bền vững và thực hiện tốt phong trào giảm nghèo mới, Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đặt mục tiêu hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo do các nguyên nhân chủ quan, với một số giải pháp cụ thể:

Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống chính sách giảm nghèo, trên cơ sở đó lồng ghép các chính sách, loại bỏ các chính sách chồng chéo, không hiệu quả. Bố trí đủ ngân sách để thực hiện các chính sách giảm nghèo.

Ưu tiên nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội, đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, an toàn khu; xã thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ cập giáo dục và tỷ lệ đào tạo nghề khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ về y tế, hỗ trợ hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và phương thức để người dân, cộng đồng thuận lợi hơn khi tham gia và tiếp cận chính sách giảm nghèo.

Tăng cường vai trò thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan thanh tra, kiểm toán, các cơ quan Quốc hội, hội đồng Nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội và người dân; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đảm bảo an ninh trật tự gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nhất là bảo đảm an ninh quốc phòng ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo./.

CỤC THỐNG KÊ NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 170 Hàn Thuyên - P. Vị Xuyên - TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0228.3 648 347 - 3 649 717 * Fax: 0228.3 649 717

Email: namdinh@gso.gov.vn



Chúc Mừng Năm Mới



KẾ SÁCH ỨNG PHÓ THIÊN TAI NHÌN TỪ MÙA MƯA BÃO 2020

Thu Hiền

Năm 2020, thế giới ghi nhận nhiều biến cố bất lợi đối với con người bao gồm cả dịch bệnh và thiên tai, Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức đó. Mặc dù nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát được sự lây lan của dịch bệnh và hạn chế tối đa thiệt hại kinh tế, tuy nhiên, Việt Nam lại là 1 trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Do đó, những diễn biến bất thường trong mùa mưa bão năm 2020 đã, đang đặt ra cho Việt Nam những yêu cầu cấp bách trong việc chuẩn bị các phương án lâu dài nhằm ứng phó với thiên tai ở một tầm cao mới.

Mùa mưa bão năm 2020 - Lời cảnh báo tàn khốc

Hiện tượng mưa giông, mưa đá, sấm sét ngay trong đêm giao thừa và ngày Mùng 1 Tết Canh Tý 2020 tại một số tỉnh, thành phố phía Bắc đã từng là chủ đề được nhiều người quan tâm. Diễn biến thời tiết bất thường trong đêm giao thời và ngày đầu năm mới cũng chính là một trong các dấu hiệu cho thấy sự thay đổi và tác động do biến đổi khí hậu gây ra đối với khí hậu Việt Nam. Trong năm 2020 vừa qua, thiên tai đã có những diễn biến phức tạp, bất thường trên nhiều vùng miền cả nước. Số liệu thống kê cho thấy, Việt Nam đã phải đối phó với nhiều loại hình thiên tai gồm: 14 cơn bão trên biển Đông; 265 trận dông, lốc, mưa lớn trên 49 tỉnh, thành phố, trong đó có 9 đợt trên diện rộng tại 21 tỉnh, thành phố Bắc Bộ và Trung Bộ; 120 trận lũ, lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt là đợt mưa lũ lớn lịch sử từ ngày 6-22/10 tại khu vực Trung Bộ, nhất là tại các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế; 86 trận động đất, trong đó có 02 trận động đất với RRTT cấp 4 (tại Mường Tè, Lai Châu ngày 16/6 với độ lớn 4.9; tại Mộc Châu, Sơn La ngày 27/7 với độ lớn 5.3); hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đê biển tại đồng bằng sông Cửu Long…

Những thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai năm 2020 được Tổng cục Thống kê ghi nhận đã tăng lên rất nhiều lần so với năm 2019. Trong đó đáng lưu tâm là số người thiệt mạng và mất tích do thiên tai trong năm qua lên đến 379 người, tăng 187,1%, 1.060 người bị thương, tăng gấp 5 lần; 4,3 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi, tăng gấp 2,5 lần; 594,0 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng, tăng gấp 8,6 lần; gần 269 nghìn ha lúa và 134,9 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 38,6 nghìn con gia súc và 4,1 triệu con gia cầm bị chết. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 39,1 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 6,3 lần năm 2019, trong đó thiệt hại do bão, lũ là 32,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 82,8% tổng giá trị thiệt hại).

Ngay từ những ngày đầu năm, trận dông lốc và mưa đá đã làm tốc mái, vỡ, thủng tấm lợp, ngói của 3.280 hộ dân ở 21 xã thuộc 5 huyện: Ngân Sơn, Chợ Đồn, Chợ Mới, Bạch Thông và Na Rì (Bắc Kạn)

và 10 huyện, thành phố thuộc tỉnh Lạng Sơn. Hậu quả là hơn năm nghìn hộ gia đình của hai địa phương này bị thiệt hại lên đến hơn 35 tỷ đồng. Tại Lào Cai, chỉ trong chín tháng đầu năm 2020 đã xảy ra 32 đợt thiên tai. Điển hình như trận mưa lớn từ ngày 16 đến ngày 20/8, với lượng mưa gần 350 mm xảy ra ở thị xã Sa Pa, các huyện Văn Bàn, Bảo Yên làm 7 người chết, 11 người bị thương, 5.630 nhà ở bị hư hỏng... Tại Sơn La, từ cuối tháng 7 đến tháng 8 liên tục xảy ra hàng chục trận động đất với dư chấn lớn, khiến người dân bất an.

Đặc biệt, điểm mặt các sự kiện thiên tai trong năm 2020 tại Việt Nam không thể không nhắc đến cơn bão nhiệt đới Linfa (số hiệu quốc tế là TS 2015) hay còn được biết đến với tên gọi bão số 6 (năm 2020) được hình thành ở giữa biển Đông từ ngày 9/10/2020 đã đổ bộ vào khu vực miền Trung vào khoảng 10h sáng ngày 11/10/2020. Ảnh hưởng bởi mưa lớn trong và sau cơn bão Linfa đã gây nên thảm họa lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất tác động mạnh đến toàn bộ khu vực miền Trung của Việt Nam. Thống kê đánh giá thiệt hại đến chiều ngày 26/10/2020, ảnh hưởng của bão Linfa đã làm 148 người chết và mất tích; hơn 1000 ngôi nhà bị sập; hơn 120 nghìn ngôi nhà bị ngập lụt. Ngoài ra, bão còn làm cho hơn 1,4 nghìn ha lúa và gần 8 nghìn ha hoa màu bị thiệt hại, hàng trăm nghìn gia súc và hàng triệu gia cầm chết, gây thiệt hại lớn về người và tàn phá nặng nề nền kinh tế nông nghiệp của khu vực, đẩy nhiều gia đình rơi vào cảnh mất người thân, phá sản, nợ nần, làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo của miền Trung.

Điều đáng nói là khi cơn bão số 6 đi qua để lại hậu quả nặng nề còn chưa thể khắc phục thì vùng rốn lũ bão miền Trung lại tiếp tục hứng chịu bão gối bão khi cơn bão Vamco (cơn bão số 12) lại tiếp tục đổ bộ vào đất liền chiều ngày 15/11/2020. Theo báo cáo của địa phương, thống kê thiệt hại do bão số 13 tính đến chiều ngày 17/11/2020 có 36 người bị thương; 7 ngôi nhà bị sập; 8.893 ngôi nhà bị hư hại, tốc mái; 47 điểm trường và 12 nhà văn hóa bị tốc mái; 31 tàu thuyền bị chìm, hư hỏng tại nơi neo đậu; 1.150 km kè, 1 nghìn km đê biển, 38,95 km bờ sông, bờ biển tiếp tục bị sạt lở; trong đó chưa tính đến những thiệt hại về sản xuất kinh tế, môi trường...

Có thể nói, những diễn biến bất thường của thời tiết trong năm 2020 cùng những hậu quả kinh hoàng do thiên tai để lại chính là hồi chuông cảnh báo mạnh mẽ và chân thực về một thực tại không thể chối cãi rằng, Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với nhiều thảm họa thiên tai cùng những tác động thảm khốc hơn nữa do biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra trong tương lai. Điều này cũng đã được Ngân hàng Thế giới (Worldbank) cảnh báo từ rất lâu trong một nghiên cứu tác động của BĐKH đối với các nước đang phát triển vào năm 2007, trong đó nhận định Việt Nam là nước chịu thiệt hại nặng nề nhất của BĐKH. Căn cứ vào kịch bản nước biển dâng - một trong những yếu tố cơ bản của BĐKH, khi mực nước biển dâng cao thêm 1m sẽ có 10,8 triệu dân ở Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng chịu ảnh hưởng, khoảng 10,21% GDP, 7,14% diện tích đất nông nghiệp, 28,67% diện tích đất ngập nước và 10,74% diện tích đất đô thị sẽ bị ảnh hưởng; chưa kể những thay đổi bất thường về khí hậu, thiên tai do nước biển dâng gây ra không thể dự đoán trước.

Trong một báo cáo gần đây của Worldbank về "Tăng cường khả năng chống chịu khu vực ven biển Việt Nam", ước tính 12 triệu người ở các tỉnh ven biển đang phải chịu ảnh hưởng từ nguy cơ của các trận bão lũ nặng nề và hơn 35% nhà ở hiện đang nằm ở các khu vực ven biển bị xói mòn. Trung bình mỗi năm có tới 852 triệu USD - tương đương 0,5% GDP - và 316.000 việc làm trong các lĩnh vực kinh tế chủ chốt bị ảnh hưởng do nguy cơ lũ lụt ven sông và ven biển.

Việt Nam cần sẵn sàng kịch bản ứng phó trước mắt và lâu dài

Các biện pháp hiện nay đang được Chính phủ Việt Nam thực hiện được các chuyên gia thế giới đánh giá là khá ấn tượng và đưa Việt Nam trở thành nước dẫn đầu trong khu vực về quản lý rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, các biện pháp vẫn chưa đầy đủ để đối phó với tình hình thực tế hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh bão lũ hoành hành ở miền Trung Việt Nam những năm gần đây đã thể hiện một xu hướng đáng lo ngại là rủi ro thiên nhiên đang ngày càng trở nên nguy hiểm hơn, gây thiệt hại nặng nề hơn do tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển kinh tế và biến đổi khí hậu.

CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA
Địa chỉ: Khu đô thị mới đại lộ Lê Lợi - Phường Đông Hương
TP. Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237.3 859 226 - 0237.3 852 306 * Fax: 0237.3 756 627
Email: thanhhoa@gso.gov.vn


Trước mắt, Việt Nam cần nhanh chóng xử lý, khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra để củng cố và gia tăng sức chịu đựng cho các địa phương bị thiệt hại. Cần nâng cao năng lực phòng ngừa thiên tai như dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát… đảm bảo thông tin cập nhật nhanh chóng với độ chính xác cao. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc phát triển kinh tế quá nhanh và khai thác, tác động mạnh mẽ vào thiên nhiên môi trường đã khiến gia tăng BĐKH, gây ra sự bất thường của thiên tai. Do đó cần triệt để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường bằng việc bảo tồn và phát triển rừng, tăng cường quản lý khai thác khoáng sản…

Về tầm nhìn dài hạn, dựa trên các nghiên cứu, đánh giá về tình hình thiên tai xảy ra trong nhiều năm trở lại đây cùng những biện pháp phòng, chống và khắc phục được Việt Nam sử dụng, các chuyên gia đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm ứng phó với những tác động tiêu cực có mức độ ngày càng gia tăng.

Thứ nhất, cần thiết lập và tăng cường hệ thống quản lý, sử dụng dữ liệu và công cụ ra quyết định thích hợp. Để quản lý rủi ro một cách hiệu quả, người đưa ra quyết định cần có thông tin đầy đủ và cập nhật, chính vì vậy, việc cải thiện dữ liệu và hệ thống thông tin, các yếu tố sẽ cho phép đưa ra các quyết định dựa trên thông tin về rủi ro. Do đó, Việt Nam cần đảm bảo các dữ liệu về thiên tai và công cụ phân tích đầy đủ, chuẩn mạnh và luôn sẵn sàng; đồng thời thiết lập hệ thống quản lý các công trình cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai tự nhiên và nhân tạo.

Thứ hai, thực thi triệt để công tác quy hoạch ven biển dựa trên thông tin về rủi ro. Khu vực ven biển Việt Nam là nơi tập trung nhiều ngành kinh tế trọng điểm nhưng cũng là nơi thường xuyên phải gánh chịu sự tác động của thiên tai. Việc phát triển kinh tế và gia tăng đô thị hóa ở các khu vực này có thể đem lại nhiều hiệu quả và lợi ích hấp dẫn nhưng về lâu dài sẽ kéo theo gánh nặng chi phí trong việc duy trì mức độ an toàn do đây là những khu vực có nguy cơ thiệt hại cao. Vì thế, cần có chiến lược quy hoạch phân vùng, khuyến khích phát triển ở những khu vực an toàn và hạn chế tác động đến tự nhiên, hướng đến phát triển bền vững, lâu dài.

Thứ ba, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ công. Hệ thống cơ sở hạ tầng dân sinh giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh kế và phát triển của người dân, cần tích hợp các phân tích rủi ro ngay trong giai đoạn lập kế hoạch, thiết kế và bảo trì cho tất cả các công trình hạ tầng quan trọng.

Thứ tư, tận dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên. Hệ thống rừng phòng hộ từ xa xưa đã cho thấy khả năng ngăn ngừa thiên tai hiệu quả, tuy nhiên do sự khai thác tận diệt rừng, khai thác khoáng sản cạn kiệt là nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng sạt lở, sói mòn, lũ lụt, xâm ngập mặn, làm mất khả năng phòng hộ các khu vực duyên hải, miền núi... Việt Nam cần cân nhắc giữa việc lựa chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng để phát triển kinh tế và quản lý bền vững hệ thống sinh thái tự nhiên, để đồng thời vừa cung cấp giá trị kinh tế hữu hình, vừa tăng cường khả năng phòng hộ và giảm thiểu thiên tai.

Thứ năm, nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và phục hồi. Theo Worldbank, những thảm họa thiên tai như lũ lụt, sạt lở sẽ có thể xảy ra thường xuyên hơn với mức độ ngày càng tăng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần chuẩn bị sẵn sàng cho các loại hình thiên tai dữ dội hơn, mưa bão và lũ lụt nghiêm trọng hơn nhằm đối phó khẩn cấp và phục hồi sau thiên tai một cách hiệu quả. Để thực hiện khuyến nghị này, các hành động cụ thể được nhấn mạnh gồm có: Cải thiện hệ thống cảnh báo sớm và tăng cường truyền thông; Tăng cường năng lực lập kế hoạch khẩn cấp và bảo vệ dân sự; Xây dựng chiến lược tài chính phòng chống thiên tai.

Mùa mưa bão năm 2020 đã khép lại khi cánh cửa năm mới mở ra nhưng những dư chấn để lại sẽ còn được nhắc lại nhiều về sau và hiểm họa của mùa mưa bão những năm tiếp theo sẽ còn tiếp tục đón chờ. Điều cần thiết lúc này không chỉ là Việt Nam sẽ phải làm gì mà phải thực hiện thật nhanh chóng, thật mạnh mẽ các đối sách và hành động để bảo vệ các thành quả kinh tế - xã hội trong hiện tại, tránh những thiệt hại thảm khốc về người và của do thiên tai gây ra, vì mục tiêu phát triển bền vững toàn diện trong tương lai./.



Sáng ngời

TẤM LÒNG VIỆT TRONG HOẠN NẠN

Minh Thư

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam kết thúc năm 2020 với những biến động chưa từng có trong nhiều năm qua từ dịch bệnh Covid-19, thiên tai, lũ lụt liên tiếp xảy ra làm thiệt hại về người và của... khiến cho nền kinh tế đình trệ, người lao động bị mất việc làm, nhiều gia đình đã khó khăn lại càng khó khăn... Trong bối cảnh đó, một Việt Nam với truyền thống quật cường đã đoàn kết cùng nhau vượt qua khó khăn, những hành động cao đẹp và tấm lòng sẻ chia càng tô thắm sáng ngời tấm lòng Việt trong hoạn nạn.

Chia sẻ yêu thương

Dịch Covid-19 bùng phát khiến cuộc sống của những người nghèo thêm chật vật với gánh nặng mưu sinh. Trước khó khăn của đại dịch Covid-19, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đặc biệt là quan tâm đến cuộc sống của người dân, với các gói hỗ trợ người lao động, đảm bảo an sinh xã hội. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP và Thủ tướng ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTg về các biện pháp, chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn. Và trên hết là nghĩa tình đồng bào ruột thịt của người Việt trong khó khăn hoạn nạn đã được thể hiện rõ nét trong những ứng xử kịp thời của Đảng, Nhà nước ta khi triển khai các hoạt động bảo hộ công dân Việt Nam đang sinh sống, học tập ở nước ngoài được trở về nước an toàn trong phòng chống dịch đã để lại những cảm xúc và ấn tượng tốt đẹp

Trong "tâm bão" của dịch bệnh Covid-19, các y bác sĩ, chiến sĩ quân đội, công an và tình nguyện viên… không quản ngày đêm túc trực để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của cộng đồng và sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân bằng những hành động, việc làm ý nghĩa, tốt đẹp. Đó là hình ảnh cảm động trước nghĩa cử cao đẹp của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trong toàn quân sẵn sàng nhường nhà, nhường giường để nhân dân có chỗ ở trong thời gian cách ly theo quy định. Nhiều cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và thanh niên tình nguyện không quản ngày đêm xuất hiện kịp thời túc trực trên các địa bàn thực hiện cách ly, đồng hành sát cánh cùng người dân trong cuộc chiến phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Cùng góp sức, đồng lòng với cả hệ thống chính trị trong đẩy lùi phòng, chống dịch bệnh, mỗi người dân tùy thuộc vào điều kiện của mình đã có những hành động thiết thực chia sẻ giúp đỡ những người còn khó khăn, yếu thế, từ việc mua và phát khẩu trang, dung dịch rửa tay sát khuẩn miễn phí; phát cơm, bánh mì và nước uống miễn phí; tham gia dọn vệ sinh đường phố, khu vực thôn, xóm… cho đến việc giúp đỡ bà con giải cứu nông sản do dịch bệnh mà ách tắc không tiêu thụ được. Những người trở về từ vùng dịch đã tự nguyện cách ly tại nhà, cách ly tập trung để cùng cộng đồng phòng tránh dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, rất nhiều nhà hảo tâm, doanh nghiệp, nghệ sĩ,… trong cả nước đã chủ động đóng góp, thể hiện tấm lòng sẻ chia, chung sức cùng cộng đồng chống lại đại dịch. Đặc biệt, trong thời gian bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội để giúp người lao động nghèo vượt qua khó khăn, trong cộng đồng đã xuất hiện nhiều mô hình, cách làm từ thiện mới, điển hình là sáng kiến "ATM gạo" miễn phí hoạt động 24 giờ. Để máy "ATM gạo"







luôn có đủ gạo giúp những người lao động nghèo có cái ăn trong lúc khó khăn mà vẫn bảo đảm tuân thủ quy định về phòng, chống dịch Covid-19, đã có nhiều tấm lòng thảo thơm mang gạo đến chia sẻ chung sức, đồng hành cùng những người nghèo vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Ngoài sáng kiến "ATM gạo" có thể kể tới các sáng kiến khác như: Tổ chức đấu giá tranh, biểu diễn văn hóa nghệ thuật miễn phí… Tất cả mọi sự ủng hộ không chỉ bằng vật chất, mà còn mang giá trị tinh thần tăng lên mỗi ngày, mỗi giờ thể hiện sự đồng cam cộng khổ, tương thân tương ái của người dân cả nước trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Những nghĩa cử đẹp trong cộng đồng cả mùa dịch Covid-19 đã cho thấy niềm tin về lòng tốt, sự sẻ chia, là trách nhiệm và ý thức công dân của con người trong xã hội vẫn luôn tỏa sáng đúng lúc và hơn thế chính sự ấm áp những nghĩa cử cao đẹp của tình người đã đưa con người lại gần nhau hơn cho thấy một Việt Nam đoàn kết, sáng ngời tấm lòng sẻ chia. Thật cảm động với dòng chữ "Ai cần cứ đến lấy. Nếu khó khăn, hãy lấy một gói mỗi ngày. Nếu bạn ổn xin nhường cho người khác" đã xuất hiện khắp mọi nơi trong thời gian cả nước phòng, chống dịch Covid-19 làm lay động hàng triệu trái tim Việt hướng về vì sự tử tế, về lòng sẻ chia và trên hết là nghĩa tình đồng bào ruột thịt sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo giúp nhau vượt qua khó khăn hoạn nạn.

Và tình người trong cơn lũ dữ

Cũng trong năm 2020, khi miền Trung phải hứng chịu liên tiếp các cơn bão, lũ có sức tàn phá ghê gớm, khiến nhiều nhà cửa bị tốc mái, đổ sập, nhiều hoa màu, tài sản bị cuốn trôi, hàng trăm người thiệt mạng… một lần nữa tình yêu thương, sự sẻ chia và trên hết là nghĩa đồng bào của người dân đất Việt lại được thể hiện rõ nét qua nhiều nghĩa cử cao đẹp.

Không để người dân miền Trung phải một mình chống trọi cơn bão, lũ, cả nước đã hướng về miền Trung với tấm lòng sẻ chia tất cả những gì có thể để kịp thời gửi về miền Trung cứu giúp đồng bào vượt qua bão, lũ. Ngay từ những ngày đầu với trách nhiệm và nghĩa tình đồng bào hướng về miền Trung, Chính phủ đã yêu cầu Bộ Tài chính xuất cấp 5.000 tấn gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ 5 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam và Hà Tĩnh mỗi tỉnh 1.000 tấn gạo để cứu trợ khẩn cấp cho người dân vùng lũ; tạm cấp 500 tỷ đồng từ dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020 hỗ trợ 5 tỉnh này, mỗi tỉnh 100 tỷ đồng để thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn và an sinh xã hội; Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời hỗ trợ các địa phương về thuốc chữa bệnh, hóa chất khử trùng, khử khuẩn... Không chỉ là tiền, hàng, thuốc được gửi tới người dân miền Trung, những ngày này thật ấm áp tình người khi các đoàn công tác của Chính phủ, các địa phương, các cơ quan, ban, ngành đã trực tiếp đi vào vùng lũ cùng chính quyền địa phương cứu hộ, cứu nạn giúp các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi cơn bão, lũ vượt qua khó khăn; các lực lượng cứu hộ đội mưa bám địa bàn, có mặt ở những nơi khó khăn, nguy hiểm nhất hay các đơn vị thuộc Quân khu 4, Quân khu 5, Bộ đội Biên phòng đã huy động người và phương tiện phối hợp với các lực lượng ở địa phương thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả bão, lũ… Tất cả với tinh thần sẻ chia không ngại khó khăn dù ngày hay đêm họ đội mưa túc trực 24/24 giờ đi tới từng nhà cứu trợ kịp thời giúp người dân vượt qua cơn bão, lũ.

Cùng với các cấp chính quyền chia sẻ khó khăn hoạn nạn với đồng bào miền Trung, người dân cả nước đã tự nguyện quyên góp tiền và hiện vật là áo phao cứu sinh, lương thực thực phẩm, chăn màn... Thậm chí, nhiều cá nhân, tổ chức không quản ngại khó khăn vất vả, lặn lội tới tận miền Trung để cứu trợ. Cảm động và ấm áp tình người trong cơn bão, lũ khi hình ảnh người cứu trợ lội nước trực tiếp tới nhà dân trao tặng món quả cứu trợ có khi chỉ là gói mì tôm, chai nước uống…Hay hình ảnh người dân tại nhiều địa phương thức trắng đêm gói bánh chưng để kịp thời tiếp tế cho bà con vùng lũ. Trong những ngày mưa lũ tại các ngả đường hướng về miền Trung, các đoàn xe cứu trợ chở đầy hàng hóa, nhu yếu phẩm của đồng bào khắp cả nước gửi hỗ trợ cho người dân miền Trung.

Hướng về miền Trung, nhiều nhóm thiện nguyện, cá nhân

đã đứng ra huy động, đóng góp. Các câu khẩu hiệu "Hướng về miền Trung", "Tất cả vì miền Trung ruột thịt","Miền Trung ơi cố lên"... là những lời kêu gọi, động viên lay động trái tim thiện nguyện của mỗi người con đất Việt. Thông qua Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Ủy ban MTTQ các cấp ở địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn sau lời phát động ủng hộ đồng bào bị bão, lụt, hàng trăm tỷ đồng, hàng tấn hiện vật là lương thực đã được quyên góp để kịp thời chuyển tới tận tay những người dân đang vật lộn trong bão, lũ. Các cán bộ, công nhân viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị ủng hộ ít nhất mỗi người một ngày lương. Các trường học tích cực hưởng ứng, ủng hộ với sự tham gia của đông đảo giáo viên và học sinh… Tất cả đều thể hiện tình cảm sẻ chia, sự chung tay, góp sức hướng về đồng bào miền Trung thân yêu. Với tinh thần tương thân tương ái, lá rách ít đùm lá rách nhiều, bản thân những người dân miền Trung trong những vùng bão, lũ bị chia cắt, cũng đã có những hình ảnh đẹp về sự sẻ chia, tình làng nghĩa xóm của người dân nơi đây, từ việc chèo thuyền cứu hàng trăm người bị lũ cuốn trôi, đến việc nhường nhau từng hạt gạo, manh áo và cả chỗ ở…

Không chỉ trong mà sau khi bão, lũ đi qua tại các địa phương, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Bộ đội, các đơn vị, địa phương đóng trên địa bàn đã cùng chung tay, góp sức giúp người dân khắc phục hậu quả bão, lũ sớm ổn định lại cuộc sống như: Tu sửa, sắp xếp lại nhà cửa, làm vệ sinh trường học, vệ sinh đường phố…

Có thể nói, những hành động nghĩa cử cao đẹp trong khó khăn, hoạn nạn đã sưởi ấm tình người càng thêm ấm áp và lan tỏa luồng năng lượng tích cực. Hành động kịp thời của những người đứng đầu đất nước; sự tham gia chủ động, tích cực, quyết liệt, hiệu quả của ban ngành, chính quyền các cấp cùng sự ủng hộ đồng lòng của nhân dân đã cho thấy sự gắn kết bền chặt nghĩa tình đồng bào ruột thịt trong khó khăn càng đoàn kết, chia sẻ, tương thân tương ái làm sáng ngời tấm lòng Việt trong hoạn nạn./.

XUẤT NHẬP KHẨU...

(Tiếp theo trang 24)

Ba là, xuất siêu 19,1 tỷ USD trong năm 2020, một mặt là điểm sáng, tăng thu ngoại tệ cho đất nước để phát triển sản xuất; mặt khác con số này cũng phản ánh những khía cạnh cần nhìn nhận, đánh giá các chính sách thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, phát triển kinh tế. Việt Nam là một quốc gia có độ mở của nền kinh tế cao, song sản xuất chủ yếu dựa trên nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn nhập khẩu, chủ yếu ở các mặt hàng gia công xuất khẩu, xuất khẩu nguyên liệu thô, khoáng sản; tăng trưởng nhập khẩu thấp hơn nhiều so với năm trước do nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu giảm khá sâu đã làm cho con số xuất siêu tăng cao. Nhập khẩu tư liệu sản xuất của khu vực đầu tư trong nước giảm đáng kể (11,2%) cho thấy, sức chống đỡ hạn chế của khu vực kinh tế trong nước trước những biến cố tác động tiêu cực lên nền kinh tế.

Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu:

(1) Tập trung thực hiện những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thực hiện công tác phòng vệ thương mại để bảo vệ hàng Việt bao gồm: Giảm thời gian, thủ tục xuất nhập khẩu; tăng xúc tiến thương mại.

(2) Thường xuyên tuyên truyền, cập nhật các chính sách và luật pháp quốc tế, phổ biến những lợi thế của việc ký kết các hiệp định thương mại tự do đến doanh nghiệp.

(3) Phát triển các thương hiệu địa phương (sản phẩm OCOP) ra thế giới.

(4) Đầu tư có trọng điểm phát triển ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản có chất lượng cao để xuất khẩu gắn với quy hoạch vùng trồng, cây trồng; phát triển quy mô sản xuất để đảm bảo ổn định nguồn hàng cung cho xuất khẩu.

(5) Tăng cường liên kết vùng trong sản xuất và chế biến sản phẩm xuất khẩu.

(6) Phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ logistics để thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu.

(7) Nghiên cứu các chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ ở khu vực đầu tư trong nước, dần tiến tới phát triển các doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch có vị thế và sức cạnh tranh với các nước tiên tiến trên thế giới. /.



CỤC THỐNG KÊ HÀ NỘI

Địa chỉ: 1 Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38 264 379- 024.39 713 727

Email: hanoi@gso.gov.vn

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

Lê Ngọc Bảy
Cục trưởng Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thành phố Cần Thơ đã khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế cho phát triển; kinh tế tăng trưởng khá với chất lượng tăng trưởng được nâng lên, đạt mức bình quân 7,27%/năm, cao hơn mức trung bình cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo. Cần Thơ đang từng bước trở thành động lực tăng trưởng và khẳng định vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thành phố Cần Thơ nâng tầm diện mạo mới

Thành phố Cần Thơ nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long mang những đặc trưng cơ bản của một trung tâm đa chức năng, có sức lan tỏa kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vai trò quan trọng về quốc phòng - an ninh đối với Vùng và cả nước. Trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội Việt Nam mở rộng hợp tác, hội nhập sâu rộng, Cần Thơ được xác định phấn đấu xây dựng và phát triển trở thành thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Kông; là trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghiệp trung tâm văn hóa và y tế, là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.

Ngay từ khi Nghị quyết 45-NQ/TW được ban hành ngày 17/02/2005, toàn bộ hệ thống chính trị cùng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã cùng thống nhất ý chí và hành động, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp hiệu quả, phù hợp và thực hiện đồng bộ. Đến nay, sau chặng đường 15 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, thành phố Cần Thơ đã thay da đổi thịt, khoác trên mình một diện mạo mới với những thành tựu rất đáng ghi nhận.

Thành phố đã chủ động khai thác mọi nguồn lực, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển; việc tái cơ cấu được thực hiện đồng bộ giữa tổng thể nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực quan trọng, bao gồm: Tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp; tái cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công có trọng điểm, tránh dàn trải, hoàn thành công trình đúng tiến độ, không để nợ đọng xây dựng cơ bản; cùng cả nước thực hiện cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, lành mạnh thị trường tài chính, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Nhờ đó,



chất lượng tăng trưởng của Cần Thơ từng bước được cải thiện; kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá, GRDP giai đoạn 2006-2010 tăng bình quân 15,45%; GRDP giai đoạn 2011-2019 tăng bình quân 6,53% (trong đó, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 5,94% và giai đoạn 2016-2019 tăng bình quân 7,27%). Năm 2019, tăng trưởng kinh tế của Cần Thơ ước đạt khá 7,84%, cao hơn mức tăng trưởng bình quân 7,02% của cả nước, xếp vị trí thứ 3 trong số 5 thành phố lớn trực thuộc Trung ương, cao hơn thành phố Hà Nội và Đà Nẵng, đứng đầu so với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) mặc dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng tốc độ tăng GRDP của thành phố vẫn đạt mức tăng 1,02% so với năm 2019.

Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, đến năm 2020, giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (theo giá hiện hành) đạt hơn 92 nghìn tỷ đồng, gấp 5,1 lần so với năm 2005. Hàng năm, Cần Thơ đóng góp khoảng 1,47% GDP cả nước, khoảng 3,24% GRDP của 5 thành phố lớn trực thuộc Trung ương và khoảng 9,45% GRDP của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 74,50 triệu đồng, gấp 7,1 lần so năm 2005; cao hơn so với GDP bình quân đầu người cả nước 64,49 triệu đồng, đứng vị trí thứ 5 so với các thành phố lớn trực thuộc Trung ương và trong tốp đầu vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế của Thành phố chuyển dịch đúng mục tiêu Nghị quyết, theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp và giảm đáng kể tỷ trọng khu vực nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và hiệu quả; tăng dần tỷ trọng các ngành chế tạo, chế biến, sản phẩm có hàm lượng tri thức, công nghệ, kỹ thuật tiến bộ, có lợi thế cạnh tranh. Đến năm 2020, tỷ trọng các khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng từ 81,30% lên đến 89,91%; tỷ trọng khu vực nông nghiệp giảm từ 18,70% năm 2005 xuống còn 10,09%.

Giai đoạn 2021-2025, Cần Thơ phấn đấu tăng trưởng GRDP đạt 7,5-8%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10-12,5%/năm; tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao; tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt 12-13%/năm. Đến năm 2025, GRDP/người đạt 6.200-2.800 USD. Về cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54,17-54,73% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 33,71-33,99%, nông nghiệp chiếm 5,61-5,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,94-5,95%; tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt 35-40%. Trong xây dựng nông thôn mới, phấn đấu 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 97%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ hộ nghèo dưới mức 0,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80-85% và tỷ lệ đô thị hóa đạt 76%.

Riêng năm 2020, tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh trong tất cả các ngành, lĩnh vực, hơn thế nữa nó còn làm thay đổi đáng kể cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng tăng tỷ trọng khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,09%; khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 82,75%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,16%.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo được sự đoàn kết, đồng thuận trong nhân dân, doanh nghiệp và chính quyền các cấp, huy động mạnh mẽ nguồn lực từ xã hội. Kết quả thực hiện Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới, thành phố Cần Thơ hoàn thành xây dựng 36/36 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 04/04 huyện, thành phố được Trung ương công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; là 1/8 tỉnh, thành của cả nước đã hoàn thành chủ trương lớn này của Đảng. Hiện tại, thành phố đang tập trung nâng cấp, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Chất lượng và năng lực cạnh tranh của Thành phố từng bước được nâng lên. Hợp tác, liên kết về kinh tế trong và ngoài nước được tăng cường, không gian kinh tế ngày càng mở rộng, độ mở nền kinh tế thành phố ngày càng lớn. Các nguồn lực xã hội tiếp tục được huy động phát huy, hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư và mở rộng, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân; tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,66% (theo chuẩn đa chiều), thấp hơn so với mức bình quân cả nước (còn 1,5%) và thấp nhất so với các tỉnh trong Vùng.

Tiếp nối những thành tựu đã đạt được, Nghị quyết số 59-NQ/TW

ngày 05/08/2020 của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Cần Thơ sẽ trở thành thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

Khắc phục hạn chế, phát triển thành phố Cần Thơ trên tầm cao mới

Trong quá trình triển khai Nghị quyết 45-NQ/TW, Cần Thơ vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém như: Phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa thực sự là trung tâm động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu kinh tế nội ngành chuyển dịch chậm, nhất là ngành công nghiệp; ngành dịch vụ chưa tạo ra sự phát triển đột phá, chưa trở thành trung tâm dịch vụ lớn, đa ngành của vùng; nông nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế, chưa thể hiện rõ vai trò sản xuất theo hướng hiện đại. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch quản lý đô thị còn yếu kém, thiếu bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ đang là điểm nghẽn đối với phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long…

Tuy nhiên, kết quả và những bài học kinh nghiệm sau 15 năm, nhất là 5 năm giai đoạn 2015-2019 đã tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, tạo thêm nguồn lực và động lực mới để thành phố Cần Thơ phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới. Đối với cơ hội từ Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA) giữa Cộng đồng Châu Âu (EU) và Việt Nam vừa được ký kết, Cần Thơ với vai trò trung tâm vùng có thế mạnh về sản xuất hàng nông- thủy sản sẽ có cơ hội khẳng định vai trò là trung tâm tập kết, trung tâm logistics của Vùng cho hoạt động xuất nhập khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế mở rộng; thành phố có cơ hội nhiều hơn thu hút các nhà đầu tư từ các nước, nhất là từ Châu Âu.

Để khắc phục những điểm yếu kém, hạn chế và hiện thực hóa những mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết số 59/NQ-TW, Bộ Chính trị đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp đối với Cần Thơ, trong đó nhấn mạnh:

Một là, tạo sự thống nhất cao về nhận thức từ Trung ương tới địa phương, từ doanh nghiệp đến người dân về vai trò trung tâm của Thành phố. Cụ thể hóa vai trò trung tâm của thành phố trong định hướng, quy hoạch, chiến lược và chính sách phát triển thành phố, phát triển vùng và phát triển của từng địa phương trong vùng, cũng như trong các chương trình hành động với đầy đủ các nguồn lực và cơ chế phát triển phù hợp với vai trò trung tâm vùng của thành phố.

Hai là, thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch,

Mục tiêu đến năm 2030, GRDP/người của Cần Thơ đạt 9.400-11.000 USD; dịch vụ chiếm 56,49-56,71% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 34,02-34,28%, nông nghiệp chiếm 3,42-4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5-5,59%; tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt khoảng 25-50%. 100% số hộ được cung cấp đầy đủ nước sạch, hầu hết chất thải rắn được thu gom và xử lý. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85-90%; về cơ bản không còn hộ nghèo; tỷ lệ đô thị hóa đạt 80%.

Tầm nhìn đến năm 2045, Cần Thơ sẽ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long, thuộc nhóm thành phố phát triển khá ở châu Á.

CỤC THỐNG KÊ KIÊN GIANG
Địa chỉ: Số 647A Nguyễn Trung Trực - Phường An Hoà
TP. Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297.3 812 460 - 3 811 389 * Fax: 0297.3 811 389
Email: kiengiang@gso.gov.vn
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021



nhất là quy hoạch đô thị trên cơ sở phát huy ở mức cao nhất các tiềm năng, lợi thế không chỉ của thành phố mà của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, việc xây dựng quy hoạch thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp chế biến, hỗ trợ công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và công nghệ thông tin; phát triển nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết với du lịch, đô thị, thị trường tiêu thụ và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng.

Ba là, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng và liên vùng; là cơ sở để thành phố phát huy vai trò trung tâm, động lực phát triển vùng; là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế.

Bốn là, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho phát triển cơ sở hạ tầng và các ngành kinh tế có tiềm năng, lợi thế.

Năm là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long, khẳng định vị thế là trung tâm giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu của vùng.

Sáu là, gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; khẳng định vị thế là trung tâm văn hóa, du lịch và thể thao của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện tốt công tác tôn giáo và dân tộc.

Bảy là, thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; hướng tới là trung tâm ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tám là, tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước; hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; phát huy vai trò trung tâm, trở thành hạt nhân liên kết của vùng; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Chín là, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Cụ thể: Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, ổn định.

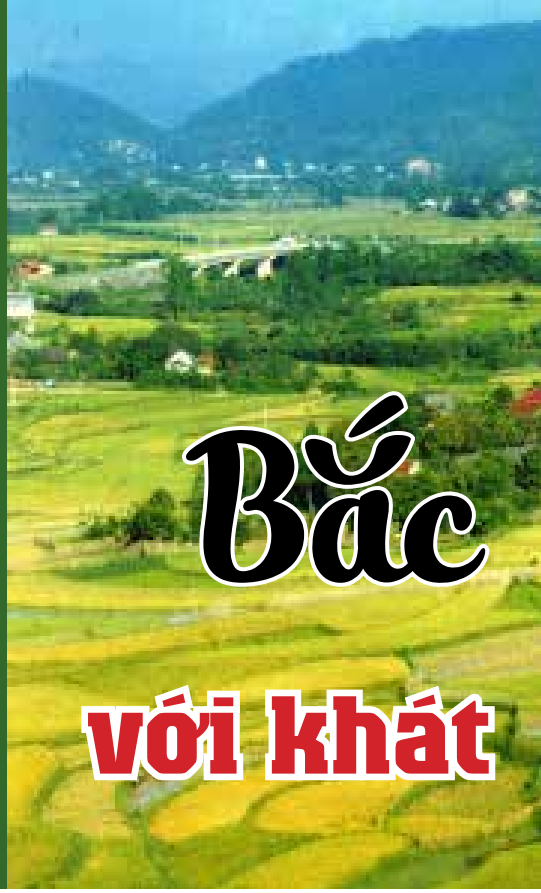
Mười là, thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh bằng việc thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cùng với đó, bồi dưỡng tư cách đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

Năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh và thiên tai diễn biến phức tạp trên thế giới và cả trong nước, Cần Thơ đã thực hiện tốt các chủ trương của Chính phủ, triển khai các giải pháp nhằm phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Nhờ đó, kinh tế thành phố Cần Thơ vẫn giữ được tăng trưởng dương, tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố hoạt động bình thường trở lại, đời sống nhân dân được đảm bảo. Qua đó tạo động lực để Cần Thơ tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong thời gian tới./.

CỤC THỐNG KÊ CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 160 Lý Tự Trọng - P. An Cư - Q. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3 734 641 - 3 830 120 * Fax: 0292.3 830 120
Email: cantho@gso.gov.vn
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

Bắc với khát

5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020, với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh Bắc Giang đã vượt qua khó khăn và đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, nổi bật là 15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra đều hoàn thành xuất sắc, nhiều chỉ tiêu vượt xa so kế hoạch, giữ vị trí nhóm dẫn đầu khu vực và cả nước.



Dấu ấn nhiệm kỳ 2015 -2020

Trong 5 năm qua, nhờ huy động hiệu quả các nguồn lực và có những cơ chế chính sách hợp lý, phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang có sự bứt phá mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân trên địa bàn đạt 13,9%/năm, thuộc nhóm các tỉnh có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước, vượt xa so với mục tiêu Đại hội (10-11%/năm). Quy mô GRDP năm 2020 ước đạt gần 123 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần năm 2015 (đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố). Trong cơ cấu kinh tế, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng cao, trong đó công nghiệp ngày càng khẳng định là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp bình quân đạt 23,8%/năm. Toàn tỉnh hiện có 5 khu công nghiệp và 40 cụm công nghiệp, cơ bản đã lấp đầy diện tích.

Nhiệm kỳ qua tiếp tục chứng kiến sự phát triển ngoạn mục của nông nghiệp Bắc Giang, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, tập trung quy mô lớn. Đến nay, tỉnh Bắc Giang đã xây dựng 766 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao; 56 sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng và 40 sản phẩm đã được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Đồng thời, tiếp tục duy trì vùng trồng cây ăn quả Lục Ngạn là một trong những vùng có quy mô lớn nhất cả nước. Bình quân giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp của Bắc Giang đạt 120 triệu đồng. Chăn nuôi phát triển đa dạng cả chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tổng đàn lợn và đàn gà đều đứng thứ 4 toàn quốc. Trồng rừng kinh tế phát triển mạnh, nhiều hộ đã làm giàu từ kinh tế rừng. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%, tăng 0,9% so với năm 2015. Đến nay, nhiều sản phẩm nông nghiệp của Bắc Giang đã được xuất khẩu tới nhiều thị trường trên thế giới, trong đó có cả những thị trường khó tính và được đánh giá cao.

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành dịch vụ bình quân đạt 6,2%/năm. Hệ thống bán lẻ phát triển rộng khắp đến các thôn, bản; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt gần 29,8 tỷ đồng. Xuất khẩu tăng trưởng cao, năm 2020 giá trị xuất khẩu đạt 11,12 tỷ USD. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải tiếp tục phát triển nhanh. Thương mại điện tử và các giao dịch, thanh toán điện tử ngày càng phát triển.

Bắc Giang được xem là điểm sáng của cả nước trong phát triển doanh nghiệp, bình quân mỗi năm thành lập mới trên 1.200 doanh nghiệp; đến nay, toàn tỉnh có 10.900 doanh nghiệp đăng ký thành lập, trong đó có 447 doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp đã đóng góp tích cực vào giải quyết việc làm, nâng giá trị kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 5 năm, diện mạo đô thị đã có sự thay đổi rõ nét, ngày càng khang trang, hiện đại hơn. Tỉnh đã triển khai thực hiện 36 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng mức đầu tư khoảng 8.000 tỷ đồng. Hiện, tỉnh Bắc Giang có 16 đô thị, trong đó TP. Bắc Giang là đô thị loại II, thị trấn Thắng và thị trấn Chũ là đô thị loại IV, 13 đô thị loại V.

Đầu tư trên địa bàn tăng khá với tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 230 nghìn tỷ đồng. Trong đầu tư, tỉnh Bắc Giang tập trung ưu tiên cho xây dựng hạ tầng giao thông đi trước một bước để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các lĩnh vực như: Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, đường vành đai IV Hà Nội, ĐT293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, cầu Đồng Sơn và đường dẫn lên cầu... Đồng thời, tỉnh Bắc Giang cũng tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống đường huyện, đường xã, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn.



Giang vọng bứt phá

Phạm Bá Dũng
Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

Để bắt nhịp xu thế hội nhập của Việt Nam với thế giới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trong điều hành hoạt động, Bắc Giang chú trọng chỉ đạo triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ trong tất cả các lĩnh vực, qua đó đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay, nhiều sáng kiến, giải pháp công nghệ tiên tiến đã được ứng dụng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ người dân trên địa bàn.

Ngoài ra, các lĩnh vực như: Giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bắc Giang tiếp tục có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhiều lĩnh vực duy trì thứ hạng tốp đầu khu vực và cả nước. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Năm 2020, toàn tỉnh có 124 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 67,4% tổng số xã trong tỉnh, vượt xa so với mục tiêu Đại hội (35-40%), có 3 huyện là Việt Yên, Lạng Giang và Tân Yên đạt huyện nông thôn mới trước kế hoạch. Hiệu quả trong phong trào xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực đến đời sống người dân và diện mạo của vùng nông thôn. An sinh xã hội được nâng cao, đời sống nhân dân có sự thay đổi rõ rệt và thực chất, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, đến nay chỉ còn 3,5%, giảm 10,43% so với năm 2015, bình quân giảm trên 2%/năm. Kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số tiếp tục có bước phát triển, đời sống của người dân từng bước được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân trên 7%/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giảm bình quân 4,5%/năm.

Bên cạnh kết quả đạt được, Bắc Giang vẫn còn những tồn tại như: Tăng trưởng kinh tế chủ yếu tập trung ở lĩnh vực công nghiệp nhưng còn phụ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài; công nghiệp phát triển về quy mô nhưng chưa thu hút được nhiều dự án lớn, công nghệ cao; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; dịch vụ phát triển chậm, chưa theo kịp sự phát triển của công nghiệp; thu ngân sách từ đất còn chiếm tỉ trọng khá lớn; đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và công nhân tại các khu công nghiệp còn nhiều khó khăn.

Khát vọng bứt phá

Với khát vọng bứt phá, đổi mới sáng tạo, xây dựng tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, vững chắc, tỉnh Bắc Giang phấn đấu năm 2025 nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu cả nước về quy mô GRDP, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Các lĩnh vực như: Giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước. Cụ thể, đến năm 2025, Bắc Giang phấn đấu đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân đạt 14,0-15,0%. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 11%; công nghiệp - xây dựng 68,4%; dịch vụ 20,6%; GRDP bình quân đầu người đạt từ 5.500-6.000 USD; tổng thu ngân sách Nhà nước tăng 14-16%/năm; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 35-36% GRDP/năm (huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 470 nghìn tỷ đồng); tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm ít nhất là 1-1,5%.

Để tiếp tục phát huy lợi thế, sớm hoàn thành mục tiêu đề ra, trong thời gian tới Đảng bộ tỉnh Bắc Giang cần tập trung rà soát, xây dựng Quy hoạch tổng thể tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai,

khoáng sản; có quy hoạch cụ thể đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, làm cơ sở định hướng phát triển. Ngoài ra, tỉnh Bắc Giang cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ như:

Một là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với thể chế kinh tế thị trường và tình hình thực tế của địa phương để tập trung xây dựng môi trường kinh tế, môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế dựa trên nguyên tắc bình đẳng và minh bạch.

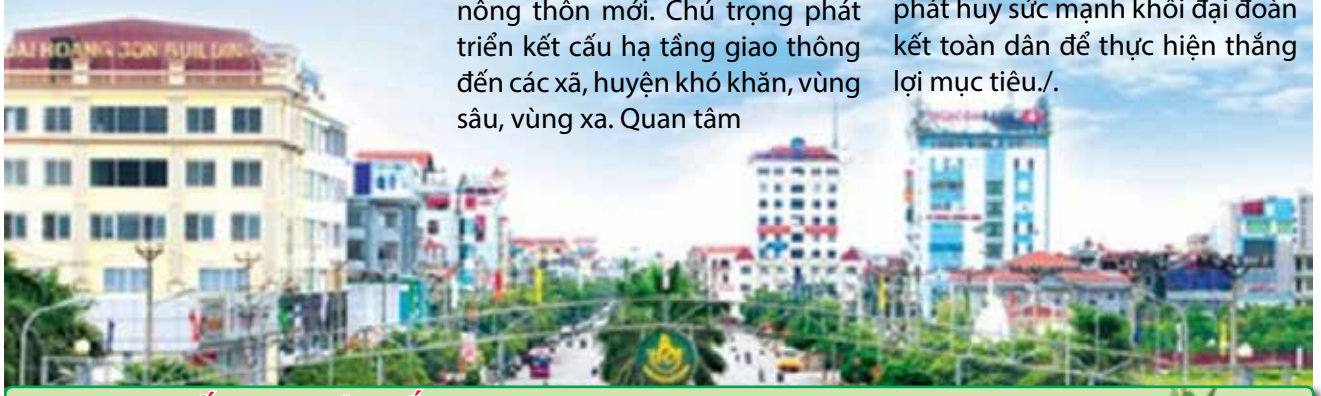
Hai là, phát triển đồng bộ cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó công nghiệp được xác định là động lực, nông nghiệp là nền tảng bảo đảm ổn định, phát triển nhanh, bền vững; dịch vụ đảm bảo cho quá trình công nghiệp hóa và tăng trưởng bền vững. Phát triển công nghiệp trên cơ sở thu hút, lựa chọn các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ, giá trị tăng cao, quan tâm thu hút các doanh nghiệp lớn trong nước. Có chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường nội lực tạo sự chủ động của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm môi trường, tăng cường khâu chế biến, bảo quản sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi. Đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với sinh kế của nhân dân, tăng dần tỷ lệ che phủ rừng. Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, tập trung vào các loại hình dịch vụ là tiềm năng như vận tải, kho bãi, logistic, dịch vụ thương mại, vui chơi, giải trí đưa Bắc Giang trở thành trung tâm, đầu mối về thương mại vận tải kho bãi của vùng và là điểm du lịch nghỉ dưỡng cho vùng Thủ đô Hà Nội.

Ba là, quan tâm phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội mới phát sinh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Làm tốt công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, nhân dân miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến các xã, huyện khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách về lao động, việc làm, đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp.

Bốn là, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó, tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục và y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

Năm là, chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư.

Sáu là, quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền vận động, công tác thi đua khen thưởng tạo đồng thuận xã hội, vận động các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước để tạo động lực cho sự phát triển, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi mục tiêu./.



CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG
Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Lưu, P. Trần Phú ,Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204.3 823 995 - 3 854 373 * Fax: 0204.3 824 695
Email : bacgiang@gso.gov.vn
Xuân Chúc Mừng Năm Mới Tân Sửu 2021



Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã khiến mức tăng trưởng của nhiều nền kinh tế trên toàn cầu bị suy giảm mạnh chưa từng thấy trong nhiều thập kỷ qua. Dù các nền kinh tế đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong quý III/2020, tuy nhiên con đường trở lại bình thường vẫn còn mong manh khi vắcxin ngừa Covid-19 đã được phân phối tại nhiều quốc gia, nhưng số ca mắc mới vẫn gia tăng vào dịp cuối năm, đặc biệt khi xuất hiện biến thể của Covid-19. Hầu hết các tổ chức quốc tế đều có chung nhận định, kinh tế toàn cầu khó có thể phục hồi trong ngắn hạn mà sẽ phải mất nhiều năm.

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2020: ĐI QUA NHỮNG KHOẢNG TỐI VÀ CON ĐƯỜNG PHỤC HỒI MONG MANH

Thu Hường

Từ những khoảng tối vào nửa đầu năm...

Đầu năm 2020, giới chuyên gia từng lạc quan đưa ra dự báo về những gam màu sáng trong bức tranh triển vọng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tất cả đã thay đổi khi đại dịch Covid -19 xuất hiện. Sức tàn phá ghê gớm của dịch Covid -19 là đòn giáng "chí mạng" vào nền kinh tế thế giới. Đại dịch trở thành "sát thủ vô hình" đẩy nền kinh tế toàn cầu vốn đang trong giai đoạn phục hồi mong manh sa lầy vào đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Chưa bao giờ mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ công nghiệp, giao thông vận tải đến các lĩnh vực dịch vụ, vui chơi giải trí... kéo theo lực lượng lao động ước tính hơn 3 tỷ người đồng loạt bị ảnh hưởng. Kinh tế thế giới bỗng chốc "bốc hơi" hàng nghìn tỷ USD, kéo theo không ít thành quả gây dựng trong nhiều năm qua bị tiêu tan.

Theo số liệu của một số viện nghiên cứu kinh tế trên thế giới, mức độ tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2020 giảm khoảng từ 5-7% so với mức độ tăng trưởng trung bình của kinh tế thế giới trong các năm trước và kinh tế thế giới cần thời gian ít nhất từ 2-3 năm để khôi phục lại được nhịp độ tăng trưởng ở thời trước khi dịch bệnh bùng phát và lây lan. Những nền kinh tế lâu nay chưa giải quyết được các vấn đề và bất cập mang tính cơ cấu cũng như phụ thuộc nhiều nhất vào ngành dịch vụ thì đều bị ảnh hưởng tiêu cực nặng nề nhất.

Trước cú sốc mang tên Covid -19, năm 2020 đã ghi nhận lần đầu tiên hàng chục nền kinh tế trên thế giới đồng loạt rơi vào suy thoái như Mỹ, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Đức, Italy, Australia, Brazil, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Singapore, Philippines, Thái Lan, Indonesia… Trong đó, Mỹ và châu Âu là những tâm điểm chính của diễn biến dịch bệnh và cũng là những nơi thực trạng tăng trưởng kinh tế và thương mại tồi tệ nhất trong năm 2020. Tại Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, trong quý II/2020 suy giảm 31,4%, số liệu kém nhất

kể từ năm 1947, chủ yếu do chi tiêu tiêu dùng sụt giảm mạnh mẽ tới 34%. Trước đó, kinh tế nước này đã giảm 5% trong quý I/2020 và chính thức rơi vào suy thoái do dịch Covid -19, chấm dứt chuỗi tăng trưởng kéo dài 11 năm liên tiếp - giai đoạn tăng trưởng dài nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Tại châu Âu, tình hình cũng không kém phần ảm đạm khi trong quý II/2020, kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã bị tác động mạnh bởi cuộc khủng hoảng Covid -19 với GDP giảm 12,1%, mức giảm mạnh nhất kể từ năm 1995, sau khi giảm 3,8% trong quý I/2020 do hoạt động kinh doanh đình trệ khi các doanh nghiệp phải đóng cửa nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid -19.

Một số nền kinh tế lớn thuộc Eurozone như Đức, Pháp, Italy và Tây Ban Nha đều thông báo GDP sụt giảm mạnh trong quý II/2020. Riêng đối với Đức, nước luôn đóng vai trò "đầu tàu" kinh tế của châu Âu, mức sụt giảm GDP trong quý II/2020 là 10,1%, mức sụt giảm mạnh nhất kể từ khi nước này bắt đầu thống kê GDP theo quý từ năm 1970. Tây Ban Nha - một trong số quốc gia châu Âu chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch bệnh - ghi nhận GDP giảm tới 18,5%. Trong khi đó, GDP của Pháp và Italy giảm lần lượt là 13,8% và 12,4%.

Tại châu Á, kinh tế Nhật Bản cũng lần đầu tiên rơi vào suy thoái kể từ năm 2015 do nền kinh tế lớn thứ ba thế giới này tăng trưởng âm hai quý liên tiếp trước tác động của đại dịch Covid -19. So với cùng kỳ năm 2019, GDP của Nhật Bản giảm tới 3,4% trong quý II/2020, khi cả tiêu dùng tư nhân, chi tiêu vốn và xuất khẩu đều sụt giảm. Trong quý II, kinh tế nước này giảm 28,8%. Trước đó, trong quý IV/2019, kinh tế Nhật Bản đã giảm 7,3%.

Trong khi đó, Trung Quốc lại có triển vọng sáng hơn, khi việc kiểm soát tốt dịch bệnh đã giúp nền kinh tế nước này tăng trưởng 3,2% trong quý II/2020, sau khi giảm 6,8% trong quý I/2020. Tuy vậy, nhu cầu toàn cầu yếu và căng thẳng gia tăng trong quan hệ Mỹ-Trung Quốc là những rủi ro chính đối với sự phục hồi của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Để đối phó với tác động xấu do Covid -19, các nước đã đồng loạt tung ra các gói kích thích cùng nhiều biện pháp tiền tệ và cho vay khẩn cấp để giải cứu nền kinh tế. Tổng trị giá các gói hỗ trợ của Mỹ hay Nhật Bản thậm chí lên tới 20% GDP. Trong tháng 3/2020, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã hai lần hạ lãi suất khẩn cấp. Trong khi đó, một loạt ngân hàng trung ương trên thế giới như châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Vương quốc Anh, Australia... đã hạ lãi suất xuống các mức thấp kỷ lục.

Để hỗ trợ nền kinh tế, Chính phủ Mỹ chi số tiền cứu trợ chưa từng có lên tới hàng nghìn tỷ USD để kích thích tiêu dùng và bảo đảm việc làm. Nhật Bản đã công bố ba gói kích thích có tổng trị giá 2.410 tỷ USD để giảm bớt tác động của đại dịch, trong đó có các biện pháp hỗ trợ tiền mặt cho các gia đình và cấp các khoản vay cho các doanh nghiệp nhỏ. Liên minh châu Âu cũng đưa ra Quỹ Phục hồi trị giá 750 tỷ euro (860 tỷ USD)…

Theo các chuyên gia kinh tế, không thể phủ nhận tác dụng của những gói kích thích từ các chính phủ đã phần nào nâng thể trạng của nền kinh tế toàn cầu, tăng sức chống chịu và kiểm soát tình trạng thất nghiệp ngay trong quý II/2020. Tuy nhiên, cũng có một thực tế là việc tung ra hàng loạt gói kích thích kinh tế mà không tính hết những tác dụng phụ, lại đang đẩy nhiều nước vào tình thế khó khăn mới. Xu hướng nới lỏng tài chính tiền tệ thông qua các gói hỗ trợ tài chính lên tới hàng nghìn tỷ USD này cùng với chính sách cắt giảm lãi suất đã khiến nợ công và thâm hụt ngân sách của các quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng.

...Đến những điểm sáng những tháng cuối năm

Những tháng cuối năm 2020, kinh tế toàn cầu đang xuất hiện những tín hiệu cho thấy sự phục hồi. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), hoạt động kinh tế toàn cầu phục hồi kiên cường bất chấp sự trỗi dậy của đại dịch. Sau khi GDP tăng mạnh trở lại trong Quý III ở một số nền kinh tế phát triển, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tổng hợp toàn cầu đã tăng từ mức 52,5 trong tháng 9 lên 53,3 vào tháng 10, nhờ lĩnh vực chế biến chế tạo và dịch vụ được cải thiện. Đây cũng là tháng tăng trưởng thứ 4 liên tiếp kể từ quý II/2020, đạt mức cao nhất trong 26 tháng qua. Đà tăng vẫn tiếp tục vào tháng 11, với chỉ số niềm tin kinh tế toàn cầu (Sentix) chuyển từ tiêu cực sang tích cực lần đầu tiên sau 9 tháng. Những tín hiệu này được xem là "điểm sáng hy vọng" trong bối cảnh bức tranh kinh tế toàn cầu vẫn đang u ám bởi tác động tiêu cực từ đại dịch Covid -19.

Sau khi suy giảm kỷ lục, kinh tế Mỹ bắt đầu ghi nhận sự phục hồi mạnh, khi tăng trưởng 33,4% trong quý III/2020. Đây là mức tăng trưởng hàng quý cao nhất kể từ khi dữ liệu được thu thập vào năm 1947. Theo Bộ Thương mại Mỹ, chính việc các doanh nghiệp và người tiêu dùng tăng chi tiêu đã góp phần giúp nền kinh tế nước này đạt mức tăng trưởng kỷ lục trong quý III/2020. Tiêu dùng tư nhân trong quý III đã tăng 40,7% so với quý II do tăng cả về hàng hóa và dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, ăn uống và lưu trú. Nhờ kinh tế phục hồi trong quý III nên dự báo GDP của Mỹ được điều chỉnh tăng từ -5,3% lên -3,5% năm 2020. Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế cảnh báo, phần lớn thành quả này là do gói hỗ trợ trị giá hơn 2.000 tỷ USD

của Chính phủ Mỹ trong những tuần đầu của đại dịch Covid -19. Mặc dù gói cứu trợ của Chính phủ Mỹ đã giúp thúc đẩy tiêu dùng, nhưng những tác động nặng nề của dịch Covid -19 sẽ khiến nền kinh tế nước này mất ít nhất một năm mới có thể phục hồi.

Tại khu vực châu Âu, sau khi giảm kỷ lục trong quý II, tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro trong quý III đã phục hồi, tăng 61,1% so với quý II, nhưng vẫn giảm 4,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Động lực tăng trưởng ở hầu hết các nền kinh tế lớn trong khu vực là xuất khẩu, tiêu dùng hộ gia đình vững chắc, thương mại bán lẻ tăng vọt trong những tháng cuối năm. Thị trường lao động ổn định với tỷ lệ thất nghiệp ở mức 8,3%. Niềm tin kinh doanh giữ ở mức ổn định 90,9 trong tháng 10 do triển vọng của các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại bán lẻ được cải thiện. Chỉ số PMI tổng hợp khu vực đồng Euro đã tăng từ mức 45,3 trong tháng 11 lên 49,8 trong tháng 12 năm 2020, đánh bại kỳ vọng 45,8 của thị trường.

Kinh tế Nhật Bản đã phục hồi sau khi giảm mạnh trong quý II năm 2020. Trong quý III/2020, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 21,4% so với cùng kỳ năm ngoái, phục hồi mạnh sau khi giảm kỷ lục thời hậu chiến, một dấu hiệu cho thấy nền kinh tế đang dần thoát khỏi tác động từ đại dịch Covid -19. Nhật Bản đạt được tăng trưởng trong quý III nhờ sự phục hồi của các động lực phát triển như tiêu dùng trong nước và đầu tư tư nhân. Đây cũng là quý đầu tiên kinh tế Nhật Bản tăng trưởng trong bốn quý. Kinh tế tiếp tục phục hồi trong quý IV, nhưng với tốc độ chậm hơn. Theo kết quả điều tra của Ngân hàng Nhật Bản, điều kiện kinh doanh đã được cải thiện nhưng vẫn ở mức âm, kết hợp với các đơn hàng máy móc chính vẫn im ắng cho thấy phục hồi còn chậm ở lĩnh vực chi phí vốn. Trong khi đó, doanh số bán lẻ chỉ giảm nhẹ trong tháng 9 do niềm tin người tiêu dùng được cải thiện và tỷ lệ thất nghiệp ổn định ở mức 3,0%. Sau 14 tháng giảm liên tục, tăng trưởng xuất khẩu đã phục hồi trong tháng 10. Mặc dù chỉ số PMI chế biến chế tạo tăng lên mức 48,7 và PMI dịch vụ tăng lên 46,9 nhưng vẫn nằm ở khu vực giảm sâu. Một số nhà phân tích lo ngại rằng, kinh tế Nhật Bản sẽ mất đà phục hồi, khi sự bùng phát trở lại của các ca mắc Covid -19 trong và ngoài nước sẽ gây áp lực lên nhu cầu. Các chuyên gia kinh tế cấp cao dự báo, hoạt động xuất khẩu của Nhật Bản sẽ giảm tốc nếu kinh tế Mỹ chuyển biến xấu, qua đó ảnh hưởng mạnh mẽ tới Trung Quốc - thị trường xuất khẩu của nước này.

Kinh tế Trung Quốc tiếp tục phục hồi trong quý III/2020, sau khi vượt qua cú sốc đến từ cuộc khủng hoảng Covid -19 với mức tăng 4,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 10 tháng đầu năm 2020, giá trị tăng thêm thực tế của ngành công nghiệp đã tăng 1,8%, đạt 6,9% trong tháng 10 trong khi đó doanh thu bán lẻ giảm khoảng 7,6%. Nhập khẩu hàng hóa giảm 2,3% trong 10 tháng đầu năm 2020 nhưng xuất khẩu đã tăng 0,5% trong 6 tháng cuối năm 2020. Các nhà hoạch định chính sách trên toàn cầu kỳ vọng sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế Trung Quốc sẽ giúp khởi động lại nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, giữa bối cảnh các nền kinh tế lớn khác đang phải vật lộn với tình trạng phong tỏa kéo dài và làn sóng lây nhiễm Covid mới. ADB dự báo, nền kinh tế Trung Quốc tăng 2,1% năm 2020, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với mức dự báo được đưa ra trong báo cáo cập nhật vào tháng 9 năm 2020.

Tín hiệu phục hồi cũng xuất hiện rõ nét hơn tại một số nền kinh tế Đông Nam Á. Tại Singapore, thị trường lao động đã khả quan hơn trong quý III/2020 khi số việc làm của công dân Singapore và người nước ngoài có tư cách lưu trú dài hạn đã tăng 43.200 lên 2,34 triệu việc làm, chỉ thấp hơn 0,4% so với 2,35 triệu việc làm của cùng kỳ năm 2019. Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp tổng thể được điều chỉnh của Singapore trong tháng 9 tăng lên 3,6%, nhưng tốc độ này chậm hơn so với những tháng trước đó.

Các nền kinh tế Indonesia, Thái Lan cũng cho thấy tín hiệu khả quan sau một thời kỳ suy giảm nghiêm trọng. Bộ trưởng Điều phối các vấn đề kinh tế Indonesia cho biết, tăng trưởng kinh tế nước này trong quý IV/2020 dự báo có thể dao động trong phạm vi từ -2% đến 0,6% nhờ động lực phục hồi bắt đầu từ quý III/2020. Giới phân tích cho rằng, kinh tế Indonesia đã bắt đầu phục hồi, sau khi chạm đáy. Còn tại Thái Lan, sau khi điều chỉnh các yếu tố thời vụ, kinh tế Thái Lan đã tăng trưởng 6,5% trong quý III/2020.

(Xem tiếp trang 84)

CỤC THỐNG KÊ BẾN TRE
Địa chỉ: Số 4 đường Cách Mạng Tháng Tám - phường 3 - TP Bến Tre - Tỉnh Bến Tre
Điện thoại: 0275.3 824 624 * Fax: 0275.3 822 453
Email: bentre@gso.gov.vn
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BẮC KẠN



Sản phẩm nông sản OCOP tỉnh Bắc Kạn giới thiệu tại Hội chợ thương mại và tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2020

Những năm qua, ngành Khoa học và Công nghệ (KHCN) tỉnh Bắc Kạn luôn bám sát nhiệm vụ kinh tế, chính trị, giải quyết kịp thời các vấn đề cấp thiết của tỉnh. Nhiều dự án, đề tài KHCN do Ngành triển khai ngày càng đi vào chiều sâu và có tính ứng dụng cao, từ đó tạo động lực và là cơ sở cho việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Nổi bật trong số đó là các đề tài, dự án KHCN thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp như: Dự án về mở rộng sản xuất cam, quýt theo hướng VietGap; Sản xuất chè theo hướng VietGap, hữu cơ; xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao; chế biến các sản phẩm và xây dựng nhãn hiệu tập thể cho chè Shan tuyết Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn; nuôi cấy mô và chăm sóc, duy trì các loài hoa lan; sản xuất và nuôi trồng nấm…đã mang lại hiệu quả thiết thực, bước đầu tạo thành vùng sản xuất hàng hóa có giá trị. Những năm gần đây, diện tích canh tác cam, quýt của tỉnh Bắc Kạn ngày càng được mở rộng, thương hiệu quýt Bắc Kạn đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng, sản lượng bán ra ngày càng nhiều với doanh thu mỗi vụ hàng trăm tỷ đồng. Với việc ứng dụng kỹ thuật sản xuất chè VietGAP và hữu cơ, sản phẩm chè Shan tuyết Bằng Phúc gồm trà móc câu truyền thống và hai loại trà mới của Bắc Kạn là Hồng trà và Bạch trà được thị trường ưa chuộng, có giá từ vài trăm đến cả triệu đồng một kilôgam. Ngoài ra, nhiều sản phẩm nông nghiệp khác của tỉnh Bắc Kạn, sau khi ứng dụng KHCN vào sản xuất, đã từng bước nâng cao được chất lượng và giá thành. Đây là tiền đề để tỉnh Bắc Kạn phát triển các sản phẩm OCOP. Đến nay, toàn tỉnh đã có 131 sản phẩm, trong đó 13 sản phẩm 4 sao, 118 sản phẩm 3 sao, 02 sản phẩm đang hoàn hoàn thiện hồ sơ nâng cấp hạng 5 sao (sản phẩm tinh bột nghệ Bắc Hà và Miến dong Tài Hoan); có 09 sản phẩm nông sản đã ký hợp tác tiêu thụ thông qua hệ thống 17 siêu thị ở khu vực phía Bắc; hàng trăm sản phẩm được thị trường ngoài tỉnh ưa chuộng.

Ngoài những đề tài đã được nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, hiện nay nhiều đề tài, dự án khoa học mới, có tính ứng dụng cao đang được Ngành nghiên cứu triển khai như: Dự án: "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống bố mẹ và chăn nuôi lợn ngoại tập trung tại Bắc Kạn", "Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất lê tại Bắc Kạn", "Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển bưởi Diễn tại huyện Chợ Mới", Đề tài: "Phục tráng giống bí thơm Ba Bể đảm bảo năng suất cao, chất lượng tốt"…

Để đưa nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất, ngành KHCN tỉnh Bắc Kạn luôn chú trọng hoạt động ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân, đặc biệt là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Hằng năm, Trung tâm Ứng dụng khoa học - công nghệ và Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Bắc Kạn đã đào tạo và chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng nấm Hương, nấm Linh Chi, Mộc Nhĩ, kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, bảo quản nông sản… cho hàng trăm học viên ở các huyện, thành phố trong tỉnh, trong đó có cả học viện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực y tế, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám, theo dõi và điều trị đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân. Việc triển khai các mô hình trồng, chế biến cây dược liệu đã góp phần khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Đối với lĩnh khoa học xã hội và nhân văn, các đề tài nghiên cứu KHCN đã góp phần xây dựng nếp sống văn minh đô thị, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về văn hóa và du lịch tại địa phương, phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển dịch vụ và du lịch theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015-2020.

Trong những năm tới, để KHCN phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành KHCN tỉnh Bắc Kạn tiếp tục tham mưu cho tỉnh để hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực ngành KH&CN; Triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển KH&CN quốc gia của tỉnh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Tập trung ưu tiên phát triển, ứng dụng KH&CN phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Duy trì, mở rộng ứng dụng quy trình, kỹ thuật sản xuất theo VietGap, hữu cơ trong sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp như: Cam, quýt, mơ, chè shan tuyết... từng bước tạo ra vùng sản xuất hàng hóa có chất lượng ổn định, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra các mô hình có hiệu quả kinh tế cao./.

P.V

Bắc Kạn:
NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO

Xác định Chương trình giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Bắc Kạn đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp giảm nghèo, tập trung khuyến khích các hộ nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo bền vững, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn Bắc Kạn.

Triển khai đồng bộ các chương trình, chính sách

Bắc Kạn là tỉnh miền núi vùng cao nằm ở vùng Đông Bắc Bắc bộ, có địa hình tự nhiên không thuận lợi, dân tộc thiểu số chiếm trên 86%, nền kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao so với mặt bằng chung của cả nước. Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, Bắc Kạn đã tích cực đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án gắn với giảm nghèo bền vững. Trong 10 năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề, Chương trình hành động, Đề án, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, đồng thời kiện toàn các Ban chỉ đạo Giảm nghèo bền vững từ cấp tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, các chương trình, chính sách giảm nghèo có sự vào cuộc mạnh mẽ của chính quyền, các sở, ban ngành, đoàn thể, tạo được sự lan tỏa, đồng thuận hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, được sự quan tâm của Trung ương, Bắc Kạn được bố trí tổng vốn kế hoạch Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là trên 1.080 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư là trên 814 tỷ đồng, vốn sự nghiệp trên 266 tỷ đồng. Từ nguồn lực này, hàng trăm công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường, lớp học, trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng, nước sinh hoạt tập trung tại các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn được xây dựng mới hoặc duy tu bảo dưỡng. Các công trình đã được hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, góp phần mở rộng giao thương, cải thiện điều kiện sinh sống và sản xuất nông, lâm nghiệp của người dân.

Song song với xây dựng hạ tầng, Bắc Kạn đã triển khai có hiệu quả các mô hình sinh kế, các dự án sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với Chương trình "mỗi xã, phường một sản phẩm", Chương trình 135, 30A, Chương trình xây dựng nông thôn mới qua đó thúc đẩy hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia phát triển kinh tế theo hình thức kinh tế tập thể phát huy nội lực trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020, có trên 75.600 hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn tín dụng chính sách xã hội, giúp họ có thêm nhiều cơ hội để tạo ra việc làm mới, ngành nghề mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo.

Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ về: Giáo dục và đào tạo; nhà ở; tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý; tiền điện; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù… được triển khai kịp thời, đúng quy định, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo. Đến năm 2020, Bắc Kạn đã có tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%, tỷ lệ số hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98% và Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%.

Nhờ sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, công tác xóa đói, giảm nghèo của tỉnh đã có được những chuyển biến đáng ghi nhận. Nếu như năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 26,61%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 12,93% thì đến năm 2019, giảm còn 19,57% hộ nghèo và 11,33% hộ cận nghèo. Đối với các huyện nghèo (Pác Nặm, Ba Bể),



Bắc Kạn đổi mới phương thức hỗ trợ để hình thành nên chuỗi liên kết là giải pháp giúp người dân giảm nghèo bền vững. (Trong ảnh: Mô hình liên kết trồng, chế biến chè hữu tại xã Như Cố, huyện Chợ Mới có thị trường tiêu thụ ổn định mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các thành viên)

tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 40,18% (năm 2016) xuống còn 27,55% (năm 2019). Trong năm 2020, mặc dù có nhiều yếu tố bất lợi nhưng Bắc Kạn đã nỗ lực để hoàn thành mục tiêu là giảm tỷ lệ hộ nghèo thêm 2,5% nữa, góp phần đạt mục tiêu của Nghị quyết Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra (mỗi năm giảm 2%-2,5%). Qua rà soát đánh giá huyện nghèo giai đoạn 2016-2020, Tỉnh đã có huyện Ba Bể thoát nghèo.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề để giảm nghèo bền vững

Để duy trì kết quả giảm nghèo bền vững, Bắc Kạn đặc biệt quan tâm công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2016 - 2020, đào tạo nghề trong toàn tỉnh ở các cấp trình độ đào tạo đạt trên 31 nghìn lao động; đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng đạt gần 28,7 nghìn người, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh lên 45%. Sau học nghề, có trên 80% số lao động học các nghề nông nghiệp biết áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học được áp dụng vào thực tế sản xuất; có trên 70% học viên có việc làm và tăng thu nhập cho bản thân, gia đình, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

Không chỉ quan tâm đến đối tượng lao động nông thôn, Bắc Kạn đã rà soát, sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp theo hướng tinh gọn giảm đầu mối, chú trọng đào tạo chất lượng cao gắn với thị trường lao động trong và ngoài nước. Sau khi sắp xếp, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, tính đến tháng 9/2020, toàn tỉnh có 19 cơ sở, trong đó có 01 trường cao đẳng duy nhất, 12 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 03 trung tâm có tham gia giáo dục nghề nghiệp. Đến nay, các trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã ổn định tổ chức, kiện toàn bộ máy; tập trung nguồn lực để đổi mới trang thiết bị đào tạo nghề và nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên; đổi mới giáo trình đảm bảo 70% thời gian thực hành; có sự kết nối với các doanh nghiệp trong quá trình thực tập và tuyển dụng học sinh. Nổi bật, Trường cao đẳng Bắc Kạn đã ký kết hợp tác đào tạo với trên 20 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Hàng năm, Trường đã đáp ứng khoảng 50% nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp nghiệp đối tác (khoảng 250 học sinh), các em được làm việc đúng các nghề được đào tạo thu nhập bình quân từ 8 – 10 triệu đồng/tháng.

Nhằm tạo điều kiện cho người dân, lao động đã qua đào tạo có thêm cơ hội làm việc, Tỉnh đã quan tâm đầu tư, chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Kạn đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường ứng dụng CNTT, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, cung cấp thông tin và hỗ trợ người lao động tại khu vực vùng sâu, vùng xa đi làm việc tại các doanh nghiệp uy tín trong và ngoài tỉnh. Với những giải pháp tổng thể, công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh, đặc biệt đã làm thay đổi đời sống nhân dân tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người./.

Trịnh Long

AGRIBANK CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA

Những năm qua, Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn luôn tích cực đổi mới với chiến lược và giải pháp toàn diện, vươn lên trở thành một trong những ngân hàng thương mại có uy tín và lớn nhất trên địa bàn tỉnh, là địa chỉ tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp, là người bạn đồng hành thủy chung của người dân trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xóa đói giảm nghèo, góp phần tích cực cho sự phát kinh tế - xã hội chung của tỉnh Bắc Kạn.

Ông Đỗ Đăng Hùng, Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn cho biết: "Hoạt động kinh doanh của Agribank Bắc Kạn có sự thay đổi cả về lượng và chất, vừa kế thừa và phát huy truyền thống, vừa tạo được những yếu tố đột phá trên nhiều phương diện: Năng lực tài chính, công nghệ, tổ chức, quản trị điều hành hướng đến chuẩn mực thông lệ quốc tế. Trong đó, hoạt động huy động vốn luôn được Agribank Bắc Kạn coi là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt. Vừa phát huy thế mạnh mạng lưới rộng khắp, vừa thường xuyên đổi mới phương thức huy động vốn với nhiều sản phẩm tiền gửi tiết kiệm hấp dẫn cùng chính sách chăm sóc khách hàng tận tình". Tính đến ngày 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động toàn Chi nhánh đạt 3.627 tỷ đồng, tăng so đầu năm 382 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch năm 2020, tốc độ tăng trưởng 11,7%. Trong đó tiền gửi dân cư chiếm 92% trong tổng nguồn vốn.



HTX Nông nghiệp Đại Thành, thành Phố Bắc Kạn do ông Quách Đăng Hiển làm Giám đốc: Từ nguồn vốn vay của Agribank Chi nhánh Bắc Kạn, ông mạnh dạn đầu tư 10 ha cây ăn quả (chủ yếu là cam canh) bước đầu cho thu hoạch 60-80 tấn/năm.

BẮC KẠN
NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Về hoạt động tín dụng, Agribank Bắc Kạn luôn bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung ưu tiên vốn cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Hướng đến phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Agribank Bắc Kạn luôn đồng hành với các hộ sản xuất, doanh nghiệp nông nghiệp nông thôn bằng nhiều việc làm thiết thực như: Yêu cầu các chi nhánh, phòng giao dịch tại 8 huyện, thành phố làm tốt công tác tư vấn cho khách hàng; rà soát lại toàn bộ thủ tục để đề xuất với Agribank cải tiến, làm rõ các thủ tục, xem điểm nào bất hợp lý để xóa bỏ nhằm tiết kiệm thời gian cho khách hàng bảo đảm không để hộ nông dân, doanh nghiệp nào có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả mà thiếu vốn.

Mặt khác, đồng hành cùng với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn cũng mở rộng hoạt động tín dụng, tích cực đầu tư cho hàng chục doanh nghiệp, HTX sản xuất, kinh doanh chế biến nông lâm sản, công nghiệp – TTCN trên địa bàn nông thôn nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phát triển kinh tế, giải quyết đầu ra cho các hộ nông dân. Những năm qua, tín dụng của Agribank Bắc Kạn tăng trưởng nhanh chóng, đạt quy mô tốp đầu trong toàn hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, với tổng dư nợ nền kinh tế tính đến 31/12/2020 là 3.132 tỷ đồng, tăng so đầu năm 66 tỷ đồng, đạt 17% kế hoạch năm. Trong đó: Dư nợ cho vay cá nhân 2.439 tỷ đồng, giảm 20 tỷ đồng so đầu năm; dư nợ cho vay pháp nhân 693 tỷ đồng, tăng 86 tỷ đồng so đầu năm; tỷ lệ nợ xấu chỉ chiếm khoảng 0,4%. Đặc biệt, Agribank Bắc Kạn luôn khẳng định vai trò, vị trí chủ đạo trong thị trường tài chính nông thôn, thực hiện tốt đầu tư phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,



Từ nguồn vốn vay của Agribank Chi nhánh Bắc Kạn, Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Bắc Kạn mở rộng sản xuất kinh doanh đầu tư sang lĩnh vực chăn nuôi lợn theo quy mô tập trung

nông dân với dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt gần 2.443 tỷ đồng, chiếm 78% tổng dư nợ".

Ông Hùng chia sẻ: Những con số trên còn khiêm tốn so với các chi nhánh khác trong hệ thống Agribank, nhưng với địa bàn có nhiều khó khăn như Bắc Kạn thì đó là sự nỗ lực không nhỏ. Để có được kết quả đó, Agribak Bắc Kạn đã triển khai nhiều giải pháp huy động vốn, thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng nhằm tăng tính ổn định, thay đổi cơ cấu nguồn vốn, phát triển quan hệ với các đơn vị như Điện lực, Viễn thông, Bảo hiểm xã hội… Cùng với việc khảo sát, lựa chọn khách hàng, ngành nghề để có chính sách phù hợp; ưu tiên vốn cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chi nhánh cũng phối hợp với Hội Nông dân và Hội Phụ nữ tỉnh cho vay qua tổ, nhóm để tăng trưởng dư nợ và giảm bớt cường độ làm việc cho cán bộ tín dụng.

Bên cạnh đó, Chi nhánh thực hiện giao kế hoạch theo quý, theo từng nhóm dịch vụ; thực hiện cơ chế khoán thu dịch vụ; phát triển khách hàng cá nhân mở tài khoản thanh toán; phát hành thẻ; sử dụng Mobile banking, phát triển khách hàng thanh toán lương qua thẻ ATM,… Cùng với sản phẩm truyền thống, Chi nhánh còn triển khai các sản phẩm tiền gửi mới để đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả cao nhất. Đặc biệt, việc nâng cao năng lực quản trị như: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả, an toàn; nâng cao năng lực bộ máy lãnh đạo điều hành từ tỉnh đến chi nhánh huyện...

Ông Phạm Văn Hòa, Phó Giám đốc Agribank Bắc Kạn cho biết: "Điểm nổi bật trong năm 2020, đó là Hội đồng miễn giảm lãi, phí của Agribank Bắc Kạn đã họp và xem xét điều chỉnh giảm lãi cho các khách hàng trong thẩm quyền của Giám đốc chi nhánh thuộc đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Kết quả có 22 khách hàng được thực hiện cơ cấu nợ, giảm lãi và giải ngân hưởng lãi suất ưu đãi, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định. Việc điều chỉnh giảm lãi suất và cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc, lãi, giải ngân ưu đãi lãi suất đã giúp cho khách hàng ổn định và duy trì được hoạt động SXKD, trả nợ gốc lãi phân kỳ đúng kỳ hạn, không để tồn lãi.

Ngoài ra, bên cạnh thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành và địa phương giao Agribank Bắc Kạn cũng luôn quan tâm đến công tác an sinh xã hội, nhất là đối với khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Hàng năm, Chi nhánh đều có các hoạt động như thăm hỏi mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sỹ nhân dịp 27/7, ủng hộ người nghèo, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam, trẻ em khuyết tật, hưởng ứng cuộc vận động "Ngân hàng Việt Nam với Trường Sa thân yêu". Đặc biệt, Chi nhánh đã phối hợp với UBMT Tổ quốc tỉnh Bắc Kạn tổ chức Lễ ký kết biên bản xác nhận tài trợ, giải ngân vốn tài trợ và tổ chức triển khai xây dựng 100 căn nhà cho người nghèo tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền tài trợ 5 tỷ đồng; trao tặng 1000 suất quà Tết năm 2020 cho người nghèo trong toàn tỉnh trị giá 500 triệu đồng...

Bước sang giai đoạn phát triển mới, Agribank Bắc Kạn đang tập trung nguồn lực xây dựng ngân hàng phát triển theo hướng hiện đại, tăng trưởng – an toàn – hiệu quả – bền vững, khẳng định và giữ vững vai trò chủ lực trên thị trường tài chính, tiền tệ của tỉnh nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng, tiếp tục đóng góp tích cực hơn nữa vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

Trọng Nghĩa

VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG GIẢM NGHÈO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH BẮC KẠN



Hộ mới thoát nghèo Đường Thị Xoa, Bản Nà, xã Nghiên Loan, huyện Pắc Nặm được Ngân hàng CSXH tỉnh Bắc Kạn cho vay phát triển mô hình chăn nuôi bò

Những năm qua, hoạt động tín dụng chính sách xã hội (TDCSXH) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội.

Xác định rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của TDCSXH trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, hằng năm cấp ủy, chính quyền các cấp của tỉnh Bắc Kạn đưa nội dung hoạt động TDCSXH vào chương trình, kế hoạch công tác của các đơn vị, địa phương. Đến nay, ngân hàng CSXH tỉnh Bắc Kạn đã hình thành được mạng lưới tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại 108/108 xã, phường, thị trấn, giúp cho nhân dân tiết giảm chi phí đi lại, tiếp cận gần hơn với hoạt động và các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.

Trong 03 năm qua (2018-2020), doanh số cho vay của ngân hàng CSXH tỉnh Bắc Kạn đạt gần 1,9 nghìn tỷ đồng, tương ứng với trên 47 nghìn hộ được vay vốn. Tổng dư nợ đến 30/11/2020 là 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 401 tỷ đồng so với 31/12/2017, tốc độ tăng trưởng đạt 22,36%, tốc độ tăng trưởng bình quân 7,45%/năm.

Nguồn vốn tín dụng chính sách đã giúp các tổ tương hỗ, tương trợ, các câu lạc bộ sản xuất, kinh doanh tại các địa phương trong tỉnh hoạt động ngày càng hiệu quả, giúp nhau vươn lên thoát nghèo như: Mô hình sản xuất miến dong tại xã Côn Minh, huyện Na Rì; trồng cam, quýt tại xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông; chăn nuôi trâu, bò vỗ béo tại xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể; nuôi dê sinh sản tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới... Cũng chính từ việc tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi nên TDCSXH đã góp phần hạn chế tình trạng người nghèo và các đối tượng chính sách phải tìm kiếm những khoản vay lãi suất cao, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn…

Có thể khẳng định vốn TDCSXH đã tác động toàn diện đến mọi mặt của đời sống hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác của tỉnh Bắc Kạn. Thông qua TDCSXH, các hộ nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác có vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, là đòn bẩy kinh tế kích thích người nghèo phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu để cải thiện cuộc sống. Giai đoạn 2014-2019, đã có trên 7 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh Bắc Kạn thoát được nghèo bền vững; gần 4,5 nghìn lao động được tạo việc làm; gần 36 nghìn công trình nước sạch và vệ sinh môi trường được xây dựng; 794 căn nhà của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được xây dựng kiên cố… góp phần cải thiện đáng kể cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa nhà ở tại các vùng nông thôn của tỉnh Bắc Kạn. Đến thời điểm hiện nay, tỉnh Bắc Kạn có 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự kiến đến hết năm 2020, cả tỉnh có 23 xã đạt chuẩn, bằng 104,5% kế hoạch; Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 29,4% năm 2015 xuống còn 19,57% vào năm 2019, dự ước đến hết năm 2020 còn 17,07%.

Có thể thấy, tín dụng CSXH là một trong những nguồn lực to lớn để tỉnh Bắc Kạn thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát triển giáo dục; dạy nghề, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới./.

Thành Nam



Chị Hứa Thị Hải ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông vay chương trình giải quyết việc làm

HUYỆN CHỢ MỚI:

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Chợ Mới là huyện cửa ngõ phía Nam của tỉnh Bắc Kạn, nơi có Quốc lộ 3 đi qua - con đường huyết mạch kháng chiến nối liền Thủ đô Hà Nội với toàn vùng Việt Bắc, đây là một thế mạnh để giao lưu kinh tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hoá giữa địa phương và các vùng lân cận. Từ những thuận lợi đó, ngay từ những năm đầu thành lập (ngày 2 tháng 9 năm 1998), huyện Chợ Mới đã tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, khắc phục mọi khó khăn, ngày càng vững bước đi lên.

Ông Hoàng Nguyễn Việt, Chủ tịch UBND huyện Chợ Mới cho biết: Xác định cơ sở hạ tầng có ý nghĩa quyết định, tạo nền móng cho sự phát triển, Huyện đã chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đây là lĩnh vực được đánh giá có sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực. Giao thông, thủy lợi, điện lưới, trường học, bệnh viện, trạm y tế, công trình nước sạch, viễn thông, trụ sở làm việc… được đầu tư toàn diện và phát huy hiệu quả. Huyện đặc biệt quan tâm, chăm lo đến chính sách định canh, định cư tại vùng sâu, vùng xa, xóa khoảng cách giữa các vùng trên địa bàn. Một điểm nhấn đáng nói là, Chợ Mới là địa phương đầu tiên của tỉnh được đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp quy mô cấp tỉnh tại xã Thanh Bình.

Đặc biệt, trong phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, UBND huyện đã vận dụng nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho nhân dân phát huy lợi thế của từng vùng, hình thành các khu vực chuyên canh cây trồng, vật nuôi; đồng thời, tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhờ đó năng suất, sản lượng cây trồng ngày càng cao. Hàng loạt cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất đã được triển khai thực hiện, như: Chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng giá trị kinh tế thấp sang trồng cây có giá trị cao; hỗ trợ lãi suất vốn vay cho hộ nghèo chăn nuôi gia súc, gia cầm; quy hoạch, phân vùng cụ thể đối với lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi. Từ đó, phát triển kinh tế ở Chợ Mới đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, từng bước xóa bỏ sản xuất tự túc, tự cấp chuyển sang sản xuất hàng hóa.

Đến nay, nhiều xã trong huyện đã xây dựng thành công những cây trồng chủ lực, phát triển theo hướng hàng hoá, nâng cao giá trị kinh tế và thu nhập cho người dân. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung theo hướng an toàn thực phẩm, có sức cạnh tranh trên thị trường như: Trồng rau tập trung ở thị trấn Chợ Mới, Thanh Bình, Yên Đĩnh; phát triển các loại cây ăn quả cam, quýt ở các xã Thanh Mai, Thanh Vận, Mai Lạp, Yên Hân, Yên Cư, Quảng Chu; chuối tây ở xã Thanh Vận.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, tăng quy mô đàn trâu, bò, dê, lợn và gia cầm. Huyện đã quy hoạch vùng chăn nuôi ở tất cả các xã, phát triển chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng sản phẩm. Thực hiện dự án bảo tồn nguồn gen và phát triển chăn nuôi bò ở Quảng Chu. Mặt khác, Huyện đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp, chuyển mạnh sang trồng rừng gỗ lớn và nguyên liệu gỗ tại chỗ phục vụ cho công nghiệp chế biến; Phủ xanh đất lâm nghiệp chưa có rừng. Trồng thay thế 100% diện tích rừng sản xuất đến chu kỳ khai thác, các rừng bị mất do thiên tai, hỏa hoạn…

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, thực hiện Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững, những năm qua, huyện Chợ Mới đã huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tạo mọi điều kiện để các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi, tiến bộ khoa học kỹ thuật... để phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước vươn lên thoát nghèo. Nhờ vậy, tỷ lệ hộ nghèo của Huyện đã giảm từ 30,5% năm 2015 xuống còn trên 16% năm 2020. Cùng với đó, huyện đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ về giảm nghèo như: Gắn Chương trình giảm nghèo với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách. Đặc biệt, thực hiện lồng ghép, triển khai đồng bộ có hiệu quả các chính sách và dự án giảm nghèo như: Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, dạy nghề và tạo việc làm cho hộ nghèo, cung cấp dịch vụ khuyến nông - lâm - ngư, hỗ trợ xây dựng nhà ở, Chương trình 135...

Có thể nói, công tác giảm nghèo ở huyện Chợ Mới đã thực sự đi vào cuộc sống, làm cho diện mạo nông thôn có nhiều đổi thay nhanh chóng, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt. Mặc dù vậy, công tác giảm nghèo ở Chợ Mới còn gặp không ít khó khăn. Tuy tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2019 bình quân mỗi năm giảm 2,21%, nhưng chưa thực sự bền vững. Mặt khác, tư duy và kỹ năng phát triển kinh tế của nhiều hộ dân còn mang nặng tính tự cung, tự cấp. Một bộ phận người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa thật sự cố gắng vươn lên thoát nghèo…/.

Trọng Nghĩa



NGÀNH THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH

Dấu ấn 45 năm

Nguyễn Thị Mỹ
Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định

Ngành Thống kê tỉnh Bình Định được tiếp quản và thành lập sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Tháng 5/1975, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê điều động 6 cán bộ là con em Bình Định được đào tạo, có kinh nghiệm qua thực tế công tác thống kê tại miền Bắc xã hội chủ nghĩa, trở về quê hương tiếp quản và xây dựng ngành Thống kê tỉnh nhà. Những cán bộ này được bố trí làm việc trong Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Ngày 30/10/1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập. Để nhanh chóng bắt kịp sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác thống kê cũng đòi hỏi có sự phát triển tương xứng, ngày 5/11/1975, Chủ tịch UBND cách mạng tỉnh Nghĩa Bình ký Quyết định số 01/QĐ-UB tách bộ phận thống kê trong Ủy ban kế hoạch tỉnh, thành lập Chi cục Thống kê Nghĩa Bình.

Đến ngày 22/11/1976, Uỷ ban nhân dân tỉnh chuyển giao ngành Thống kê Nghĩa Bình cho Tổng cục Thống kê quản lý theo ngành dọc.

Ngày 01 tháng 01 năm 1983, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị 295/CT-HĐBT về việc tiếp tục tăng cường và hoàn thiện công tác thống kê, Tổng cục Thống kê đã ra Quyết định đổi tên Chi cục Thống kê Nghĩa Bình thành Cục Thống kê tỉnh Nghĩa Bình và Tổ Thống kê huyện, thị xã đổi tên thành Phòng Thống kê huyện, thị xã. Đó là thời điểm đánh dấu bước trưởng thành về qui mô tổ chức, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ công tác của ngành Thống kê, điểm nhấn quan trọng trong quá trình phát triển của hệ thống Thống kê Nhà nước tại địa phương.

Trải qua 40 năm, kể từ khi thành lập Chi cục Thống kê tỉnh Nghĩa Bình (5/11/1975), nay là Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã trải qua nhiều thăng trầm và gắn liền với nhiệm vụ của Đảng và chính quyền địa phương:

Ngay sau khi được thành lập (5/11/1975), nhiệm vụ của Chi cục Thống kê Nghĩa Bình là nhanh chóng tổ chức hệ thống hóa số liệu hợp nhất thống kê tỉnh Nghĩa Bình, đồng thời tiếp tục thực hiện những công việc ngành Thống kê hai tỉnh đã triển khai, tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh phục vụ xây dựng kế hoạch thời kỳ (1976-1980); tập trung xây dựng kênh thông tin thống kê.

Trên cơ sở tổ chức kênh thông tin, Chi cục Thống kê tiến hành

củng cố công tác báo cáo thống kê tổng hợp, báo cáo phân tích tình hình kinh tế - xã hội, giúp lãnh đạo địa phương nắm bắt có hệ thống về nhân tố tăng, giảm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội một cách kịp thời. Giai đoạn này, Ngành nhận được sự quan tâm, phối hợp khá chặt chẽ trong việc củng cố và tăng cường công tác thống kê tại các sở, ngành, các địa phương và cơ sở, nhờ đó đã nhanh chóng kiện toàn mạng lưới thống kê cơ sở, thống kê ngành và thống kê tập trung từ tỉnh đến huyện. Trong 2 năm 1975-1976, ngành Thống kê Nghĩa Bình đã có bước tiến khá dài: Từ chỗ chưa có tổ chức độc lập, đã có một hệ thống Thống kê được quản lý theo ngành dọc từ tỉnh xuống huyện, thị cùng hệ thống "chân rết" là Thống kê cơ sở xã, hợp tác xã, công ty, xí nghiệp. Đó là tài sản quí giá nhất, tạo thế và lực cho công tác thống kê tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian sau này.

Trước thời kỳ đổi mới (1976-1985), tỉnh Nghĩa Bình đề ra nhiệm vụ " Tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội"; Nhiệm vụ của ngành Thống kê Nghĩa Bình đã có những bước chuyển kịp thời về công tác tổ chức, đào tạo, cán bộ và nghiệp vụ thống kê để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn này, ngành Thống kê Nghĩa Bình đã đạt được thành tích quan trọng, đó là: Củng cố Tổ chức bộ máy, xây dựng mạng lưới cơ sở; tăng cường đội ngũ cán bộ cả về lượng và chất. Đến cuối năm 1985, cán bộ ngành Thống kê Nghĩa Bình có 223 người, tăng trên 200 người so với năm 1975; Bộ máy Thống kê cấp huyện đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao. Tổ chức xây dựng mạng lưới Thống kê cơ sở ở tất cả các xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan; các cán bộ thống kê cơ sở được trang bị kiến thức về thống kê với chức năng, nhiệm vụ được qui định rõ ràng.

Bước sang thời kỳ đổi mới, nhất là từ khi thực hiện báo số 46/TB-TW của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, Cục Thống kê đã chuyển đổi mô hình quản lý, xóa bỏ cấp phòng, biên chế giảm còn 20 người, Phòng Thống kê cấp huyện sáp nhập vào phòng Kế hoạch. Cán bộ Thống kê cấp huyện liên tục bị cắt giảm về số lượng, nhiều cán bộ thống kê thuyên chuyển làm công tác khác. Cá biệt, có huyện chỉ còn 01 cán bộ làm công tác thống kê, lại phải kiêm nhiệm các công việc khác do sự điều động, phân công của địa phương, điều đó đã ảnh hưởng lớn đến công tác thống kê. Những khó khăn đó tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng với lòng yêu ngành, yêu nghề, cán bộ, công chức, người lao động ngành Thống kê Nghĩa Bình từ tỉnh đến cấp huyện đã quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, từng bước thực hiện đổi mới trong ngành, củng cố tổ chức, tăng cường chất lượng cán bộ, nỗ lực trong công tác, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Từ hệ thống chỉ tiêu thống kê phục vụ cơ chế quản lý, kế hoạch hoá tập trung với nhiều chỉ tiêu hiện vật, nặng về mô tả, chủ yếu phục vụ cho quản lý kinh tế vi mô, Cục Thống kê đã nhanh chóng cải tiến hệ thống chỉ tiêu thống kê, bổ sung nhiều chỉ tiêu giá trị phục vụ sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh. Nội dung và phương pháp thống kê được chuyển đổi áp dụng từng bước, đặc biệt là những vấn đề phương pháp luận quan trọng như: Chuyển hệ thống phương pháp luận thống kê bảng cân đối vật chất (MPS) sang hệ thống tài khoản quốc gia (SNA); chuyển đổi phương pháp tính chỉ số giá tiêu dùng; áp dụng tính chỉ tiêu năng suất, hiệu quả với một số ngành sản xuất chủ yếu; tăng cường áp dụng phương pháp điều tra chọn mẫu; tăng cường thống kê xã hội, môi trường... Hệ thống chỉ tiêu thống kê từng bước được hoàn thiện, phản ảnh đầy đủ hơn tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng thông tin ngày càng đa dạng, chất lượng, độ tin cậy ngày càng cao hơn.

Đây cũng là cơ sở vững chắc để Thống kê Nghĩa Bình và sau đó là Thống kê Bình Định (từ 1989, Cục Thống kê Nghĩa Bình đổi thành Cục Thống kê tỉnh Bình Định) tổ chức thành công nhiều cuộc điều tra lớn, góp phần vào thắng lợi chung



của toàn Ngành. Nhờ vậy, nguồn thông tin thống kê cung cấp ngày càng phong phú, chất lượng thông tin cao hơn, trình độ kinh nghiệm và tính chuyên nghiệp của cán bộ toàn ngành Thống kê Bình Định được nâng lên, đánh dấu một bước trưởng thành của ngành Thống kê Bình Định trong cơ chế mới.

Cùng với Thống kê cả nước, ngành Thống kê Bình Định tiếp tục được tăng cường môi trường pháp lý cho công tác thống kê, Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, Luật Thống kê, Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê... được nghiêm túc thực thi.

Công tác xây dựng, tổ chức và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được chú trọng củng cố và phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Thống kê Bình Định được tăng cường đáng kể. Nhờ đó, cán bộ thống kê tuy giảm về số lượng so với thời kỳ đầu đổi mới, nhưng chất lượng cán bộ không ngừng tăng lên thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ thống kê, chính trị, quản lý nhà nước, công nghệ thông tin, ngoại ngữ,... Thực hiện Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ về việc phát triển công nghệ thông tin, từ năm 1996 ngành Thống kê nói chung, Cục Thống kê tỉnh Bình Định nói riêng đã xây dựng được một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tương đối hiện đại với mạng tin học diện rộng được áp dụng, chương trình phần mềm được đưa vào ứng dụng xử lý và tổng hợp số liệu hầu hết trong các cuộc điều tra thống kê.

Hiện nay, ngành Thống kê Bình Định đang được tăng cường và phát triển theo định hướng Chiến lược phát triển ngành Thống kê Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2011 và Đề án Đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 2 tháng 3 năm 2010.

Công tác xây dựng Hệ thống chính trị trong cơ quan được quan

NGÀNH THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG

Ngày 6/5/1975, Tổng cục Thống kê ra Quyết định số 93/QĐ điều động 6 cán bộ tiếp quản và xây dựng ngành Thống kê Bình Định.

Ngày 30/10/1975, tỉnh Nghĩa Bình được thành lập. Ngày 5/11/1975 Chủ tịch UBND cách mạng tỉnh Nghĩa Bình ký Quyết định số 01/UB tách bộ phận Thống kê trong Ủy ban kế hoạch tỉnh, thành lập Chi cục Thống kê Nghĩa Bình.

Ngày 22/11/1976, UBND tỉnh Nghĩa Bình chuyển giao ngành Thống kê Nghĩa Bình cho Tổng cục Thống kê quản lý theo ngành dọc.

Ngày 1/7/1988, Cục Thống kê Nghĩa Bình là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện theo tinh thần Thông báo 46/TB-TW ngày 12/12/1987 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 1/7/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Quyết định tách Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi; Ngành Thống kê được tách thành Cục Thống kê tỉnh Bình Định và Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 22/10/1994, UBND tỉnh Bình Định bàn giao Cục Thống kê Bình Định cho Tổng cục Thống kê quản lý theo ngành dọc.

Ngày 20/01/2004, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 60/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Cục Thống kê tỉnh Bình Định; Gồm có 6 phòng; mỗi huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh có 1 phòng Thống kê.

Ngày 04/01/2007, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định 01/NĐ-CP về việc chuyển Tổng cục Thống kê vào Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 05/10/2010, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ra Quyết định thành lập Chi cục Thống kê huyện, TP trên cơ sở phòng Thống kê huyện, TP.

Ngày 14/01/2011, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 53/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Cục Thống kê tỉnh Bình Định; Gồm có 6 phòng và Thanh tra; mỗi huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh có 1 Chi cục Thống kê;

Ngày 14/01/2011, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 20/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Chi cục Thống kê quận, huyện, thị xã, thành phố;

Ngày 18/01/2012, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 07/QĐ-TCTK về việc thành lập Chi cục Thống kê thị xã An Nhơn trực thuộc Cục Thống kê tỉnh Bình Định.

Ngày 02/4/2014, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 243/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Cục Thống kê tỉnh Bình Định.

tâm thường xuyên. Tổ chức Đảng không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện, các tổ chức đoàn thể quần chúng luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của đơn vị, tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với thành tích đạt được trong những năm qua, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: 01 Huân chương Lao động hạng Hai; 03 Huân chương Lao động hạng Ba; 19 Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh; 20 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh.

Nhìn lại 45 năm xây dựng và trưởng thành của Ngành, có thể nói: Công chức, người lao động ngành Thống kê Bình Định đã trải qua những chặng đường đầy khó khăn, thử thách, nhưng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, mà trực tiếp là Tổng cục Thống kê, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định, đặc biệt với những nỗ lực, quyết tâm cao và ý chí phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ lãnh đạo, công chức, người lao động, Ngành đã giành nhiều thắng lợi trong công tác, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh: Cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ đánh giá phân tích và dự báo xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như của từng ngành, góp phần quan trọng vào công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương nói riêng và cả nước nói chung./.

KỶ NIỆM VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ

(Ghi chép của PGS. TS. Tăng Văn Khiên)*

Sau khi tốt nghiệp khoa Thống kê, Đại học Kinh tế Kế hoạch (nay là đại học Kinh tế Quốc dân), tháng 9 năm 1970, tôi về công tác tại Chi Cục Thống kê Thái Bình (nay là Cục Thống kê tỉnh Thái Bình). Phần vì được trở về quê hương công tác, biên chế ở Phòng Thống kê Công nghiệp, lại làm đúng theo ngành nghề đã được đào tạo là Thống kê Công nghiệp, nên tôi rất phấn khởi và điều đó đã tạo cho tôi động lực ban đầu vô cùng quan trọng để đi sâu vào công việc chuyên môn của mình.

Thời kỳ tôi công tác ở Cục Thống kê tỉnh Thái Bình cũng là thời kỳ nền kinh tế Việt Nam vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp; đồng thời lại là những năm nhà nước có chủ trương thống nhất Thống kê với Kế toán, nên cán bộ Thống kê có điều kiện để tiếp cận nhiều với cơ sở.

Được phân công theo dõi Thống kê Công nghiệp, lại là khối xí nghiệp công nghiệp quốc doanh nên tôi thường xuyên đi cơ sở, có điều kiện am hiểu sâu sắc các chỉ tiêu thống kê của xí nghiệp, trong đó có cả các chỉ tiêu thống kê tài chính.

7 năm công tác ở Thái Bình là thời gian mang đến cho tôi những nhiệt huyết đam mê, cống hiến cho công tác chuyên môn, cảm xúc khó quên và những kỷ niệm về nghiên cứu khoa học ứng dụng trong thực tế thống kê. Mỗi kỷ niệm là một niềm vui, ký ức của tuổi trẻ, nhưng có lẽ một trong những dấu ấn đọng lại trong tôi sâu sắc nhất là sự kiện xuống xí nghiệp để nghiên cứu đánh giá lại khoản mục chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm gạch, ngói.

Đó là vào thời điểm những năm 1973,1974, nhiều xí nghiệp sản xuất gạch ngói ở tỉnh (Thái Bình khi đó có 10 xí nghiệp sản xuất gạch ngói; trong đó 7 huyện có 7 xí nghiệp, và Thị xã Thái Bình có 2 xí nghiệp là ngói Quang Trung và gạch Tiền Phong) đã phản ảnh với Cục Thống kê tỉnh (trực tiếp là Phòng Thống kê Công nghiệp) một hiện tượng chung là, thời gian qua giá đất ở nơi sản xuất gạch ngói không tăng nhưng chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm gạch ngói lại tăng lên đáng kể và các xí nghiệp mong được Thống kê làm rõ.

Trước hiện tượng đó, tôi đã báo cáo và đề nghị lãnh đạo cho đi cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu ở Xí nghiệp gạch ngói Kiến Giang trong thời gian 1 tháng.

** Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê - TCTK*

Những ngày đầu xuống Xí nghiệp, tôi đã làm việc với cán bộ Thống kê và bộ phận Kế toán của Xí nghiệp để tìm hiểu tính chất và nội dung của hạch toán giá thành sản phẩm gạch ngói ở cơ sở, sau đó đi quan sát quy trình sản suất gạch ngói ở hiện trường và thực tế tôi nhận thấy có hai trường hợp đáng lưu ý, đó là: Thứ nhất, những sản phẩm gạch ngói ở dạng sản phẩm dở dang hoặc bán thành phẩm như gạch mới nhào đùn theo dây chuyền sản xuất thì có một số sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định đã phải bỏ đi để nhào đùn lại; Thứ hai, trong quá trình vận chuyển gạch mộc, ngói mộc (lúc đó chủ yếu là vận chuyển bằng xe cút kít) từ vị trí này đến vị trí kia nên hay bị rơi vỡ; số rơi vỡ có thể lại được bỏ vào nhào trộn để sản xuất lại.

Hai trường hợp trên đây là khá phổ biến và thực chất đó là thiệt hại sản phẩm hỏng, nhưng đối chiếu với nội dung hạch toán giá thành sản phẩm gạch, ngói ở xí nghiệp thì lại tính vào chi phí vật liệu. Chính vì vậy, chi phí vật liệu thì tăng lên, còn chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng lại hạch toán chưa hết. Lưu ý là thực tế ở các xí nghiệp gạch ngói lúc đó, chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng chỉ xác định được: Thứ nhất, đối với những sản phẩm đưa vào nung đốt ở công đoạn cuối cùng sau kết quả được xác định là gạch, ngói non không bảo đảm tiêu chuẩn về độ ngậm nước hoặc gạch ngói khê phồng không bảo đảm chất lượng; và Thứ hai đối với những sản phẩm là gạch mộc, ngói mộc bị thiệt hại hàng loạt do mưa bão hoặc nguyên nhân khác có biên bản xác nhận kèm theo.

Trước tình hình trên, tôi đã tiến hành thực hiện một cuộc điều tra mẫu nhỏ, rải mẫu theo thời gian nhằm thu thập dữ liệu để đánh giá chất lượng thông tin và điều chỉnh số liệu liên quan đến giá thành sản phẩm gạch ngói.

Từ kết quả điều tra, tôi đã xác định mức độ thiệt hại sản phẩm gạch, ngói và tính toán chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng bình quân cho 1000 viên gạch và 1000 viên ngói (gọi là thiệt hại sản phẩm hỏng bổ sung) theo hai trường hợp thiệt hại sản phẩm hỏng mới xác định ở trên.

Như vậy tổng chi phí để sản suất ra 1000 viên gạch và 1000 viên ngói không thay đổi, nhưng chi phí vật liệu sẽ trừ đi phần chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng bổ sung, còn chi phí chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng nói chung sẽ được cộng thêm chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng bổ sung thì mới đúng.

Kết quả số liệu tính toán, điều chỉnh lại chi phí vật liệu và chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng trong giá thành sản phẩm gạch ngói đã được Xí nghiệp gạch ngói Kiến Giang thừa nhận là khá hợp lý và đem liên hệ với một số xí nghiệp sản xuất gạch ngói khác trong tỉnh thì cũng thấy là có xu thế phù hợp.

Với kết quả nghiên cứu điều tra, tính toán thu được tôi đã viết thành chuyên đề khoa học: "Đánh giá, phân tích giá thành sản phẩm của Xí nghiệp gạch, ngói Kiến Giang". Chuyên đề này đã được Cục Thống kê tỉnh Thái Bình đánh giá cao và xác định là chuyên đề khoa học có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận lẫn thực tiễn. Sau đó Cục Thống kê tỉnh Thái Bình đã tổ chức hội thảo khoa học để tôi báo cáo trước tất cả các đại diện về Thống kê và Kế toán của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và Thống kê, Kế toán của các sở, ban ngành có liên quan trong tỉnh. Ngoài ra, chuyên đề còn là tài liệu tham khảo quan trọng phục vụ cho yêu cầu nghiên cứu để chỉnh lý các khoản chi phí vật liệu và chi chi phí thiệt hại sản phẩm hỏng trong giá thành sản phẩm của nhiều xí nghiệp sản xuất gạch ngói khác.

Khi đánh giá bình bầu danh hiệu thi đua cuối năm, chuyên đề này của tôi được lựa chọn là sáng kiến cải tiến trong công tác chuyên môn và tôi được công nhận là "Chiến sỹ Thi đua" của tỉnh.

Chuyên đề khoa học: "Đánh giá, phân tích giá thành sản phẩm của xí nghiệp gạch, ngói Kiến Giang" tuy là kết quả nghiên cứu ban đầu, nhưng đó là cách tư duy và phương pháp nghiên cứu rất có ý nghĩa, và điều đó đã giúp tôi thực hiện thành công nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gắn liền với hoạt động thực tế trong thời gian tôi công tác ở Vụ Thống kê Tổng hợp và ở Viện Nghiên cứu Thống kê thuộc Tổng cục Thống kê./.

Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 2020

CỤC THỐNG KÊ NINH BÌNH
Địa chỉ: Phố 9 – Phường Đông Thành – TP. Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: 229.6 250 163 – 6 250 157
Email: ninhbinh@gso.gov.vn
Xuân Tân Sửu 2021
Chúc Mừng Năm Mới

Con Trâu Trong Đời sống văn hóa tinh thần của người Việt

Con trâu không chỉ gắn với công việc đồng áng mà đã đi vào đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Hình ảnh trâu xuất hiện trong cuộc sống, trong các đồ dùng hàng ngày, trong các công trình kiến trúc, tín ngưỡng của người Việt cổ và đặc biệt được coi như "linh vật" trong các lễ hội đình đám.

Lễ hội Xuân ngưu

Lễ hội Xuân ngưu hay còn gọi là lễ tiến xuân ngưu là nghi lễ cung đình quan trọng ở Thăng Long từ thời nhà Lý và được duy trì đến thời Nguyễn được tổ chức vào ngày lập xuân hàng năm.

Đây là lễ hội tiến con trâu bằng đất để tống khí lạnh của mùa đông và đón khi ấm áp của mùa xuân đang tới. Lễ tiến xuân ngưu có 2 phần: Lễ tống tiễn mùa đông và lễ lập xuân.

Xuân ngưu là vật tế của phần lễ tống tiễn mùa đông. Lý do chọn trâu đất là vì xét về Thiên nguyệt lệnh, tháng quý đông là tháng Sửu, sửu là trâu, đất thì ngăn nước, cho nên làm con trâu bằng đất để át khí lạnh.

Màu sắc của trâu ứng với ngũ hành của ngày lập xuân (hành Kim thì màu trắng, hành Mộc thì màu xanh, hành Thủy thì màu đen v.v…). Ngoài ra, còn phải nặn thêm 1.300 con trâu bé, cao một thước ta (khoảng 40cm). Tất cả được để ở Nha Môn ngưu gần cửa Đông thành Thăng Long. Tới ngày Lập xuân thì đem ra tế lễ.

Vật tế của lễ lập xuân là mục đồng được đắp bằng đất - hình tượng thần Câu Mang (tức là thần chủ về mùa màng).

Về Nghi lễ: Vào tối trước ngày lập xuân, vị quan đứng đầu thường quan cục rước tượng trâu và Mang Thần đến đàn tế ở Ô Quan Chưởng, 1300 trâu bé được đặt ở ngục Đông Môn ngay cạnh cửa Đồng Thành. Đúng giờ Tý, quan Phủ Doãn được hai quan huyện Thọ Xương và Quảng Đức tháp tùng đến đàn tế làm lễ lần thứ nhất.

Tế xong, trâu và thần Câu Mang lại được rước về đền Bạch Mã bên sông Tô để tế tuần thứ hai.

Sau khi tế xong tuần thứ hai, Mang Thần được chôn ở bờ sông còn tượng trâu được rước vào trình nhà vua tại sân Đan Trì. Tại đây bách quan áo mão cân đai rực rỡ, đứng xếp hàng theo ngôi thứ. Vua xuống ngai làm lễ. Các quan tuần tự lễ vua và đem cất các kiệu rước trâu vào trong kho của bộ.

Trâu đất được đưa về cửa Đông. Tại đây, trâu được phá ra, lấy một miếng thủ, một miếng chân, một khấu đuôi và cùng 300 con trâu bé dâng lên vua. Vua đem phân phát cho các quan dự tế và các đền miếu ở Kinh thành. Còn lại 1.000 con trâu bé thì được tiến sang phủ Chúa Trịnh. Chúa cũng sai đem chia cho các đơn vị quân đội.

Lễ hội Tịch Điền

Lễ hội Tịch Điền ở Duy Tiên, Hà Nam có nguồn gốc lâu đời, được



tổ chức từ mùng 5 đến mùng 7 tháng Giêng hàng năm.

Theo tích cũ, lễ hội này là do vua Thần Nông (cụ nội của vua Hùng) khai mở, cầu mong một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Vào đầu xuân, vua sẽ thân chinh ra lễ tế Thần nông và cày ruộng tịch điền.

Trâu cày ruộng tịch điền phải là trâu đực, nuôi theo chế độ riêng. Ngày làm lễ Tịch Điền, vua sẽ đích thân cày ruộng và đường cày có tính tượng trưng cho một năm mùa vụ tốt tươi.

Ngày nay, lễ hội này vẫn được tái hiện lại nhằm khuyến khích người dân trồng lúa, chăm lo nông nghiệp. Các nghi lễ truyền thống và trò chơi dân gian được giữ nguyên, trong đó, nổi bật là hội thi vẽ trâu. Hàng chục chú trâu được khoác trên mình những hình vẽ ngộ nghĩnh, đặc sắc từ ngày mùng 6 Tết thu hút rất nhiều sự chú ý của người dân và cả du khách.

Tết trâu

Tết trâu được làm ở một số vùng nông thôn nước ta như Hoằng Hóa, Nga Sơn (Thanh Hóa), Vĩnh Linh (Quảng Trị).

Trước Tết vài hôm, người ta tìm những món trâu thích ăn như: Cỏ ngon, rơm được nắng để thưởng cho trâu ngày Tết. Chiều 30 Tết, trâu được tắm rửa, chuồng dọn sạch sẽ, máng chuẩn bị đầy cỏ voi, bắp cây, rơm...

Sáng mùng 1 Tết, trâu được dán một lá bùa trước trán để trừ tà, yếm quái, xua đuổi vận hạn năm cũ. Một chiếc bàn con được đặt trước chuồng trâu với đồ lễ như bánh trưng bánh tét, gà, rượu... Gia chủ ăn mặc lịch sự, khấn nguyện trước chuồng trâu để cầu bình an, sức khỏe, trâu ăn tốt, cày khỏe. Sau khi cúng "Thần trâu", đồ lễ sẽ được đút cho trâu ăn. Ngoài ra, người ta cũng chọn một ngày tốt lành để dắt trâu đi dạo thưởng xuân và ướm vai cày cho trâu để lấy may.

Lễ hội chọi trâu

Nhắc đến con trâu trong lễ hội, không thể không nhắc đến lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng).

Dù ai đi đâu về đâu

Mùng chín tháng tám chọi trâu thì về.

Dù ai buôn bán trăm nghề

Mùng chín tháng tám nhớ về chọi Trâu

Lễ hội được tổ chức vào ngày 9/8 âm lịch. Đây là một lễ hội truyền thống của người dân Đồ Sơn để tạ ơn Thần Biển, tưởng nhớ công ơn của các vị thần, duy trì kỷ cương làng xã để cầu nguyện cho "nhân khang, vật thịnh", khẳng định tinh thần đoàn kết, duy trì ý thực cộng đồng.

Những con trâu khỏe mạnh được chọi với nhau để tìm ra con chiến thắng. Con trâu chiến thắng được dùng để cúng thần linh, cầu cho mưa thuận gió hòa.

Người ta quan niệm rằng, nếu trâu làng nào năm đó chiến thắng thì cả làng sẽ gặp nhiều may mắn, mọi người bình yên trong hành trình đi biển./.

S.T



CỤC THỐNG KÊ CAO BẰNG
Địa chỉ: Khu đô thị mới - Phường Đề Thám
Tp. Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại: 0206.3 856 148 - 3 852 164
Email: caobang@gso.gov.vn

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

Biểu tượng trâu
TRONG VĂN HÓA, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

Từ bao đời nay, con trâu "đầu cơ nghiệp" là người bạn thân thiết, gắn bó với đời sống nông nghiệp và người nông dân Việt Nam. Vì vậy, trâu không chỉ gần gũi trong đời sống hàng ngày mà còn là một biểu tượng văn hóa, tín ngưỡng thiêng liêng của người dân Việt.

Trâu trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam

Đã có một thời hình ảnh con trâu trở thành biểu tượng ngự trị trên nhiều lĩnh vực văn thơ, hội họa, tín ngưỡng của người Việt. Cùng với cây lúa, trâu gắn liền với nền văn minh lúa nước Việt Nam và cả Đông Nam Á. Chiếc sừng trâu gợi lên hình ảnh trăng lưỡi liềm, biểu tượng của nước trong tín ngưỡng nông nghiệp. Thời khắc giao thừa, người ta nhìn dáng trâu nằm hay trâu đứng, ngoảnh đầu ra cửa hay vào trong để biết năm đó làm ăn có thuận lợi hay không.

Trâu vàng trong truyền thuyết dân gian được tôn sùng là một con "vật thiêng" có khả năng trừ ma quái, bảo vệ dân lành. Sách Lĩnh Nam chích quái cũng có nhắc đến lai lịch của Trâu Vàng qua truyện Hồ Tinh gắn với sự tích Lạc Long Quân diệt cáo chín đuôi, kết thúc là "lập miếu Kim Ngưu để trấn áp yêu quái".

Có thể nói, tín ngưỡng thờ Trâu vàng phản ánh nguyện vọng về một cuộc sống yên ổn của người xưa. Xã Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội có ngôi đền thờ Trâu Vàng tên là "Đền Kim Ngưu" thể hiện rõ tín ngưỡng ấy. Truyền thuyết kể lại, tên xưa của hồ Tây là hồ Trâu Vàng do vết chân Trâu Vàng tạo thành hồ.

Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần (thế kỷ XI-XIV) rất quan tâm tới việc bảo vệ nguồn sức kéo qua các chính sách như "trọng ruộng, khuyến khích chăm lo phát triển kinh tế nông nghiệp". Năm 1123, vua Lý Nhân Tông xuống chiếu nhắc nhở: "Trâu là con vật quan trọng cho việc cày cấy, lợi cho người. Từ nay cấm không được giết trâu ăn thịt. Ai làm trái thì trị tội theo pháp luật". Các Luật Hình (thời Lý), Hình luật (thời Trần) đều có những điều khoản cụ thể quy định hình phạt về tội ăn trộm và giết hại trâu, bò.

Trâu là biểu tượng phong thủy mạnh mẽ

Trong phong thủy, biểu tượng con trâu được sử dụng khá phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau như hội họa, điêu khắc…với ý nghĩa may mắn, tài lộc.

Trâu bằng bột đá mạ vàng non mang kim khí rất tốt cho tài lộc đối với các công việc kinh doanh, bất động sản hoặc đầu tư dài hạn. Ngoài ra, người ta dùng trâu phong thủy để tiết chế, trấn yểm các hung tinh như Nhị Hắc, Ngũ Hoàng, biến hung thành cát.

Việc bài trí một chú trâu bằng vàng, toàn thân linh vật có ánh sáng màu kim sẽ giúp sự nghiệp tiến nhanh chóng và tài lộc dồi dào. Trâu chế tác bằng ngọc phỉ thúy từ xưa rất được vua quan phong kiến sử dụng, vừa có tác dụng phong thủy vừa khẳng định sự giàu sang, quyền quý.

Hình tượng trâu trong nền văn hóa phương Đông

Theo cách phân chia thời gian (năm, tháng) chịu ảnh hưởng văn hóa Trung hoa thời xưa, con Trâu cũng là một biểu tượng cho một năm ở Châu Á. Về tính âm dương, 12 con vật được chia xếp thành hai cực âm và dương đứng đan xen nhau, trong đó con trâu (Sửu) thuộc cực âm.

Trong 28 ngôi sao chính gọi là nhị thập bát tú do người phương Đông tìm ra, Sao Ngưu thuộc chòm sao Huyền Vũ nằm ở phương Bắc, ứng với hành thuỷ, thuộc về mùa Đông. Đây là một trong những ngôi sao sáng, tượng trưng cho trí tuệ Việt.

Ngoài ra, hình ảnh trâu thường xuất hiện trong những câu chuyện thuyết pháp nhà Phật để nói về triết lý, văn hóa, đạo lý sống. Bộ tranh chăn trâu gồm 10 bức nổi tiếng trong thiền tông gọi là "Thập mục ngưu đồ" mô tả thứ tự quá trình diễn biến trong tâm thức của người vận dụng sự hành thiền trong cuộc sống cho thấy rõ điều này.

Đối với người Trung Quốc, trâu là thánh vật nên thường dùng làm vật tế lễ, là biểu tượng cho cầu nối giữa trời và đất, người và tiên để cho thần tiên ban phước lành cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nhân gian an bình./.

S.T







Lễ hội chọi trâu
TÔN VINH TINH THẦN THƯỢNG VÕ CỦA NGƯỜI VIỆT

Duy Hưng

Đất nước Việt Nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử đã lưu dấu muôn vàn những giá trị văn hóa được truyền từ đời này qua đời khác thông qua các lễ hội. Trong đó, lễ hội chọi trâu diễn ra hàng năm tại một số địa phương không chỉ là nét đẹp cổ truyền độc đáo, tôn vinh tinh thần thượng võ mà còn mang đậm dấu ấn văn hóa tâm linh với những ý nghĩa tốt đẹp.

Lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn

Hàng năm, lễ hội chọi trâu được diễn ra tại mội số địa phương miền Bắc Việt Nam vào các thời điểm khác nhau. Nổi tiếng và được nhắc đến nhiều là lễ hội chọi trâu của người dân vạn chài tại vùng biển Đồ Sơn, Hải Phòng diễn ra vào ngày mùng 9 tháng 8 Âm lịch mỗi năm. Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn có sự giao thoa giữa những yếu tố văn hóa nông nghiệp đồng bằng với văn hóa cư dân vùng ven biển, gắn liền việc thờ cúng thủy thần với nghi lễ chọi trâu và hiến sinh trâu.

Để chuẩn bị cho lễ hội, ngay sau Tết Nguyên đán, các sới chọi đều cử người có nhiều kinh nghiệm đi khắp các tỉnh, thành như Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định, Thái Bình, thậm chí lên tận Tuyên Quang, Bắc Kạn… để tìm mua trâu.

Trâu được chọn phải hội tụ nhiều yếu tố: Là những con trâu đực khỏe mạnh, da đồng, lông móc, một khoang bốn kháy, hàm đen, lông trên đầu cứng và dày, có ức rộng, sừng đen, lưng dày và phẳng để tăng khả năng chống, chịu đòn của đối phương…

Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn có 2 phần, phần lễ và phần hội. Từ ngày mùng 1 tháng 8 Âm lịch, các vị cao niên trong làng có trâu chọi làm lễ tế thần Điểm Tước ở đình Tổng, sau đó là lễ rước nước gắn với tục tế Thủy thần. Sáng ngày 9 tháng 8 âm lịch, là ngày chính hội, từ 1 giờ sáng, chủ tế các làng làm lễ xin phép Thành Hoàng đưa trâu chọi đi thi đấu. Các trâu tham gia thi chọi gọi là "ông trâu" được trang trí, lưng trùm vải đỏ, sừng buộc những dải lụa điều, theo nghi lễ ra trình Thành Hoàng và khoảng 6-7 giờ sáng là lễ rước "ông trâu" ra đấu trường. Trường đấu của những trận chọi trâu thường là những bãi đất rộng, khoảng 80x100 m, có hào nước bao quanh. Phía trong hào có 2 dãy lán làm chỗ đứng cho trâu chọi, gọi là "xào xá". Bao quanh là khán đài để mọi người quan sát và cổ vũ.

CỤC THỐNG KÊ BẮC KẠN
Địa chỉ: Tổ 4 phường Đức Xuân - Tp. Bắc Kạn - Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: 0209.3 870 882 - 3 870 148 * Fax: 0209.3 871 237
Email: backan@gso.gov.vn
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

Lễ rước các "ông trâu" vào các xào xá rộn rã trong tiếng nhạc bát âm, cờ bay phấp phới kèm theo tiếng cổ động của dân cư trong vùng... Tiếp theo là nghi thức múa cờ khai hội được 24 tráng niên của làng chia thành hai hàng trình diễn vừa uyển chuyển, vừa mạnh mẽ, màu sắc biến hoá linh hoạt và huyền ảo trong những âm thanh của trống, thanh la; tái hiện lại lễ ra quân trước giờ xuất trận; thể hiện ước nguyện cầu mong Thần Gió phù hộ cho thuyền bè cưỡi sóng vượt ra ngoài biển khơi.

Múa cờ vừa dứt, từ hai phía hai "ông trâu" được dẫn vào xới, có người che lọng và múa cờ hai bên. Khi hai "ông trâu" cách nhau 20 m, người dắt nhanh chóng rút "sẹo" cho trâu rồi khẩn trương thoát ra ngoài sới chọi để 2 "ông trâu" lao vào giành thắng bại.

Kết thúc lễ hội, "ông trâu" thắng cuộc được làm lễ rước trở về. Sáng ngày 10 tháng 8 các "ông trâu" tham gia lễ hội được đem giết thịt làm lễ vật tế thần ở đình, có kèm theo một đĩa đựng tiết và lông trâu (mao huyết). Sau lễ tế, đĩa mao huyết được đổ xuống biển, phần còn lại được chia lộc thần cho dân với niềm tin một vụ khai thái mới bình an, nhiều tôm cá. Vào ngày 16 tháng 8, làng tiến hành nghi thức "tống thần" và rã đám, kết thúc lễ hội.

Lễ hội chọi trâu Hàm Yên

Lễ hội chọi trâu Hàm Yên được tổ chức vào ngày 10 và 11 tháng Giêng Âm lịch tại huyện Hàm Yên, Tuyên Quang. Tương truyền, Lễ hội chọi trâu Hàm Yên đã có từ rất lâu đời, song trải qua nhiều biến cố nên đã có một thời gian dài gián đoạn và mới khôi phục lại hơn chục năm nay.

Khác với lễ hội chọi trâu Đồ Sơn chỉ tổ chức cho người dân địa phương, lễ hội hội chọi trâu ở Hàm Yên quy tụ hàng trăm chủ trâu từ rất nhiều nơi trong và ngoài tỉnh tham gia. Song, tham gia đông nhất là chủ châu người địa phương gồm nhiều dân tộc Tày, Kinh, Mông, Dao… đến từ các huyện trong tỉnh Tuyên Quang. Chính vì vậy, Lễ hội thu hút rất đông người dân và du khách đến xem.

Trước mỗi mùa chọi trâu, người dân Hàm Yên lại cùng nhau lặn lội lên tận Hà Giang, Lai Châu… để tìm những cặp trâu khỏe đẹp mua về. Trâu mua về được cả cộng đồng bình xét giao cho một gia đình tiêu biểu nuôi dưỡng, gia đình này phải có đủ ông bà, cha mẹ, con cháu sống hoà thuận, hiếu thảo, trên kính dưới nhường, kinh tế khá giả, nghĩa là một gia đình rất văn hóa. Các gia đình khác có nghĩa vụ đóng góp thức ăn cho trâu (thường là bột ngô, bột sắn, cám gạo...).

Các trâu chọi khỏe mạnh, được chăm sóc và huấn luyện bài bản và được chia cặp đấu loại để tìm ra những đại diện xuất sắc đi vào vòng trong và tìm ra cặp trâu tốt nhất thi đấu chung kết.

Theo đúng phong tục của người dân bản địa, sau giải đấu, con trâu chiến thắng đã được hóa kiếp và mang về tế lễ tại Đền Bắc Mục. Còn người đến xem chọi trâu ai cũng muốn mua được một ít thịt trâu chọi đem về với mong muốn gia đình sẽ làm ăn may mắn trong năm mới.

Đối với mỗi người dân Hàm Yên, lễ hội chọi trâu của địa phương không chỉ mang ý nghĩa tâm linh thể hiện ước muốn mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, nhà nhà no ấm, gia đình khỏe mạnh, con cái thành đạt mà việc tổ chức lễ hội còn giúp thực hiện mục tiêu phát triển và nhân rộng đàn trâu của huyện. Qua đó từng bước xây dựng thương hiệu Trâu Hàm Yên, góp phần thức đẩy phát triển kinh tế của huyện Hàm Yên.

Lễ hội chọi trâu Phù Ninh

Hội chọi trâu Phù Ninh được tổ chức tại huyện Phù Ninh thuộc tỉnh Phú Thọ vào 2 ngày chợ phiên (5-5 và 10-10 Âm lịch) để tưởng nhớ vua Hùng. Để chuẩn bị cho lễ chọi trâu, bốn làng là: Cão, Phú Mãn, Ngọc Trù, Ngọc Khôi mỗi làng phải chọn mua một con trâu cà (trâu phải đen tuyền), khi mua phải xin âm dương, nếu thánh ứng mới mua. Trâu mua rồi phải cử người làm mo nuôi để đến ngày chợ cho chúng chọi nhau và mổ thịt tế thần. Đến ngày chợ phiên dân làng tắm rửa cho trâu thật sạch sẽ, trước khi vào trận đấu người ta cho trâu uống nửa lít rượu. Phiên chợ ngày 5-5 cho chọi cả 4 con trâu, 2 cặp trâu chọi con nào thua thì mổ thịt, còn 2 con thắng cuộc được giữ lại cho trận chung kết vào phiên chợ ngày 10-10. Theo tập tục của địa phương, các trâu tham gia thi đấu, dù thắng hay thua đều bị sát sinh để cúng tế thần linh. Khi mổ trâu làm lễ tế thần, người dân chuẩn bị những thứ để đựng thịt trâu (không bầy vào bát đĩa), đó là những cái rế tết bằng dây thừng, đan dầy và nông, lòng rế lót lá chuối, sau đó đặt lên một mô đất



vuông bằng phẳng ở ngay giữa chợ để làm lễ cúng thần. Khi cúng lễ xong mọi người tập trung ăn uống ngay ở chợ.

Lễ hội chọi trâu ở xã phù Ninh là một lễ hội cổ xưa nhất mang đậm nét văn hóa dân gian của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước với tín ngưỡng gắn biểu tượng con trâu và tục sát sinh vật thiêng để hiến tế thần linh cầu cho "mưa thuận, gió hòa", cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu.

Lễ hội chọi trâu Hải Lựu

Hàng năm, lễ hội chọi trâu Hải Lựu được tổ chức vào ngày 17 tháng Giêng Âm lịch tại xã Hải Lựu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo các thư tịch cổ để lại, Lễ hội chọi trâu Hải Lựu có từ thế kỷ thứ II trước công nguyên, là lễ hội chọi trâu lâu đời nhất Việt Nam. Sử sách ghi lại: Khi đó, thừa tướng Lữ Gia đóng quân ở vùng núi Long Động - Lập Thạch chống lại quân Hán đã đặt ra trò đấu ngưu (hội chọi trâu) để mua vui, động viên tinh thần binh sỹ và dân chúng. Sau đó, dù thắng hay thua, các chú trâu chọi đều bị giết thịt để khao quân. Sau khi Lữ Gia mất, dân làng Hải Lựu tôn ông làm thành hoàng làng. Hội chọi trâu được nhân dân lưu truyền qua nhiều đời, dần dần trở thành một cổ tục truyền thống của địa phương. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, lễ hội đã bị gián đoạn, đến năm 2002 mới được khôi phục trở lại.

Trâu chọi tham gia thi đấu cũng được người dân kỳ công lên các vùng Lào Cai, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ… mua về và được tôn kính gọi là "ông Cầu". Các ông Cầu được tuyển chọn kỹ càng dựa vào các tiêu chí như: Mình trường, móng hến, đuôi trai, sừng khum, mắt đỏ…; đặc biệt phải đủ 250 vanh (vòng ngực) trở lên mới được thi đấu.

Trâu khi mua về được chăm sóc, huấn luyện bằng chế độ đặc biệt trong suốt hơn nửa năm. Đến ngày 15 tháng Giêng, các ông Cầu phải làm lễ tấu trình ở vọng đài tưởng niệm tâm linh để kính cáo với thánh thần là trâu được tham gia vào hội. Trâu chọi bao giờ cũng đấu nhau bằng lối đối mặt dùng sừng và sức khoẻ để chọn thế võ tấn công đối phương, dù thắng hay thua không bao giờ trâu tấn công nhau từ phía sau lưng hay mạng sườn, điều này thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc./.

Có dịp về mảnh đất Đọi Sơn thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam những ngày đầu năm, du khách không khỏi háo hức với không khí rộn ràng, sắc màu rực rỡ của lễ hội xuống đồng lớn nhất khu vực đồng bằng Bắc Bộ - Lễ hội Tịch điền. Lễ hội diễn ra từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 7 tháng Giêng Âm lịch hàng năm.

Tương truyền, Lễ hội Tịch điền có nguồn gốc xa xưa, từ thời vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn), nhà vua vốn là người coi trọng nông nghiệp và sống gần gũi với muôn dân. Nhận thấy vùng núi Đọi sông Châu có vị trí chiến lược quan trọng đối với kinh đô Hoa Lư nên sau khi lên ngôi, vào mùa Xuân năm Đinh Hợi (987), vua Lê Đại Hành đã cùng bá quan trực tiếp cày ruộng ở xã Đọi Sơn để khuyến khích nhân dân mở mang nông trang, ổn định cuộc sống. Hình ảnh nhà vua uy nghi, quyền thế đích thân cày ruộng đã để lại những ý nghĩa tốt đẹp cho dân tộc, thể hiện sự gần gũi, thấu hiểu của người cai trị đất nước với muôn dân, mong muốn khuyến khích người dân chăm chỉ làm ăn. Đồng thời, mỗi người đều có thể nhận thấy sự coi trọng của người đứng đầu đất nước với nông nghiệp và người nông dân. Đây cũng là một việc làm hiếm gặp từ tầng lớp quý tộc, quan lại và vua chúa thời bấy giờ.

Cũng trong lần xuống ruộng cày đầu xuân năm 987, nhà vua đã bắt được chum vàng, năm sau đó (năm 988) nhà vua lại bắt được chum bạc khi thực hiện lễ Tịch điền ở xã Bàn Hải, vì thế những thửa ruộng này được gọi là Kim Điền và Ngân Điền. Cũng từ đó, vào đầu xuân mỗi năm, nhà vua lại ra đồng cày ruộng, làm lễ Tịch điền để cầu được mùa, mở ra một tục lệ vừa thiêng liêng, vừa mang đậm ý nghĩa nhân văn. Lễ Tịch điền được duy trì qua nhiều đời vua Lý, Trần, hậu Lê; đặc biệt dưới thời đại của triều Nguyễn, nghi lễ có nhiều "niêm luật" cụ thể, được tổ chức quy mô do bộ Lễ chủ trì và đến thời vua Khải Định thì nghi lễ bị gián đoạn.

Cho tới ngày nay, nông nghiệp vẫn luôn chiếm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là sản xuất lúa gạo ngày càng phát triển không chỉ đem lại giá trị kinh tế mà còn khẳng định thương hiệu Việt trên thị trường quốc tế. Từ một quốc gia phải nhập khẩu ngũ cốc về làm lương thực, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, thậm chí gạo ST25 của Việt Nam sản xuất còn được đánh giá là hạt gạo có chất lượng ngon nhất thế giới. Chính vì vậy, để tôn vinh ngành nông nghiệp và khôi phục, phát huy những giá trị văn hóa nông nghiệp lâu đời, từ năm 2009, Lễ hội Tịch điền được tái hiện trở lại.

Trong nghi lễ Tịch điền, một lão nông đạo mạo, có sức khỏe tốt, có kinh nghiệm cày ruộng và phải là thành viên của gia đình văn hóa sẽ tái hiện lại hình ảnh vua Lê Đại Hành bước lên lễ đài khấn cáo vua Lê và Thần Nông. Sau đó, lão nông sẽ đội mũ Cửu Long, mặc áo Hoàng Bào xuống ruộng đi cày. Theo thứ tự, vua Lê Đại Hành sẽ cầm cày dẫn trâu cày 3 sá ruộng, rồi tới lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo tỉnh cày 5 sá, lãnh đạo huyện cày 7 sá, lãnh đạo xã và cuối cùng là các bô lão



LỄ HỘI TỊCH ĐIỀN
TRONG CÂU CHUYỆN ĐẦU NĂM

Minh Hà



Đất nước Việt Nam trải qua hàng ngàn năm hình thành và phát triển với nền văn minh lúa nước lâu đời. Một trong những nét văn hóa đặc sắc của nền nông nghiệp còn tồn tại đến ngày nay chính là lễ hội Tịch điền với ý nghĩa nhân văn sâu sắc, hướng về nguồn cội, đề cao vai trò, vị thế của sản xuất nông nghiệp xuyên suốt ngàn năm.

cày 9 sá. Theo sau các đường cày là các cô gái trong trang phục truyền thống cầm theo hạt giống gieo xuống các luống cày, đồng thời các màn múa rồng làm tăng thêm phần sôi động cho lễ hội.

Không gian văn hóa của Lễ hội Tịch điền vẫn giữ nguyên các nghi lễ truyền thống cùng các trò chơi dân gian; trong đó, một trong những hoạt động đặc sắc trong Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn được nhắc đến chính là hội thi vẽ trang trí trâu. Hội thi vẽ trang trí trâu trong khuôn khổ Lễ hội Tịch điền thu hút rất nhiều họa sĩ của các tỉnh lân cận thậm chí có cả họa sĩ nước ngoài cùng thỏa sức sáng tạo với những gam màu sắc sặc sỡ, hình ảnh độc đáo, ấn tượng trên mình trâu. Những chú trâu tham gia hội thi được lựa chọn từ các xã với tiêu chí có hình dáng đẹp, béo khỏe và hiền lành. Trâu đoạt giải trong hội thi vẽ sẽ tham gia nghi lễ Tịch điền, được đóng cày xuống ruộng vào sáng mùng 7 tháng Giêng Âm lịch. Qua đó, hình ảnh "con trâu là đầu cơ nghiệp" trong văn hóa nông nghiệp cũng như giá trị, vai trò của con trâu đối với nhà nông một lần nữa được khẳng định.

Có thể thấy, Lễ hội Tịch điền đem theo thông điệp như lời nhắc nhở của các bậc tiền nhân đến thế hệ ngày nay, cần phải nhớ đến công ơn của cha ông trong việc khai phá ruộng đồng, trồng cấy lúa ngô, hoa màu, chú trọng hoạt động sản xuất nông nghiệp. Lễ hội diễn ra vào đầu năm với mong muốn cầu an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi để người nông dân có một năm được mùa, giúp cuộc sống ấm no, hạnh phúc./.

CỤC THỐNG KÊ LÀO CAI
Địa chỉ: Đường 1/5, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Điện thoại: 214 824 636-214.3 820 025 * Fax: 214.3 824 676
Email: laocai@gso.gov.vn
Xuân Tân Sửu 2021
Chúc Mừng Năm Mới





PHONG TỤC ĐÓN NĂM MỚI THÚ VỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á

"Mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi nền văn hóa đều có những đặc trưng riêng, làm nên vẻ đẹp đa dạng và đặc sắc. Dù mừng năm mới theo lịch âm như: Trung Quốc, Việt Nam, đón năm mới theo lịch dương như Nhật Bản, hay đón Tết theo Phật lịch như: Lào, Thái Lan..., các quốc gia châu Á vẫn giữ được những phong tục, truyền thống đặc sắc của mình. Đó có thể là phong tục, tập quán, nghi thức truyền thống kỳ lạ, nhưng đối với người dân các quốc gia này, đây chính là cách để khởi đầu một năm mới đầy may mắn."

Tại Nhật Bản

Năm mới hay Oshogatsu là ngày lễ quan trọng nhất trong năm đối với người dân đất nước mặt trời mọc. Trước đây, người Nhật đón mừng năm mới dựa trên lịch âm, nhưng kể từ khi thông qua lịch dương năm 1873, người Nhật đã đón Tết như nhiều nước phương Tây vào ngày 1/1. Đón năm mới với người Nhật là một kỳ nghỉ gia đình. Đối với những người làm việc tại các thành phố thì đây có lẽ là một trong số ít dịp họ về thăm quê hương hoặc tận dụng chuỗi ngày nghỉ này để đi du lịch.

Dù đón năm mới theo cách nào, thì những bữa tiệc "Bonenkai" để "lãng quên năm cũ" vẫn luôn tồn tại trong nét văn hóa của người Nhật. Những bữa tiệc được tổ chức suốt tháng 12 là nơi để mọi người, đặc biệt là nhân viên công sở giải tỏa những căng thẳng trong suốt một năm qua.

Sau những bữa tiệc cuối năm, người Nhật tiến hành "Osouji" - nghi thức dọn dẹp nhà cửa và văn phòng đón Tết. "Osouji" không chỉ là chuẩn bị nhà cửa để mừng năm mới, mà nó còn là nghi thức tượng trưng cho một sự khởi đầu mới, tươi sáng.

Vào thời khắc giao thừa, người Nhật thường ăn món mì trường thọ "Toshikoshi soba". Sợi mì soba càng dài càng khẳng định niềm tin về một cuộc sống hạnh phúc dài lâu. Vào thời khắc giao thừa, các ngôi chùa ở địa phương sẽ gióng lên 108 tiếng chuông - tượng trưng cho 108 ham muốn trần tục của con người theo quan điểm của Phật giáo.

Trong 3 ngày đầu năm, người Nhật thường ăn các món như: Trứng cá trích, rong biển, bánh cá, khoai lang nghiền, hạt dẻ, rễ cây ngưu báng. Màu sắc của mỗi món ăn, cách trang trí và trình bày món ăn cũng thể hiện các khía cạnh khác nhau của sự may mắn trong văn hóa Nhật Bản. Trong đó, không thể thiếu món súp bánh gạo, món ăn cầu mong sự tốt lành trong năm mới.

Phong tục trang trí nhà đón năm mới của người Nhật cũng thể hiện những nét văn hóa độc đáo. Cổng nhà có tên gọi "Kadomatsu" được đặt trước cửa từ ngày mùng 01 đến mùng 7 tháng Giêng. Cổng làm bằng 3 cọc tre được cắt vát với độ dài khác nhau và buộc bằng rơm cùng với một nhánh cây thông. Cây tre tượng trưng cho sự phát triển mạnh mẽ, trong khi lá thông là biểu tượng của sự trường thọ.

Những đồ trang trí được treo trên các lối vào nhà, cửa hàng trong những ngày đầu năm với mục đích xua đuổi tà ma. Mâm bánh dày "Kagami mocha" - một quả quýt đặt trên hai chiếc bánh dày thường được đặt trong các điện thờ





tại các gia đình, công ty, thể hiện cho sự nối tiếp giữa năm cũ và năm mới và sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp giữa các thế hệ trong gia đình.

Vào ngày đầu năm mới, người Nhật sẽ mặc những bộ Kimono, cùng viếng thăm Thần điện để cầu mong sự bình an, hạnh phúc cả năm. Những Thần điện nổi tiếng ở Asakusa hay Kyoto thường có rất đông người đến dâng hương trong dịp này.

Tại Hàn Quốc

Người Hàn Quốc cũng đón năm mới theo âm lịch giống như người Việt Nam, truyền thống này đã có từ hàng ngàn năm nay. Năm mới là dịp hầu hết người dân Hàn Quốc quây quần bên gia đình, thờ cúng tổ tiên. Lễ mừng năm mới của người Hàn bắt đầu bằng việc mọi người mặc trang phục truyền thống Hanbok. Năm mới là dịp kết nối lại gia đình, nên nghi thức quan trọng nhất đối với người Hàn Quốc trong ngày đầu năm là "Charye" - nghi lễ cầu nguyện cho sự bình yên và sức khỏe của tổ tiên. Các món ăn truyền thống được đặt lên bàn thờ bao gồm: Canh bánh gạo, mì khoai lang với thịt và rau, sườn lợn sốt, bánh quy truyền thống, hoa quả… Người Hàn Quốc duy trì phong tục tốt đẹp đó là "Sebae" - nghi thức cúi đầu chào. Sau bữa ăn, con cháu sẽ cúi đầu kính cẩn và tặng quà cho ông bà, cha mẹ. Sau đó, những người lớn tuổi sẽ tặng lại con cháu bao lì xì may mắn.

Đầu năm, người dân xứ sở kim chi có thói quen ăn canh bánh gạo "Teokguk" để cầu mong cho sự trường thọ. Thanh bánh gạo được cắt thành từng miếng tròn hình đồng xu, đồng thời mang ý nghĩa cầu mong cho sự tái sinh, dư dôi của cải.

Sau bữa ăn là thời gian dành cho gia đình cùng chơi các trò chơi truyền thống ngoài trời như: Thả diều, đá cầu, bắn cung hay trò thả que gỗ. Các thế hệ trẻ quây quần xem phim, chơi trò chơi trên máy tính. Nếu các thành viên trong gia đình không tập trung ở một nơi đón Tết, thì các thế hệ trẻ thường đến thăm và chúc Tết họ hàng. Đây là phong tục truyền thống tốt đẹp của người dân Hàn Quốc, cũng như nhiều quốc gia châu Á khác.

Tại Trung Quốc

Hàng ngàn năm qua, người dân Trung Quốc đã duy trì truyền thống đón năm mới theo âm lịch với nhiều phong tục độc đáo. Những ngày cuối năm, người Trung Quốc cùng nhau dọn dẹp nhà cửa. Trong tiếng Trung, bụi bẩn đồng âm với từ "Chen" nghĩa là cũ. Vì vậy, việc dọn dẹp cuối năm nhằm xua đuổi những thứ đã cũ, xui xẻo ra khỏi nhà để sẵn sàng cho một khởi đầu mới. Ngoài việc dọn dẹp đón Tết, người Trung Quốc còn mua sắm từ một số món đồ nột thất đến bát đĩa mới. Những mặt hàng này tượng trưng cho việc chào đón những điều tốt đẹp sắp đến. Các loại thực phẩm, bánh, trái cũng nằm trong danh sách mua sắm của mọi gia đình.

Người Trung Quốc có phong tục treo câu đối Tết để bày tỏ những hy vọng tốt đẹp. Bắt đầu từ thời nhà Tống (960-1279), câu đối Tết ban đầu được viết trên gỗ, hiện nay người Trung Quốc đã thay thế gỗ đào bằng giấy đỏ.

Để trang trí nhà mừng năm mới, người Trung Quốc thường dán chữ "Phúc" trên cổng hoặc trên một số đồ nội thất trong nhà để cầu mong may mắn, hạnh phúc. Ngoài ra, người Trung Quốc đặc biệt yêu thích dán những bức tranh các vị Thần ở cửa, nhằm mục đích xua đuổi tà ma, thu hút vận may, giữ cho ngôi nhà êm ấm. Những bức tranh đi thành cặp, thường là hình ảnh các vị tướng được phong Thần của nhà Đường. Người Trung Quốc còn trang trí nhà bằng nghệ thuật nút dây, đây là loại hình nghệ thuật thủ công truyền thống xuất hiện từ thời Đường và thời Tống và được phổ biến rộng rãi ở thời nhà Minh.

CỤC THỐNG KÊ TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Đường 17/8 phường Minh Xuân - TP. Tuyên Quang - Tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207.3 823 523 - 3 823 509 * Fax: 0207.3 823 700

Email: tuyenquang@gso.gov.vn

Xuân Tân Sửu 2021

Chúc Mừng Năm Mới

Bữa tối đoàn viên với nhiều món ăn thơm ngon được nấu nướng cầu kỳ chính là dịp tất cả các thành viên trong gia đình quây quần bên nhau. Ăn bánh bao là một phong tục trong đêm giao thừa. Hình dạng tròn của chiếc bánh bao giống hình ảnh đồng tiền xu, tượng trưng cho sự giàu có trong năm mới. Ngoài bánh bao, người Trung Quốc còn ăn kẹo tượng trưng cho cuộc sống ngọt ngào, ăn đậu phộng tương trưng cho sức khỏe và tuổi thọ.

Phong tục đốt pháo vào thời điểm giao thừa hoặc sáng đầu năm của người Trung Quốc được bắt nguồn từ truyền thuyết về quái vật Nian vào 2000 năm trước. Người ta ném tre vào lửa để xua đuổi quái vật. Sau khi thuốc súng được phát minh, người Trung Quốc đã thay tre bằng pháo.

Người Trung Quốc gửi đến nhau những lời chúc năm mới tốt đẹp thông qua những chiếc thiệp giấy hay thiệp kỹ thuật số, những tin nhắn văn bản, tin nhắn thoại, video, biểu tượng cảm xúc. Ngày nay, ngoài chiếc phong bì đỏ đựng tiền may mắn được người già chuẩn bị cho trẻ em, còn những chiếc phong bì đỏ kỹ thuật số được gửi đến nhau qua mạng.

Một phong tục truyền thống của người Trung Quốc, đặc biệt ở Bắc Kinh là đi thăm đền, chùa ngày đầu năm và đi thăm người thân, bạn bè. Nhiều hoạt động văn hóa truyền thống sinh động vẫn được người dân Trung Quốc gìn giữ như: Xem múa rồng, múa sư tử, múa yangko. Lễ hội đèn lồng tổ chức vào tối ngày 15 tháng Giêng âm lịch, đánh dấu sự kết thúc của lễ hội đón năm mới. Ở nhiều thành phố, lễ hội đèn lồng được tổ chức ở một số di tích lịch sử, các tòa nhà nổi tiếng, nơi mà du khách có thể thưởng thức vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống Trung Quốc./.

P.V *(Sưu tầm)*

Thụy Sỹ là một quốc gia nhỏ bé nằm ở Trung Âu, với diện tích chỉ hơn 41 nghìn km^2 và dân số là 7,8 triệu người. Tuy nhiên, quốc gia này có tới bốn ngôn ngữ chính là Pháp, Đức, Italy và Romanche và đặc biệt có tới 26 bang, mỗi bang có quyền tự chủ, ngân sách, quy định và luật pháp riêng. Chính vì vậy, tập tục đón năm mới của người Thụy Sĩ ở mỗi vùng cũng rất phong phú và đa dạng.

Vào đêm giao thừa, ngay trước nửa đêm, tiếng chuông nhà thờ trên khắp Thụy Sỹ bắt đầu vang lên trong vài phút. Người Thụy Sỹ gọi đó là để chuông năm cũ để nói lời tạm biệt với năm cũ cùng với mọi việc vui buồn đã xảy ra trong thời gian đó. Cho dù ngoài trời lạnh giá, nhưng nhiều người vẫn sẵn sàng ra ngoài hoặt ít nhất là mở cửa sổ hoặc cửa ban công để lắng nghe tiếng chuông ngân nga, da diết. Tiếng chuông được ngưng lại bởi một khoảng thời gian tĩnh lặng và sau đó là mười hai tiếng chuông truyền thống đánh dấu nửa đêm và bắt đầu một hồi chuông chào đón năm mới.

Mọi người trở về ngôi nhà ấm cúng, rót đầy ly Champagne. Trẻ em cũng sẽ nhận được ly Champagne chứa đầy Rimuss- một đồ uống tuyệt vời được đựng trong một cái chai giống như rượu Champagne, nhưng không có cồn để ai cũng có được một chút đồ uống cụng ly chào đón năm mới.

Để đón một năm may mắn, thịnh vượng và bình an, một trong những truyền thống phổ biến ở Thụy Sỹ đó là người dân ăn rất nhiều kem và sau đó vứt viên kem xuống sàn nhà trong ngày đầu năm mới.

Năm mới cũng là dịp để người dân, nhất là giới trẻ đổ về các khu trượt tuyết. Thụy Sỹ là nơi mà các môn thể thao trượt tuyết được phát triển vào thế kỷ XIX và nở rộ trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX. Đối với người Thụy Sỹ, trượt tuyết trên dãy Alps có sức hút kỳ lạ bởi đất nước này sở hữu phong cảnh núi non hùng vĩ và những ngôi làng cổ xưa đầy quyến rũ, những nhà hàng trên núi tuyệt vời.

Bên cạnh những phong tục đón năm mới phổ biến, ở mỗi vùng, miền trên khắp Thụy Sỹ, tập tục đón năm mới cũng rất phong phú, đa dạng và đặc sắc.

Tập tục đập gỗ đón năm mới của người dân làng Hallwil

Tập tục đập gỗ tiễn năm cũ và đón năm mới rất phổ biến tại bang Agrovie, Thụy Sỹ, vào khoảng những năm 1900. Tuy nhiên, ngày nay, tập tục này chỉ còn tồn tại ở làng Hallwil thuộc bang Agrovie.

Tập tục đập gỗ đón năm mới đòi hỏi người tham gia phải có sức khỏe, sự khéo léo và khả năng cảm thụ nhịp điệu. Ngoài ra, để có thể tham gia vào buổi lễ quan trọng này, người đập phải tập luyện và thực hiện thành thục các động tác đập gỗ trước lễ Noel. Nhịp điệu được sử dụng trong buổi lễ đập gỗ được rút ra từ các bài hát cổ của người xưa.



CỤC THỐNG KÊ THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 80 - Lý Thường Kiệt - Phường Lê Hồng Phong
TP. Thái Bình - Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 0227.3 743 987 - 3 731 920 * Email: thaibinh@gso.gov.vn



NHỮNG TRUYỀN THỐNG ĐÓN NĂM MỚI ĐẸP VÀ ĐỘC ĐÁO TẠI THỤY SỸ

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những cách đón mừng năm mới theo truyền thống độc đáo của riêng mình và Thụy Sỹ cũng không phải ngoại lệ. Dù là một quốc gia rất nhỏ, nhưng đất nước xinh đẹp này có nhiều truyền thống đón năm mới đẹp và độc đáo.

Vào ngày 31/12 hàng năm, người làng Hallwil sẽ dựng một dàn củi lớn trên một quả đồi gần làng. Khi tiếng chuông từ tháp đồng hồ của làng điểm đủ 12 hồi chuông báo hiệu kết thúc năm cũ và bước sang năm mới cũng là lúc dân làng nhóm lửa cho dàn củi khổng lồ và tiến hành đập gỗ. Họ sẽ đập gỗ liên tục cho tới khi dàn củi bị cháy tự sụp xuống. Sau đó, toàn bộ dân làng cùng nhau tới các quán rượu thưởng thức đặc sản của làng, ăn mừng cho một năm mới nhiều may mắn, hạnh phúc.

Theo các chuyên gia văn hóa, tập tục đập gỗ của người làng Hallwil mô phỏng lại động tác đập lúa mì để lấy hạt thuở xa xưa của người dân nơi đây.

Tục rung chuông, thổi tù và đón năm mới ở Laupen

Tục rung chuông (chuông đeo ở cổ bò tương tự như mõ châu ở Việt Nam) và thổi tù và để đón năm mới được gọi là Achetringele (Rung chuông) đã tồn tại từ lâu tại làng Laupen, thuộc bang Berne, Thụy Sỹ.

Vào tối giao thừa 31/12 hàng năm, sau bữa tối, các trai làng sẽ tập hợp tại lâu đài Laupen. Những người tham gia sẽ mang mặt nạ gỗ, mặc áo da thú và vác theo một cái chổi khổng lồ làm từ cây bách xù dài tới 5m.

Đoàn diễu hành sẽ đi chậm, theo sau là các bé học sinh mặc áo ngủ màu trắng, đội mũ chóp nhọn, mỗi bé mang theo một cái chuông bò và rung chuông theo mỗi bước đi. Tới thời khắc giao thừa, người dẫn đầu đoàn diễu hành sẽ tuyên bố bắt đầu thời điểm của năm mới và cầu chúc một năm mới nhiều may mắn, hạnh phúc đến với mọi người dân trong làng.

Tiếp đó là tiếng hú của đoàn người diễu hành và tiếng chuông lại tiếp tục được ngân lên cùng chào đón một năm mới an lành.

Tục đón năm mới tại Urnash

Từ tối 31/12 tới sáng 1/1 hàng năm, người dân làng Urnash, Appenzell thường nhận được những lời chúc tụng năm mới an lành và được hát tặng những bài hát truyền thống vui nhộn từ những vị khách hết sức dễ thương, đó là các Silvesterchlause.

Silvesterchlause là các thanh niên nam nữ trong làng mặc trang phục truyền thống, đeo mặt nạ và đội những chiếc mũ rộng vành rất cầu kỳ hoặc cũng có người lại mặc những bộ quần áo làm từ cành cây thông và lá khô, hay là những nam thanh niên mặc đồ phụ nữ khoác quanh mình những chiếc chuông.

Họ đi hết nhà này tới nhà khác trong làng để chúc tết và hát những bài hát truyền thống của người dân miền núi Thụy Sỹ. Cảm kích trước tấm lòng của các Silvesterchlause chủ nhà thường mời họ ăn uống, tuy nhiên, họ chỉ có thể thưởng thức đồ uống bằng các ống hút mà thôi./.

P.V



Nét đẹp TRONG VĂN HÓA VÀ TẾT CỦA DÂN TỘC BA NA

Minh Đạt

Dân tộc Ba Na có đời sống văn hóa tinh thần phong phú và giàu bản sắc. Nét đẹp trong văn hóa dân tộc Ba Na được thể hiện ở nhiều mặt, từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày đến các lễ hội. Trải qua bao biến đổi của thời gian những giá trị thuộc về bản sắc văn hóa vẫn được người Ba Na gìn giữ và phát triển cho tới ngày nay.

Nét đẹp văn hóa của người Ba Na

Dân tộc Ba Na có các tên gọi khác nhau như: Tơ Lô, Giơ Lâng, (Y Lăng), Rơ Ngao, (Krem), Roh, Con Kde, A La Công, Kpăng Công, Bơ Môn. Tiếng nói của người Ba Na thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer. Năm 2019 dân số dân tộc Ba Na là 286,9 nghìn người. Địa bàn cư trú chủ yếu của người Ba Na là Kon Tum và miền Tây Bình Định và Phú Yên.

Cuộc sống sinh hoạt của người Ba Na gần gũi với thiên nhiên núi rừng nên bản làng của người Ba Na thường quần tụ ở những nơi gần sông, suối. Trong sản xuất từ đầu thế kỷ XX, người Ba Na đã làm ruộng nước và phương thức canh tác này đến nay vẫn được nhiều nơi áp dụng. Ngoài ra, người Ba Na có nhiều ngành nghề thủ công như: Đan, dệt, gốm, rèn trong đó nghề dệt thổ cẩm là một nét văn hoá độc đáo có từ rất lâu đời của người Ba Na. Sản phẩm thổ cẩm dệt bằng tay của người Ba Na nổi tiếng bởi những hoa văn trang trí rất tinh tế, họa tiết thường sử dụng các màu: Đen, đỏ, trắng, tạo ấn tượng mạnh mẽ và trình bày đối xứng phản ánh quan niệm về vũ trụ, triết lý âm dương, trời đất, lấy thiên nhiên làm hình mẫu. Mỗi sản phẩm thổ cẩm của người Ba Na đều ẩn chứa sắc thái văn hóa thể hiện tâm hồn phong phú, phóng khoáng của người Ba Na.

CỤC THỐNG KÊ YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 1028 đường Điện Biên - phường Đồng Tâm - TP. Yên Bái - Tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 0216.3 851 835 - 216.3 851 837 * Fax: 216.3 892 365 * Email: yenbai@gso.gov.vn

Chúc Mừng Năm Mới ❁ Xuân Tân Sửu 2021

Người Ba Na có nền văn hoá dân gian khá đặc sắc. Cồng chiêng của người Ba Na không chỉ là biểu tượng linh thiêng trong thờ cúng mà còn là tài sản có giá trị trong đời sống vật chất. Nhạc cụ của Ba Na rất đa dạng gồm cả bộ dây, bộ hơi và bộ gõ. Múa dân gian Ba Na trong đó có múa phục vụ nghi lễ và biểu diễn ở hội hè được nhiều người ưa chuộng. Trường ca, Truyện cổ của dân tộc Ba Na cũng là những tác phẩm dân gian cổ truyền độc đáo, có giá trị trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam.

Người Ba Na có nhiều lễ hội như: Lễ tạ ơn cha mẹ, lễ đâm trâu, lễ bỏ mả, lễ tạ ơn thần lúa. Những lễ hội không chỉ là dịp để đồng bào tạ ơn trời đất cho vụ mùa bội thu mà còn là dịp vui chơi, đánh cồng chiêng, uống rượu cần...và cũng là dịp để người Ba Na thể hiện tài năng chế biến những món ăn vô cùng độc đáo.

Trong nhà người Ba Na, bất kể là to hay nhỏ, giàu hay nghèo, tất cả đều không thể thiếu Cây cúng. Cây cúng thường nằm trước cột nhà, đối diện với cổng chính. Cúng tạ ơn thần lúa, cúng trong các dịp đám cưới, tang ma… đều diễn ra trước Cây cúng. Để giao tiếp với tổ tiên, người Ba Na lấy sáp ong phơi đến độ dẻo quánh, vo nhỏ như ngón tay út, bên trong có tim đèn, đính lên cây cúng và châm lửa đốt.

Món ăn của người Ba Na có hương vị đặc trưng riêng của núi rừng… Gia vị chế biến các món ăn của người Ba Na được sử dụng tương sinh hài hoà với nhau, nếu món ăn dễ gây lạnh sẽ có gia vị cay nóng đi kèm.

Tết của người Ba Na

Với người Ba Na, lễ hội truyền thống quan trọng nhất trong năm là lễ mừng lúa mới hay còn gọi là Tết mãn mùa (Chrul-col). Tuy nhiên những năm trở lại đây Tết Nguyên đán cũng đã trở nên rất quen thuộc với người Ba Na.

Nếu trong những ngày cuối cùng của năm cũ, người Kinh tiễn ông Táo về trời và cúng rước ông bà về ăn Tết với cháu con thì người Ba Na có hai lễ cúng. Buổi sáng, cúng Ma (ông bà, tổ tiên) và buổi chiều tối cúng Giàng. Trong mâm cúng của người Ba Na khá đơn giản gồm một con gà trống và rượu cần được đặt trước Cây cúng trong nhà.

Trong những ngày Tết Nguyên đán, từ chiều 30 dân làng tập trung tại nhà rông uống rượu cần và xem thanh niên trong làng tổ chức đánh bóng chuyền. Tối đến, dân làng tổ chức văn nghệ trong tiếng cồng chiêng ngân vang cho đến giao thừa. Sáng mồng một Tết, sau khi thắp đèn, cắm hoa lên bàn thờ Chúa, hoa quả lên bàn thờ gia tiên, dân làng kéo nhau đi lễ nhà thờ cầu xin mọi người trong gia đình mạnh khỏe, đất nước thanh bình; mồng hai Tết cầu cho linh hồn người thân trong gia đình siêu thoát; mồng ba Tết cầu mùa màng bội thu, gia đình có của ăn của để. Sau khi đọc kinh và cầu nguyện, bà con về nhà hoặc đi thăm nhau, chúc cho nhau mạnh khỏe. Trong những ngày đón Tết Nguyên đán, người Ba Na đốt lửa suốt ngày đêm và luôn mở rộng cửa đón khách.

Những món ăn trong ngày tết Nguyên đán của ngươi Ba Na không được chuẩn bị công phu như Tết mừng lúa mới song không kém tính độc đáo của các món ăn. Đón tết cổ truyền của dân tộc, người Ba Na cũng gói bánh chưng như người Kinh mà tiếng Ba Na gọi là "Ư guốt". Nguyên liệu làm bánh trưng của người Ba Na cũng từ nếp; nhân đậu xanh, thịt heo; gói bằng lá dong, lá chuối rừng, buộc bằng lạt hay mây. Món thịt xông khói ngày Tết của người Ba Na thường là thịt chuột, thịt trâu, thịt thú rừng...

Trong ngày Tết cơm gạo tẻ được thay bằng cơm nếp với cách nấu truyền thống là cơm lam. Cơm lam của người Ba Na không dùng ống nứa mà họ vào rừng chặt những ống lô ô còn non, giữ lại đầu mấu ở một đầu ống rồi cho gạo nếp và nước vào. Xong nút lại khéo léo đốt bằng lửa và than. Những ống cơm lam của người Ba Na bên ngoài tuy đen đúa nhưng bên trong thơm ngon, hấp dẫn lạ thường.

Rượu cần ngày Tết cũng đặc biệt hơn ngày thường bởi nguyên liệu chính không phải bằng củ mỳ mà bằng hạt gạo xà cơn (gạo đỏ, vỏ lụa dày). Hạt gạo xà cơn cộng với các nguyên liệu từ thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên làm cho rượu có vị ngọt và hương thơm nồng.

Theo quan niệm của đồng bào người Ba Na (Tây Nguyên), những ngày đầu năm mới là thời khắc thiêng liêng cầu được ước thấy. Chính vì vậy, vào dịp này người dân thường dựng cây nêu để chào đón năm mới. Cây nêu ngày Tết được đặt ở giữa làng, việc dựng nêu Tết sẽ tiến hành vào buổi sáng vì người Ba Na luôn đặt tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời. Cây nêu như một chiếc cầu, kết nối bầu trời và mặt đất, để người dân có thể cầu nguyện thần Yàng che chở, ban mưa thuận gió hòa, một năm nhiều may mắn thành quả./.

CỤC THỐNG KÊ LẠNG SƠN
Đường Đinh Tiên Hoàng - Phường Chi Lăng - TP. Lạng Sơn - Tỉnh Lạng Sơn
Điện thoại: 0205.3 812 112 - 3 812 337 * Fax: 0205.3 812 337
Email: langson@gso.gov.vn
Xuân Tân Sửu 2021
Chúc Mừng Năm Mới



Lung linh lễ hội ánh sáng Diwali TRÊN MIỀN ĐẤT ẤN

Ngọc Linh

Diwali là một trong những lễ hội quan trọng nhất trong năm và là nét văn hóa đặc sắc của người Ấn Độ, được tổ chức vào tháng Ashwin (tháng 10) hay tháng Kartika (tháng 11) theo lịch của người Hindu, tùy chu kì của mặt trăng. Lễ hội này xuất phát từ tín ngưỡng huyền thoại về các vị thần của người theo đạo Hindu. Đó là huyền thoại về chiến thắng của thần Krishna trước chúa quỷ Narakasura, đã trở thành biểu tượng cho sự chiến thắng của cái thiện trước cái ác. Hay huyền thoại về Lakshmi, nữ thần của sự giàu có và thịnh vượng và thần Ganesha tượng trưng cho trí tuệ, hạnh phúc. Ở một số nơi, Diwali còn được tổ chức để tưởng nhớ đứa vua Rama, biểu tượng của đức hạnh và lòng chung thủy trong sử thi Ấn Độ. Dẫu có nhiều cách lý giải về nguồn gốc khác nhau, nhưng đều có chung một ý nghĩa, tượng trưng cho những khởi đầu mới và chiến thắng của cái tốt trước cái xấu, của ánh sáng trước bóng tối. Không chỉ thế, Diwali còn là dịp để người dân trên miền đất Ấn cảm nhận không khí lễ hội ấm áp, rũ bỏ hiềm khích, cùng nhau hòa vào niềm vui và cầu nguyện thần linh ban phát những điều tốt đẹp.



Lễ hội Diwali cũng có thể gọi là Tết Diwali bởi nó không khác nhiều so với tết cổ truyền của người Việt Nam đón chào năm mới. Trước khi đón tết, người dân Ấn Độ theo đạo Hindu, Jain và Sikh thường cố gắng làm nốt mọi việc của năm cũ, trả mọi nợ nần để có một năm mới thật suôn sẻ, thuận lợi và tất bật mua sắm, trang hoàng nhà cửa, mua quà lưu niệm tặng người thân. Trên sân thượng, xung quanh tường nhà, lan can, cổng chính, vườn cây… được khoác lên màu áo sơn mới và điểm tô những chùm đèn nhiều màu sắc để bầu trời đêm rực lên ánh sáng lung linh huyền ảo. Những hiên nhà, con phố được rửa sạch và trang hoàng bởi các thảm hình vẽ nghệ thuật rangoli sử dụng các vật liệu bột gạo hoặc cát nhuộm màu cùng với bột mì và cánh hoa từ những bàn tay khéo léo, tài hoa để dâng lên thần thánh với mong ước hạnh phúc và may mắn. Trong các công viên lớn của thành phố, những hình nộm quỷ giữ Ravana, làm bằng khung tre, bọc giấy màu sặc sỡ, vẽ phẩm màu trông dữ dằn, cao từ 15-20 mét, được dựng lên cùng những thanh niên trai tráng trong trang phục cổ xưa, tay lăm lăm cung tên nhảy múa, diễn lại tích thần Rama của người Hindu chiến thắng quỷ dữ Ravana.

CỤC THỐNG KÊ ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: 843 - Tổ dân phố 17, Phường Mường Thanh - TP. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0215.3 825 423 - 0215.3 826 222 * Fax: 0215.3 824 704

Chúc Mừng Năm Mới ❀ Xuân Tân Sửu 2021

Theo quan niệm truyền thống, vào đêm Diwali - đêm được coi là Trăng tối nhất trong năm, người dân Ấn Độ thường đổ dầu vào những chiếc đèn làm bằng đất sét để thắp sáng và để như vậy suốt đêm nhằm đón nữ Thần Laskhmi. Nhưng ngày nay, những chiếc đèn dầu bằng đất sét được thay thế những chuỗi dây đèn màu nhấp nháy bằng điện, treo khắp xung quanh nhà. Lễ hội Diwali không thể thiếu nến và pháo hoa để xua đuổi linh hồn của quỷ và đón chào Thần Ram trở về sau nhiều năm bị lưu đày.

Lễ hội Diwali kéo dài trong 5 ngày, mỗi ngày sẽ có một tên gọi và ý nghĩa khác nhau với rất nhiều sự kiện được diễn ra.

Ngày đầu tiên của lễ hội được gọi là ngày Dhanatrayodashi (hoặc Dhan Teras), là ngày của sự thịnh vượng và giàu có. Đây là ngày 13 kỳ trăng khuyết của tháng Kartika. Vào ngày này, người dân thường đến các khu chợ để mua một vài món nữ trang may mắn nào đó, bởi họ tin rằng việc này sẽ đem lại thịnh vượng và tài lộc cho suốt một năm tới. Những chiếc đèn dầu làm bằng đất được thắp suốt ngày đêm. Vào buổi tối trong suốt dịp tết, lúc những chiếc diyas (đèn và nến) được thắp sáng với mục đích xua đuổi bóng tối – nơi quỷ dữ trú ẩn, cũng là lúc các gia đình Ấn làm lễ cúng Lakshmi. Người ta ca tụng nữ thần Lakshmi bằng bài ca "Bhajan" và dâng lên ngài món bánh ngọt "Navedya". Ở phía nam Ấn Độ, người ta tin hoá thân của nữ thần Lakshmi là những chú bò nên chúng cũng được trang điểm đẹp đẽ và thờ phụng trong dịp lễ hội này.

Ngày thứ hai - Naraka Chaturdashi hay Choti Diwali, là ngày con quỷ Narakasura bị giết chết, mang ý nghĩa cái tốt chiến thắng cái xấu và ánh sáng chiến thắng bóng tối. Theo truyền thống, người ta sẽ tắm vào sáng sớm, lúc mặt trời chưa ló dạng vào ngày Choti Diwali. Trong khi trẻ nhỏ tắm, họ sẽ đốt pháo hoa và pháo nổ để tạo bầu không khí náo nhiệt, vui vẻ. Tắm xong, mọi người thưởng thức món mỳ hấp với đường và sữa hoặc ăn món bánh gạo với sữa đông. Trong ngày tết thứ hai này, người dân Ấn thắp đèn và cầu nguyện cả ngày. Họ tin rằng ánh sáng từ những chiếc đèn diyas không chỉ xua tan bóng tối của sự ngu dốt mà còn là điềm báo về một ngày mai đầy tươi sáng và niềm vui.

Ngày thứ ba – Diwal, ngày của nữ thần Lakshmi Puja - vị thần của những khởi đầu tốt lành. Đây là ngày quan trọng và may mắn nhất trong dịp lễ hội. Vào đêm Diwali, người Ấn Độ giáo sẽ mặc những bộ quần áo mới nhất hay tốt nhất. Những người phụ nữ sẽ mang trên mình trang phục sarry cổ truyền được thiết kế cầu kỳ tỉ mỉ, tôn lên vẻ đẹp bí ẩn và nét đẹp quyến rũ vốn có. Họ thắp sáng diyas cả bên trong và bên ngoài nhà để thể hiện cho chính nghĩa, tham gia puja gia đình (cầu nguyện). Sau lễ cầu nguyện puja, người dân đua nhau bắn pháo hoa trong khoảng hai giờ, khoảng từ 10 giờ đến 12 giờ đêm và cả miền đất Ấn bừng sáng trong ánh sáng lung linh tuyệt đẹp. Sau đó, họ cùng nhau tham gia bữa tiệc gia đình và trao quà tặng cho nhau. Trong ngày Diwali, mọi người còn cùng nhau vui vẻ đánh bạc vì theo truyền thuyết Shiva-Parvati, bất cứ ai đánh bài vào ngày Diwali sẽ đều phát đạt cả năm.

Ngày thứ tư của lễ hội là Govardhan Puja (còn gọi là Annakut), là ngày Krishna đánh bại Indra. Trong ngày này, tượng các vị thần ở các đền thờ được tắm bằng sữa và khoác lên mình những trang phục thật đẹp, đeo những trang sức quý giá. Sau khi cúng xong, người ta dâng các loại bánh ngọt và kẹo lên cho các thần. Còn các món đồ ăn được trang trí đẹp mắt và xếp thành từng ngọn núi nhỏ, tượng trưng cho ngọn núi mà Krishma đã phải vượt qua. Cũng vào ngày này trong lễ hội Diwali ở Ấn Độ, nhiều gia đình còn tổ chức lễ Gudi Padwa tượng trưng cho tình cảm vợ chồng mặn nồng, sâu sắc. Người vợ bôi lên trán chấm đỏ tilak, đeo hoa và cầu thọ cho chồng, trong khi người chồng sẽ tặng cho vợ những món quà.

Ngày thứ năm gọi là Bhaiya Duj trong tiếng Hindi hoặc Bhau Beej trong cộng đồng nói tiếng Marathi, là ngày anh chị em trong gia đình gặp gỡ nhau, bày tỏ sự quan tâm và tình cảm cho nhau.

Trong ánh sáng rực rỡ, lung linh huyền ảo, không khí Lễ hội Diwali thêm nhộn nhịp với điệu múa truyền thống Ấn Độ mê hoặc lòng người, cùng bài hát nổi tiếng Bollywood và cả những tiếc mục xiếc đặc sắc. Vui hơn trong không khí nhộn nhịp là khi mọi người được thưởng thức các món đặc sản truyền thống của người Ấn Độ như cà ri dê hay cánh gà tẩm ướp. Ngoài ra, còn có các gian hàng vui chơi cho trẻ em như lâu đài nhảy múa, tranh cát tô tượng…/.



CỤC THỐNG KÊ BẮC NINH

Địa chỉ: Số 8 Đường Nguyễn Đặng Đạo
Phường Tiền An - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3 824 308 - 3 822 692 * Email: bacninh@gso.gov.vn



Thái Nguyên không chỉ là vùng đất nổi tiếng với đặc sản chè Tân Cương thơm ngon, mà vùng đất ấy còn có một sản vật nức tiếng cả nước đó là bánh chưng Bờ Đậu.

BÁNH CHƯNG BỜ ĐẬU THÁI NGUYÊN: SẢN VẬT NỨC TIẾNG

Xuất xứ của bánh chưng Bờ Đậu

Làng nghề bánh chưng Bờ Đậu thuộc xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, cách thành phố Thái Nguyên khoảng 8km. Điểm làm bánh chưng tấp nập nhất là ngã ba Bờ Đậu, đây được coi là nơi trung chuyển nối tuyến quốc lộ 3 và 37 với trục đường Tuyên Quang - Lào Cai, Điện Biên, Bắc Kạn, Yên Bái…

Theo lời người dân nơi đây, tổ nghề của món bánh chưng này chính là cụ bà Nguyễn Thị Xuân. Cụ Xuân hay còn gọi là cụ Đấng là người của xã Cổ Lũng.

Từ những năm 1960, cụ Đấng sinh sống bằng nghề làm bánh chưng ở xóm Bò Đậu. Nhờ tay nghề điêu luyện, những chiếc bánh chưng của cụ Đấng rất ngon khiến khách hàng ăn một lần mà nhớ mãi. Tiếng thơm đồn xa, ngày càng nhiều người nghe truyền tai tìm đến để mua, thương hiệu bánh chưng Bờ Đậu cứ thế lan xa.

Đến khi tuổi cao, cụ Đấng truyền lại nghề cho con cháu. Nhận thấy nhu cầu tiêu thụ bánh chưng Bờ Đậu khá cao, nhiều người trong làng cũng bắt đầu gói, bánh chưng bán cho khách phương xa. Nghề làm bánh chưng Bờ Đậu được nhân rộng khắp vùng.

Cùng với thời gian, bánh chưng Bờ Đậu đã khẳng định được thương hiệu và trở thành 1 trong 5 làng bánh chưng nổi tiếng nhất miền Bắc. Tiếng thơm của bánh chưng Bờ Đậu đã lan tỏa trên khắp mọi miền đất nước. Những ngày cận tết, du khách từ khắp các tỉnh tìm về đây để đặt bánh làm quà biếu.

Bí quyết tạo nên sự khác biệt của bánh chưng Bờ Đậu

Công đoạn làm nên chiếc bánh chưng Bờ Đậu có nhiều nét độc đáo, gói gọn tinh hoa của đất trời, tâm huyết của người làm trong từng chiếc bánh chưng vuông thành sắc cạnh.

Đặc điểm đầu tiên là bánh chưng Bờ Đậu không hề sử dụng khuôn mà chỉ dùng tay để gói. Đó là một trong những kỹ nghệ riêng biệt chỉ có ở làng Bờ Đậu, mà không nơi nào có thể học hỏi được. Theo những người lành nghề, việc gói bánh chưng bằng tay giúp họ có thể điều chỉnh chiếc bánh thật chặt, vuông đều 8 cạnh bằng nhau. "Trăm hay không bằng tay quen," những người làm bánh chưng Bờ Đậu đầy kinh nghiệm luôn cho ra "lò" những chiếc bánh chưng đẹp mắt, đều nhau tăm tắp. Bánh cho vào luộc không bị méo mó, hay căng phồng, nứt vỡ mà chiếc nào cũng vuông thành sắc cạnh.

Để có được những chiếc bánh chưng Bờ Dậu thơm ngon nức tiếng như ngày nay thì khâu chọn nguyên liệu và sơ chế nguyên liệu cũng hết sức quan trọng. Cũng vẫn là gạo nếp, đỗ xanh, thịt ba chỉ nhưng dưới bàn tay của người dân Sơn Cẩm, Cổ Lũng, bánh chưng Bờ Đậu có một hương vị đặc biệt không thể lẫn với nơi nào. Chính điều này đã tạo nên



sự độc đáo và cuốn hút rất riêng cho món ăn này.

Gạo nếp để làm bánh chưng là gạo nếp đặc sản của núi rừng Định Hóa, thứ gạo dẻo và đặc biệt rất thơm. Sau khi đã loại bỏ hết những hạt gạo có đầu đen hay lẫn một chút gạo tẻ, người ta sẽ tiến hành vo gạo và ngâm gạo trong khoảng vài tiếng đồng hồ để gạo nở ra. Sau đó để ráo nước và cho thêm chút muối để bánh thêm đậm đà.

Lá dong dùng để gói bánh chưng Bờ Đậu phải là loại lá dong nếp dày và có bản rộng. Đặc biệt, lá phải có màu xanh mướt thì gói bánh mới xanh và có màu bên ngoài đẹp mắt hơn. Người dân nơi đây phải chặt lá dong tại khu rừng Na Rì đem về rửa sạch và sau đó để cho ráo nước. Tiếp đến là công đoạn lau khô bằng khăn sạch và tước vợi cuống lá, chặt bớt phần ngọn lá và xếp gọn gàng để chuẩn bị gói.

Lạt dùng để gói bánh chưng Bờ Đậu phải là loại lạt được chẻ từ cây giang của vùng núi Thái Nguyên.

Đậu xanh làm nhân bánh là thứ đỗ quê đều hạt, vỏ mỏng, lòng vàng. Sau khi làm vỡ đôi hạt đỗ, người dân sẽ ngâm nước cho đỗ mềm, sau đó đãi thật sạch lớp vỏ bên ngoài.

Điều đặc biệt tạo nên sự độc đáo riêng của món bánh chưng đặc sản Thái Nguyên này, đó là phần thịt làm nhân là loại lợn do chính người dân nơi đây chăn nuôi dưới hình thức thả rông và cho ăn hoàn toàn từ nguồn thức ăn tự nhiên. Do đó, thịt lợn rất chắc và ăn có vị ngon ngọt hơn loại thịt lợn miền xuôi.

Người dân Cổ Lũng, Sơn Cẩm cha truyền con nối với những bí quyết riêng đã tạo nên những chiếc bánh chưng đặc biệt. Không cần bất cứ loại khuôn nào, dưới bàn tay thuần thục của những người thợ gói bánh, từng chiếc bánh vuông chằn chặn, xanh mướt cứ lần lượt hiện ra.

Sau khi gói xong, bánh được ngâm trước với nước trong khoảng thời gian 30 phút rồi đặt vào những nồi cỡ lớn để luộc trong vòng từ 8-10 tiếng, khi nước cạn phải đổ thêm để cho bánh chín đều từ trong ra ngoài. Một điều đặc biệt nữa chính là nguồn nước được dùng để luộc bánh chưng. Bánh chưng Bờ Dậu được luộc bằng nước suối nguồn trên núi đá phía sau làng Bờ Đậu. Người dân nơi đây vẫn gọi đó là nước "giếng thần". Thứ nước trời cho trong vắt này đã giúp chiếc bánh chưng giữ nguyên được màu xanh lá dong và tạo nên mùi thơm đậm đà hòa quyện trong nồi bánh. Bởi vậy, người làng Bờ Dậu mới có câu ca:

"Bánh chưng luộc nước giếng thần
Thơm ngon mùi vị có phần trời cho"

Làng nghề bánh chưng Bờ Đậu nổi lửa quanh năm, nhưng nhộn nhịp, tấp nập nhất là vào những ngày giáp Tết. Ngoài bánh chưng truyền thống, người dân làng nghề còn sản xuất thêm bánh chưng lá giềng, bánh chưng gấc, bánh chưng nếp cẩm... tạo nên sự phong phú, mới mẻ cho sản phẩm, đáp ứng đa dạng nhu cầu người tiêu dùng.

Về chất lượng của bánh chưng Bờ Đậu, chắc chắn bất cứ ai khi ăn cũng sẽ cảm nhận được hương vị thơm ngon của nó. Bóc chiếc bánh chưng Bờ Đậu, vỏ bánh xanh mướt, dẻo, nhân bánh bùi ngậy



pha chút cay cay, thơm thơm của hạt tiêu, cảm giác như cả đất trời cùng hòa quyện trong từng chiếc bánh và câu chuyện Lang Liêu dâng bánh chưng, bánh dầy biếu vua Hùng lại như hiển hiện./.

T.H

CỤC THỐNG KÊ THÁI NGUYÊN
Số 9 - đường Nha Trang - phường Trưng Vương - TP. Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
Điện Thoại: 0208.3 852 021 - 3 855 780 * Fax: 0208.3 759 655
Email: thainguyen@gso.gov.vn
Xuân Tân Sửu 2021
Chúc Mừng Năm Mới

Ngọt ngào mứt Huế



Tiến Long

Huế được mệnh danh là xứ sở của các loại mứt nên Tết Huế luôn có hàng chục món mứt, từ những loại mứt bình dân, giản dị: Mứt gừng, mứt sen, mứt bí đao… cho tới những loại mứt cầu kỳ, dành cho các buổi yến tiệc trong chốn cung đình xưa: Mứt bát bảo, mứt tứ linh…

Trong bài viết về văn hóa ẩm thực của xứ Huế, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, "ông hoàng bút ký" đã chia món ăn Huế thành 10 hệ, gồm: Hệ món mặn, hệ món chay, hệ cháo súp, hệ dưa mắm, hệ nem chả, hệ bánh mặn, hệ bánh ngọt, hệ mứt, hệ món ăn làm thuốc và hệ món ăn cung đình. Trong 10 hệ ẩm thực ấy, mứt được xếp hàng thứ 8, trên cả hệ món ăn cung đình.

Quả thực, Huế là xứ sở của các loại mứt nên Tết Huế luôn có hàng chục món mứt: Mứt gừng, mứt dừa, mứt chanh, mứt quất, mứt cam, mứt khoai lang, mứt khoa tây, mứt bí đao, mứt củ cải, mứt cà rốt, mứt hạt sen, mứt me, mứt cốc, mứt xoài... Mỗi món mứt có sắc thái riêng, hương vị riêng, nhưng lại giống nhau ở một điểm là đều do mẹ hay do chị em trong nhà tự tay làm ra, chứ không phải là mứt mua ngoài chợ, bởi lẽ, phụ nữ Huế dường như ai cũng giỏi nữ công gia chánh. Chính điều này đã tạo nên hương sắc riêng của mứt Huế và Tết Huế.

Theo truyền thống, trong mỗi phủ đệ của các vương gia hay trong mỗi gia đình quyền quý đều có bí quyết gia truyền làm những món mứt, bánh khác nhau, trong đó có những món mứt, bánh đặc biệt để cung tiến nhà vua và hoàng gia, dâng tặng những bậc tôn trưởng hay cúng dường các chùa chiền ở kinh kỳ. Vì thế ngay từ khi còn nhỏ, phụ nữ Huế đều phải học làm mứt bánh, vừa để thể hiện tài nữ công gia chánh của bản thân, vừa đáp ứng nhu cầu ẩm thực của gia đình trong những ngày Tết, đồng thời cũng là sự tiếp nối truyền thống gia phong. Vì thế mà mứt Huế rất phong phú, đặc sắc.

Nhưng có lẽ món phổ biến nhất và nổi tiếng nhất ở Huế chính là mứt gừng. Tuy nhà nào cũng biết tự làm món mứt này để dùng, nhưng món mứt gừng ngon nhất ở Huế phải là mứt gừng Kim Long. Làng Kim Long nằm ở ven sông Hương, chỉ cần đi ngược về phía thượng nguồn chừng nửa giờ là đến ngã ba Tuần, nơi nổi danh về nghề trồng gừng để làm mứt. Gừng làng Tuần cay nhưng không nồng, rất thích hợp để làm nên những lát mứt gừng hảo hạng. Mứt gừng Kim Long lát mỏng như lụa, được "phiếu" rất trắng rồi mới rim với đường trên than củi. Khi đường ngấm sâu thì mứt được gỡ thành từng lát, duỗi cho thẳng, xếp chồng với nhau rồi mới đem phơi và đóng gói để đưa đi bán ở các phiên chợ Tết. Ngoài ra, mứt gừng làng Phước Tích ở ven sông Ô Lâu cũng rất nổi tiếng, nhưng do làm theo kiểu dân gian, sử dụng gừng già, lát mứt xắt dày, để nguyên mà không cần "phiếu" trắng, nên lát mứt có màu vàng sẫm, tuy không đẹp mắt nhưng có hương vị rất đậm đà, dùng với trà vào những buổi sáng mùa đông thì quả là không gì hợp bằng.



Huế cũng nổi tiếng với món mứt bí đao trắng ngần, ngọt sắt và thơm lừng. Cũng như mứt gừng, mứt bí đao Huế được "phiếu" rất công phu. "Phiếu" là một kỹ thuật chỉ được biết đến trong ẩm thực Huế. Đó là bí quyết làm trắng các loại rau củ trong chế biến ẩm thực bằng hình thức ngâm nước và phơi nắng liên hoàn trong nhiều ngày. Huế có hồ Tịnh Tâm, là nơi trồng sen nổi tiếng trong kinh thành nên cũng nổi danh với món mứt làm từ hạt sen Tịnh Tâm, thơm mềm như tan trong miệng...

Ngoài các loại mứt phổ dụng như trên, ở Huế có những món mứt mà không nơi nào ở Việt Nam có được. Đó là mứt cung đình. Theo sử sách của triều Nguyễn, trong các dịp Tết lễ, triều hội, yến tiệc, nhà vua thường chiêu đãi quốc khách và đình thần nhiều món mứt cung đình như mứt bát bửu, mứt tứ linh, mứt màu hoa, mứt màu quả, mứt nho, mứt táo, mứt dưa, mứt đậu phụng, mứt sơn trà... Ngoài ra trong cung còn có nhiều món mứt đặc biệt khác do các cung tần mỹ nữ khéo tay chế biến để dâng cho vua và thái hậu sử dụng thường ngày.

Mứt cung đình Huế rất phong phú và cầu kỳ. Chẳng hạn, mứt bát bửu hợp thành từ những món mứt quý như mứt hạt sen, mứt kim quất, mứt táo, mứt long nhãn, mứt đậu đỏ... cùng với thịt heo quay và là loại mứt chỉ sử dụng trong những dịp triều hội quan trọng. Mứt cam sành dùng trong dịp Tết thì được chưng trong những chiếc thố làm bằng đồ sứ ký kiểu sang trọng. Mứt sen ngào với đường phèn, cánh nở như hoa rất kiểu cách. Mứt hạt dâu làm từ đậu xanh và đường phèn với phẩm màu thiên nhiên, là loại mứt dùng thay cho hạt dưa vì trong cung không cho phép cắn hạt dưa do cho rằng việc cắn hạt dưa lách tách là vô phép. Mứt màu hoa làm từ đu đủ và bí đao tỉa vẽ công phu.

Có thể nói, mùa Xuân Huế trở nên rực rỡ hơn, ấm áp và ngọt ngào hơn nhờ mứt Tết. Khó có thể hình dung Tết Huế sẽ như thế nào nếu thiếu đi cái hương vị nồng nàn của mứt Tết. Thi thoảng trong làn gió xuân, mùi thơm của những vị mứt lại phảng phất, gợi cảm giác thật ngọt ngào, nồng ấm, nhất là với những người con sống xa quê luôn mong mỏi tìm về với Huế./.



Mùa Xuân VỀ TRÊN RẺO CAO TÂY BẮC

Khi những ngày tấp nập dịp cuối năm qua đi giữa làn hơi lạnh giá của mùa đông còn vương vấn, xuân về cũng là lúc ghi dấu thời khắc đất trời bắt đầu một vòng quay mới. Thời tiết còn chưa vội chuyển mình nhưng sắc xuân rực rỡ, vui tươi rộn ràng đã lan tỏa đến mọi bản làng nơi vùng cao Tây Bắc, thổi làn hơi ấm, rạo rực len lỏi vào từng căn bếp nhỏ, sưởi ấm lòng người dân bản địa cũng như từng du khách đến nơi đây.

Sắc hoa rực rỡ đại ngàn

Xứ sở Tây Bắc được mệnh danh là vùng đất đẹp và đượm tình nhất Việt Nam với phong cảnh núi non trùng trùng, điệp điệp, những thửa ruộng bậc thang rực rỡ sắc màu, khung cảnh vừa nên thơ, vừa hùng vĩ. Lên Tây Bắc mùa nào cũng đẹp, thời tiết bốn mùa mát mẻ, trong lành với đầy hoa thơm, trái ngọt. Đặc biệt khi mùa xuân đến đem theo sức sống khắp muôn nơi, cả vùng Tây Bắc như một tấm khăn thổ cẩm rực rỡ sắc màu, bừng sáng lên vẻ đẹp hoang sơ của núi rừng hiểm trở cùng những cánh đồng hoa bạt ngàn trải dài dưới các thung lũng, triền núi, triền đồi. Đến với các cung đường nơi miền Tây Bắc, ta như lạc giữa tiên cảnh đẹp mê hoặc lòng người.

Ngay từ đầu những tháng cuối năm, hoa cải trắng ở Mộc Châu đã nở rộ từ khắp các thung lũng, với vẻ đẹp mộc mạc tinh khôi như đưa du khách tới một thế giới trong veo, lãng mạn như chốn bồng lai, tiên cảnh. Đây đó trên vùng đất Tây Bắc, hoa cải vàng cũng mọc thành từng cánh đồng có khi rộng dài thăm thẳm, nhưng cũng có khi chỉ là những khóm nhỏ mọc vô tình dưới cội cây già trước cửa những ngôi nhà của đồng bào dân tộc. Những bông hoa cải bé li ti buổi sớm chìm trong làn sương trắng giăng giăng rồi lại bừng lên rực rỡ khi nắng lên xua tan sương mờ.

Từ đầu tháng Giêng Âm lịch là mùa của hoa đào, hoa mận. Sắc hồng rực rỡ của hoa đào cũng chính là tín hiệu đầu xuân

báo hiệu một năm mới căng tràn nhựa sống đang ùa về. Đến với những cung đường trên vùng cao Tây Bắc, nhất là trên các bản làng Sa Pa đều có thể dễ dàng bắt gặp những gốc đào lâu năm được trồng ngoài bản, trước cửa nhà, trên đường đi qua bản. Đào phai phơn phớt hồng, đào rừng thì đỏ thắm. Còn ở trên các cao nguyên, thung lũng Mộc Châu, những bông hoa mận bung màu trắng tinh khôi, điểm xuyết những chồi non, lộc biếc khiến cho bức tranh khung cảnh Tây Bắc đẹp hoang sơ mà say đắm.

Khi những cơn mưa xuân làm rơi rụng những cánh hoa đào cũng là lúc hoa ban vào mùa nở rộ. Cùng với những đồi chè, thửa ruộng bậc thang, những con đường uốn lượn đã cùng góp thêm sắc màu cho bức tranh khung cảnh Tây Bắc ngày xuân.

Đậm đà bản sắc lễ hội vùng cao

Miền núi Tây Bắc hội tụ hơn 20 tộc người cư trú vì thế các Lễ hội xuân nơi đây thường rất đa dạng và đậm đà bản sắc dân tộc trong đó phải kể đến cộng đồng người Tày, Nùng có Lễ hội Lồng Tồng; Cộng đồng người Thái, Mường có Lễ hội Cầu an; người Mông có Hội Gầu Tào; đồng bào dân tộc Tày, Dao có Lễ hội Xuống đồng… Mỗi lễ hội đều có nét đặc trưng riêng nhưng đều được đồng bào các dân tộc tổ chức để cảm tạ các vị thần linh cai quản núi rừng, sông suối, cầu mong cho mùa màng tốt tươi, mưa thuận gió hòa người dân mạnh khỏe, no ấm.

Lễ hội Roóng Poọc của người Dáy Tả Van theo tiếng Giáy thì "Roóng" nghĩa là xuống, còn "Poọc" nghĩa là đồng ruộng, vì thế lễ hội được tổ chức ở cánh đồng, nằm bên dòng suối Mường Hoa thơ mộng. Đây là lễ hội cầu mùa, mở đầu cho một năm mới thuận lợi, cầu mong thần linh phù hộ cho ngô lúa tốt tươi, chăn nuôi phát triển, xóm làng bình yên, mọi người khỏe mạnh.

Lễ hội Xên bản, xên mường (lễ hội cầu an) là một lễ hội lâu đời của dân tộc Thái, có từ thế kỷ 13 thường diễn ra khi mùa hoa ban nở khoảng tháng Giêng hoặc tháng 2 Âm lịch. Qua lễ hội đồng bào tạ ơn trời đất, tổ tiên, tỏ lòng biết ơn đến các vị thần linh đã khai sáng, lập bản, dựng mường cũng cầu xin trời đất cho mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi, làm ăn phát triển, cầu mong cho người Thái được ấm no, hạnh phúc.

Lễ hội xuống đồng hay còn gọi là hội cầu mùa của đồng bào dân tộc Mường thường được tổ chức vào đầu tháng giêng âm lịch hàng năm. Nét đặc sắc của lễ hội là nghi thức rước vía lúa có từ hàng ngàn năm để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người được bình an, khỏe mạnh. Những bó lúa đẹp nhất được rước, dâng cúng thần linh, sau những nghi thức tâm linh, lúa giống sẽ được phân phát về cho các bản, mở đầu cho mùa sản xuất trong năm.

Lễ hội nhảy lửa là một trong những lễ hội mùa xuân độc đáo, lạ lùng, được nhiều người biết đến ở miền núi cao Tây Bắc. Lễ hội nhảy lửa thường được dân tộc Dao và dân tộc Pà Thẻn tổ chức vào khoảng thời gian cuối năm đến ngày rằm tháng Giêng Âm lịch. Theo quan niệm của các dân tộc này, tổ chức lễ hội nhảy lửa để tạ ơn thần linh đã phù hộ cho một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cầu mong thần linh tiếp tục che chở phòng tránh được tai ương, cuộc sống ấm êm no đủ.

Lễ hội Gầu Tào là lễ hội mùa xuân truyền thống được người Mông trông chờ nhất vào dịp đầu xuân. Liên quan đến nguồn gốc lễ hội Gầu Tào, nhiều người Mông kể lại rằng, trước đây những cặp vợ chồng người Mông nào lấy nhau nhiều năm chưa sinh được con cái, người chồng sẽ lên một quả đồi nào đó cầu xin thần đồi, thần núi phù hộ gia đình sinh được con. Nếu sau khi các thần nghe thấu lời thỉnh cầu phù hộ gia đình sinh được con như ý nguyện, trong 3-5 năm, gia đình đó sẽ tổ chức lễ Gầu Tào mời họ hàng, làng bản đến chia vui, tạ ơn các vị thần đã giúp đỡ.

Các lễ hội văn hóa được tổ chức vào mùa xuân của đồng bào dân tộc Tây Bắc dù đa dạng phong phú nhưng đều có phần hội với nhiều hoạt động văn hóa độc đáo như: Múa khèn, múa gậy, ném còn, thi bắn nỏ, thổi đàn môi, hát giao duyên... Lễ hội đầu xuân cũng là dịp để các đôi trai gái mặc quần áo đẹp, xúng xính khăn váy đi dự hội, đi chợ phiên, chợ tình, trao nhau tiếng cười, câu chuyện và là nơi nên duyên của nhiều cặp vợ chồng. Cùng với muôn hoa đua nở, các lễ hội văn hóa đã góp phần tô điểm cho rẻo cao Tây Bắc không chỉ là một bức tranh phong cảnh tĩnh lặng mà còn bừng lên không khí sinh động, từng bừng và tràn đầy sức sống trong những ngày xuân./.

M.H



Nghệ thuật thư pháp

NÉT ĐẸP VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM

Hùng Đạt

Thư pháp là nghệ thuật tạo hình chữ viết. Thông qua thư pháp thể hiện những suy nghĩ nội tâm của người viết và giúp người viết rèn sự kiên trì, cẩn trọng, tỉ mỉ, chiêm nghiệm những triết lý của cuộc sống. Theo thời gian, Thư pháp đã hòa trong mạch sống nghệ thuật dân tộc và có ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Ngày nay, nghệ thuật thư pháp thường được tái hiện vào các dịp lễ, tết cổ truyền của dân tộc với hình ảnh ông Đồ bên bút lông và giấy đỏ.

Sự ra đời của nghệ thuật thư pháp

"Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua"

Đây là bốn câu thơ nổi tiếng về "Ông Đồ" của Vũ Đình Liên đã phác họa hình ảnh môn nghệ thuật Thư Pháp.

Thư pháp có nghĩa ban đầu là phương pháp viết chữ chuẩn xác, cho đẹp, nhưng cùng với thời gian, thư pháp đã vượt ra khỏi ý nghĩa ban đầu và trở thành nghệ thuật viết chữ cách điệu, tạo ra những hình tượng nghệ thuật thể hiện ý tứ sâu xa của tác giả. Thư Pháp vốn xuất thân từ Trung Hoa và được du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên thời nhà Hán. Tác phẩm Thư pháp đầu tiên của Việt Nam được tìm thấy là dòng chữ "Đại Tuỳ Cửu Chân quận Bảo An đạo tràng chi bi văn" đắp theo lối chữ "triện" trên trán bia ở làng Trường Xuân (Thanh Hóa). Tác phẩm Thư pháp này hiện đang được trưng bày ở viện bảo tàng lịch sử.

Lịch sử hình thành nghệ thuật Thư pháp chữ Hán tại Việt Nam tương tự bộ môn thư pháp tại Trung Hoa song việc biểu hiện mỹ cảm lại có những điểm tương đối khác biệt như: Nét bút mềm mại mà không yếu đuối, sâu lắng mà không trầm tích, phóng mà không cuồng. Để viết được thư pháp bằng chữ Hán người viết cần phải am hiểu về ý nghĩa của các chữ, có nền tảng kiến thức thâm sâu về kết hợp và phân bố hình khối, tạo dáng chữ qua từng đường nét.

Nghệ thuật thư pháp chữ Việt thời hiện đại

Cùng với thời gian, chữ Quốc ngữ ra đời với các mẫu tự Latinh, nhiều người Việt mong muốn viết chữ sao cho đẹp và thư pháp chữ Việt Latinh cũng bắt đầu được manh nha từ đó. Sự xuất hiện của Thư pháp chữ Việt hiện đại là sự đột phá mới mang tính sáng tạo trong nghệ thuật dân tộc, khi vừa mang tính đổi mới với việc sử dụng chữ Latinh, vừa đậm nét truyền thống với phong cách nghệ thuật cổ xưa.

Khác với nghệ thuật Thư pháp chữ Hán, Thư pháp chữ Việt không nằm trong khuôn khổ mà tự do, phá cách nhiều hơn. Tính biểu cảm trong nghệ thuật Thư pháp chữ Việt thể hiện khá rõ nét, thẩm mỹ của người viết cũng như thị hiếu của người thưởng lãm thường hướng đến sự đơn giản hài hòa bình dị, mang chất thơ, chất lãng mạn. Nội dung trong Thư pháp chữ Việt thường là ca dao, tục ngữ, những lời dạy của danh nhân, những bài thơ giàu chất trữ tình… Mỗi tác phẩm Thư pháp chữ Việt tùy vào cảm xúc, suy nghĩ nội tâm của người viết mà tạo nên khi là bức thư họa với sắc thái nhẹ nhàng thanh thoát nhưng có khi là bức thư họa ảo điệu khói sương… khiến người thưởng lãm bức thư họa như lạc

vào thế giới nghệ thuật trầm ảo và lắng đọng.

Thư pháp chữ Việt được thể hiện trên nhiều chất liệu như: Giấy, vải, gỗ, đá, trái cây, tranh tre, khảm trai và cả trên gốm sứ. Thư Pháp chữ Việt được phổ cập, đi theo hai hướng: Hướng thứ nhất, xuất phát từ sự hoài niệm về một thời ngự trị của chữ Hán, chữ Nôm. Những nghệ nhân đã biểu đạt hình thức chữ Việt (với các mẫu tự Latinh) theo các khối hình tròn hoặc vuông của chữ Hán hoặc kiểu chữ viết "ngược" chỉ đọc được dễ dàng khi nhìn phía sau trang giấy. Hướng thứ hai, biểu đạt hình thức chữ Việt theo dạng chữ viết vốn có nguồn gốc từ Phương Tây dùng cho hệ thống mẫu tự Latinh. Trong xu hướng này có sự sáng tạo mang tính đột phá khi kết hợp cái thần của ngọn bút lông với nét chữ quốc ngữ để tạo ra nghệ thuật Thư pháp chữ Việt hiện đại mà chúng ta thấy ngày nay.

Những năm gần đây, "Thư pháp chữ Việt", "Thư pháp Quốc ngữ" (chữ Latinh) đã bắt đầu khởi sắc và trở thành phong trào phát triển khá mạnh mẽ. Thư pháp chữ Việt không chỉ xuất hiện trên những tấm thiệp tặng bạn bè vào dịp đầu xuân, xin chữ trên lịch, trên các sản phẩm trang trí, hay trong các hội chữ dịp Tết, tranh thư pháp chữ quốc ngữ được sử dụng khá phổ biến trong các không gian mang hơi hướng hoài cổ như các quán trà đạo, câu lạc bộ nghệ thuật dân gian… Ngoài ra, nhiều gia đình cũng lựa chọn treo tranh thư pháp như một hình thức trang trí, tạo sự hài hòa cho ngôi nhà. Để mở rộng bộ môn nghệ thuật Thư pháp đến nay đã có không ít các câu lạc bộ, các lớp giảng dạy thư pháp được mở ra thu hút ngày càng nhiều bạn trẻ theo học./.






Khám phá trang phục truyền thống

Sari (Ấn Độ)

Sari được đánh giá là trang phục truyền thống đẹp nhất của Ấn Độ. Những bộ sari truyền thống thể hiện sự tinh tế, cầu kỳ, đây cũng là nét đẹp và là sự tự hào của người dân Ấn Độ nói chung và phụ nữ Ấn Độ nói riêng.

Những bộ trang phục Sari đã trải qua lịch sử hàng trăm năm nhưng vẫn không hề thay đổi hình thức, kiểu dáng thiết kế. Sari truyền thống được làm từ các mảnh vải quấn quanh người với nhiều hoa văn và màu sắc khác nhau, tạo nên vẻ quyến rũ và sang trọng cho phụ nữ. Khi may những bộ trang phục Sari, điều quan trọng nhất chính là chọn vải và màu sắc, bởi màu sắc là yếu tố phản ánh hoàn cảnh của người mặc. Ví dụ như, người đạo Hồi mặc Sari màu xanh lá, cô dâu mặc Sari màu đỏ, phụ nữ góa chồng mặc sari màu trắng còn tầng lớp hạ lưu mặc màu xanh da trời. Sau đó là đến thiết kế với những họa tiết in, thêu tay.

Ngày nay, tại các thành phố lớn của Ấn Độ, phụ nữ chỉ mặc Sari trong các dịp lễ quan trọng trong khi ở vùng nông thôn thì Sari vẫn là trang phục chủ yếu. Trang phục Sari hiện đại thường được trang trí bởi các họa tiết thêu tinh xảo, viền ren, hoa văn, thậm chí đính đá quý.

Kimono (Nhật Bản)

Có lịch sử hơn 1000 năm, trang phục Kimono theo tiếng Nhật nghĩa là trang phục để chỉ chung tất cả các loại quần áo, nhưng trải qua những thăm trầm, biến cố trong lịch sử với những lần thay đổi hình dáng, màu sắc, tên gọi Kimono đã trở thành cái tên quen thuộc và nổi tiếng toàn thế giới khi nói về trang phục người Nhật.

Một bộ kimono bình thường được thiết kế theo một phong cách tự do, được nhuộm màu toàn bộ bề mặt hoặc dọc theo đường viền. Kimono thường có 4 mảnh chính, hai mảnh làm nên thân áo, hai mảnh làm thành tay áo. Các mảnh nhỏ còn lại làm nên cổ áo và miếng lót hẹp. Mỗi bộ kimono đều được làm thủ công và mang tính đơn chiếc. Đó là một tác phẩm nghệ thuật công phu, tỉ mẩn từ khâu chọn vải, kết hợp màu sắc, trang trí hoa văn và lựa chọn các phụ kiện đi cùng.

Kimono không phải người nào, lứa tuổi nào, tầng lớp xã hội nào cũng mặc như nhau mà sẽ có sự phân biệt theo tuổi tác, tầng lớp xã hội và thậm chí theo từng mùa. Việc mặc Kimono khá phức tạp và công phu, theo nguyên tắc trước sau, trái phải, phụ kiện đi kèm… Trung bình việc mặc một bộ Kimono chính thống thường kéo dài từ 1-2h đồng hồ với việc mặc 3 lượt áo kimono, thắt 7 lần và đeo 2 dải lưng Obi, cài trâm, bới tóc… (Một dải dây lưng Obi dài đến 4,2 mét, rộng 30 cm và có hơn 100 kiểu thắt Obi). Ngoài ra, người mặc Kimono còn phải đi guốc gỗ và tất tabi trắng.






của một số nước trên thế giới

Trang phục truyền thống của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có những nét đặc trưng riêng, không chỉ tôn lên vẻ đẹp của người dân khi khoác lên người mà còn thể hiện màu sắc đa văn hóa của mỗi quốc gia trên thế giới. Thông qua việc tìm hiểu những bộ trang phục truyền thống của các nước, chúng ta sẽ hiểu thêm về sự đa dạng phong phú về văn hóa, tín ngưỡng phong tục tập quán của họ.

Mỗi loại Kimono được sử dụng cho một dịp riêng biệt và cũng vì vậy nó khác nhau về chất liệu, hoa văn, kiểu dáng. Thông thường, loại vải được dùng là lụa nhưng Yukata (Kimono mùa hè) thường được làm bằng vải cotton.

Ngày nay, người Nhật chỉ mặc Kimono vào các dịp lễ, Tết, đám cưới và tiệc trà đạo... để thể hiện tính trang nghiêm, lịch sự. Phụ nữ Nhật mặc Kimono phổ biến hơn nam giới, thường có màu sắc và hoa văn nổi bật. Nam giới dùng Kimono chủ yếu trong lễ cưới và buổi lễ trà đạo. Kimono dành cho nam giới thường không có hoa văn và màu sắc tối hơn. Tuy nhiên, Kimono là một trong những trang phục có mức giá khá đắt đỏ cũng như cách ăn mặc cầu kì, không phải ai cũng có thể sở hữu được một bộ Kimono ở thời hiện đại.

Hanbok (Hàn Quốc)

Hanbok là trang phục truyền thống của Hàn Quốc (tại Triều Tiên gọi là Joseon-ot). Cũng giống như Kimono của Nhật Bản, Hanbok có thiết kế rất cầu kỳ với màu sắc tươi sáng. Thiết kế của Hanbok thường gồm váy chima dài, áo Jeogori ngắn, bên trong là nhiều lớp váy khác nhau để chân váy phồng lên. Loại vải ramie dùng để may Hanbok được dệt từ vật liệu tự nhiên cũng như nhuộm bằng màu chiết từ vỏ cây và hoa.

Hầu hết từ trẻ em cho đến phụ nữ tại Hàn Quốc đều sở hữu một bộ Hanbok. Trước kia nam giới cũng có Hanbok nhưng hiện nay đã không còn phổ biến như Hanbok nữ.

Vẻ đẹp của Hanbok thể hiện ở đường cong mềm mại của áo khoác lửng Jeogori bên ngoài và phần váy phồng. Tùy vào từng mùa, nghi lễ hoặc sự kiện mà Hanbok có màu sắc, chất liệu, cách mặc khác nhau.

Đối với người Hàn Quốc ngày trước thì Hanbok còn có ý nghĩa thể hiện sự phân biệt đẳng cấp xã hội với những quy tắc khắt khe về ký hiệu hoa văn, màu sắc và ý nghĩa biểu trưng của nó. Chẳng hạn thời xưa, Hanbok của giới thượng lưu mới được dệt từ cây gai hoặc một loại vải nhẹ cao cấp để người mặc thoải mái hơn, dễ chịu, nhẹ nhàng hơn khi số lớp vải nhiều và độ xòe nhìn chung khiến Hanbox khá nặng. Nhưng người dân thường thì chỉ được phép mặc Hanbok làm từ vải bông đơn thuần như vải gai, bông, muslin, lụa và satin. Tùy theo mùa và từng vùng khác nhau mà Hanbok có thể được khoác thêm lớp áo khoác hoặc may Hanbok có vải lót lông cho ấm.

Thai Chakkri, Thai Borompiman và Thai Siwalai (Thái Lan)

Trang phục truyền thống Thái Lan có nhiều loại trong đó có 3 loại phổ biến nhất được dùng cho tới tận bây giờ là Thai Chakkri, Thai Borompiman và Thai Siwalai.

Trang phục truyền thống của Thái Lan được may khá thoải mái, màu sắc đa dạng, tinh tế, vừa đem lại sự dễ chịu khi mặc, vừa tạo nên nét thanh lịch cuốn hút lạ thường. Trang phục truyền thống này thường được may bằng lụa,



CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM

Địa chỉ: Số 112 - đường Nguyễn Viết Xuân - Phường Trần Hưng Đạo - TP. Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.3 844 858 - 3 852 788 * Email: hanam@gso.gov.vn

không chỉ dành cho phụ nữ mà còn có cả cho nam giới.

Thai Chakkri được sử dụng nhiều vào những dịp quan trọng. Trang phục này gồm một chiếc váy dài quấn quanh người và một chiếc khăn dệt để vắt qua vai. Vừa kín đáo vừa hờ hững, Thai Chakkri giúp tôn nên nét đẹp hiện đại của người phụ nữ. Có lẽ điều này sẽ khiến cho không ít các vị khách du lịch Thái Lan là nữ muốn một lần được trải nghiệm.

Trong khi đó, Thai Borompiman có phần "kín cổng cao tường" và giản dị hơn Thai Chakkri. Thai Borompiman được thiết kế với áo dài tay, chân váy cùng tông màu, dài hết chân. Kiểu trang phục này khá tôn dáng và thường được sử dụng trong tiệc tối.

Thai Siwalai cũng là trang phục đem lại sự sang trọng và quý phái cho nữ giới, thường được mặc trong những dịp quan trọng. Thai Siwalai cũng rất đa dạng về màu sắc, có thiết kế áo dài tay, chân váy dài và thêm chiếc khăn vắt qua vai tăng thêm về nữ tính.

Lederhosen và Dirndl (Đức)

Lederhosen là trang phục truyền thống của nam giới Đức. Lederhosen đã từng phổ biến rộng rãi ở vùng Alpine và các vùng lân cận, bao gồm Bavaria, Áo, Thụy Sĩ, và khu tự trị của Ý.

Được ra đời tại vùng Bavaria của nước Đức, Lederhosen là chiếc quần lửng quai đeo dành cho nam giới người Đức. Lederhosen dài đến đầu gối và làm từ da, kết hợp với giày mộc và tất len. Đi cùng với Lederhosen thường là một chiếc áo sơ mi giản dị, nhưng hiện nay người ta thường kết hợp với một chiếc áo sơ mi kẻ sọc trắng có màu sắc khác.

Dirndl, nghĩa là "cô gái trẻ", được xem là trang phục truyền thống của phụ nữ miền Nam nước Đức, đặc biệt là vùng Baravia và nước Áo.

Bắt nguồn từ trang phục của nông dân vùng Alpine, Dirndl còn được gọi là Landhausmode. Xưa kia bộ trang phục này được phụ nữ Đức diện ở mọi nơi khi ở lễ hội, đi chợ hay cả khi ở nhà. Nhưng ngày nay những trang phục Dirndl chỉ được diện ở những lễ hội nông thôn.

Dirndl có thiết kế phần váy dài qua đầu gối, xếp li nhỏ với đai lưng thắt nơ. Phần thân trên màu trắng, cổ vuông khoét sâu, chẽn ngực và tay bồng, cùng một chiếc tạp dề cách điệu đằng trước. Tuỳ theo mùa mà bộ trang phục này sẽ có những khác biệt. Các bộ trang phục Dirndl phong cách mùa đông có váy nặng, ấm. Tạp dề làm bằng bông dày, vải lanh, nhung hoặc len với tay áo dài. Màu sắc thường rất phong phú và đa dạng. Phong cách mùa hè nhẹ nhàng và có họa tiết nổi bật hơn, với tay áo ngắn và thường được làm từ bông nhẹ.

Ngày nay, Dirndl được mặc nhiều trong các lễ hội bia ở Đức và Áo, đặc biệt là vùng Bavaria. Dirndl cũng là trang phục của các nữ tiếp viên trong các nhà hàng bia truyền thống của Đức và các phụ nữ trong ngành du lịch.

Đặc biệt, hàng năm vào tháng 10, các du khách từ khắp nơi trên thế giới đổ về Munich tham gia lễ hội bia lớn nhất thế giới: Oktoberfest. Đây là dịp để các cô gái diện cho mình những chiếc Dirndl rực rỡ đủ màu sắc, cùng ca hát, nhảy múa hoà mình vào cùng với âm nhạc và những vũ điệu. Còn các chàng trai Đức thì khoác lên mình những bộ Lederhosen mạnh mẽ và thanh lịch… Những hình ảnh đó đã tạo nên nét độc đáo trong văn hóa nước Đức.

Sườn xám (Trung Quốc)

Sườn xám Trung Quốc là một trong số những trang phục truyền thống gợi cảm nhất ở Châu Á. Đây là loại váy áo liền thân và có sự thiết kế pha trộn giữa văn hóa Trung Quốc và phong cách hiện đại của phương Tây.

Người ta cho rằng sườn xám của Trung Quốc ra đời ở Thượng Hải vào những năm 1920, tuy nhiên, phải đến những năm 1930-1940 mới là thời kỳ rực rỡ nhất của sườn xám Trung Quốc. Đặc biệt là vào những năm 1930, sườn xám đã trở thành một phần không thể thay thế được đối với người phụ nữ, trở thành một biểu tượng tiêu biểu cho trang phục của phụ nữ Trung Quốc.

Là một bộ trang phục khá kén người mặc, sườn xám được may đo với phần cổ áo dựng may ôm sát thân cùng hàng cúc chéo sang một bên và phần dưới là hai tà xẻ cao tới đùi tạo sự thướt tha và quyến rũ. Chất liệu để may sườn xám thường là bằng tơ lụa với những họa tiết được thêu tỉ mỉ bằng chỉ ngũ sắc tạo nên sự mềm mại, duyên dáng cho người mặc. Ngày nay, người dân Trung Quốc không chỉ mặc sườn xám trong những dịp lễ đặc biệt mà còn được sử dụng trong ngày thường với những đường nét đã được cách tân hợp thời trang.

(Xem tiếp trang 89)

CỤC THỐNG KÊ HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 3 Đinh Tiên Hoàng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3 745 367 - 3 747 234 * Fax: 0225.3 747 240
Email: haiphong@gso.gov.vn
Xuân Chúc Mừng Năm Mới Tân Sửu 2021





Nét duyên thổ cẩm Châu Phong

Nằm phía bên kia sông Hậu, làng Chăm Châu Phong thuộc thị xã Tân Châu không chỉ là làng cổ mang đậm nét đặc trưng văn hóa Chăm ở vùng đầu nguồn châu thổ Cửu Long mà còn nổi tiếng với làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm.

Trúc Linh

Nghề dệt của người Chăm nói chung và nghề dệt thổ cẩm của người Chăm ở Phũm Soài, xã Châu Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang nói riêng ra đời từ rất sớm và phát triển mạnh mẽ cho đến ngày nay. Theo các cụ cao niên ở đây, nghề phát triển bắt đầu từ khoảng những năm đầu của thế kỉ XIX. Xưa kia, hầu như trong nhà của bất kì người Chăm nào cũng có ít nhất một khung dệt và nghề dệt trở thành công việc mà bất cứ người phụ nữ Chăm nào cũng phải biết. Khi mới 10 – 12 tuổi, thiếu nữ Chăm đã được hướng dẫn những thao tác đơn giản nhất của nghề dệt.

Các sản phẩm dệt thổ cẩm của người Chăm thường xuất hiện trong đời sống hằng ngày của con người nơi đây như trang phục của người phụ nữ với váy, áo, khăn đội đầu; xà rông của nam giới… với màu sắc, hoa văn, họa tiết khác nhau như: sóng nước, vân mây, ô vuông, kẻ sọc, lồng đèn, bông dâu… Đôi khi, họ cũng tiếp thu những kiểu hoa văn mới lạ, đẹp mắt từ nơi khác và kết hợp với kiểu hoa văn truyền thống để làm cho sản phẩm thêm phần sinh động và mới mẻ hơn. Tuy nhiên yếu tố truyền thống vẫn là dòng chảy xuyên suốt trong các sản phẩm. Chính vì vậy, những sản phẩm dệt thổ cẩm của người dân Châu Phong mang đậm bản sắc văn hóa Chăm, vừa có sự mềm mại, duyên dáng, lại vừa thể hiện sự tinh xảo từ cách phối màu, lên bố cục đến đến kỹ thuật dệt, tạo hình hoa văn…

Theo người Chăm nơi đây, để tạo nên những tấm thổ cẩm độc đáo, đòi hỏi phải trải qua nhiều công đoạn, thời gian với nhiều công cụ trong một quy trình sản xuất độc đáo. Đầu tiên là khâu chuẩn bị nguyên liệu. Người Chăm không dùng trực tiếp ống chỉ mua về mà chia ra thành nhiều ống nhỏ trước khi kéo canh. Thông thường, họ chỉ sử dụng 3 loại chỉ là chỉ cotton (dùng cho trang phục cả nam và nữ), tơ (dành cho các mặt hàng dệt cao cấp, thường là trang phục cưới của cô dâu hay những trang phục lễ hội dành cho phụ nữ) và polyester (là loại chỉ dày nên chỉ dùng để làm túi xách, khăn choàng, ít khi may trang phục). Chỉ dùng để dệt cũng có nhiều kích cỡ khác nhau sợi có số càng lớn thì càng mảnh, thêu lên nét càng thanh.

Bên cạnh đó, nghề dệt thổ cẩm của người Chăm còn có một công đoạn nữa là nhuộm. Ở công đoạn này, người Chăm An Giang cũng tự chuẩn bị nguyên liệu là một vài loại đất đá, kết hợp với các loại rễ cây, lá cây và trái cây, để chế thành thành phẩm nhuộm.

Tiếp đến, để chỉ cứng hơn, họ phải tiến hành hồ sợi bằng cách đun sôi một nồi nước lớn có pha loãng một ít bột gạo. Sau khi sợi/chỉ được nhúng vào nước cho ướt đều, họ đem vắt kiệt cho thật ráo mới cho vào nồi nước hồ này để nhúng. Hồ bám đều quanh sợi, họ lại vắt ráo và đem đi phơi khô trước khi mang đi quay.



Vì là nghề thủ công nên các công cụ làm nghề dệt thổ cẩm của người Chăm ở An Giang cũng rất đơn giản, bao gồm: Sa quay chỉ, khung kéo canh và khung dệt. Sợi cotton sau khi mua về được đưa vào sa đảo để quay thành con chỉ. Sau khi chỉ được quay thành con, người ta đem con chỉ ngâm trong nước 1 đêm, đến sáng mang đi tẩy trắng. Sau đó, dùng bột gạo để hồ chỉ khoảng 30 phút cho sợi chỉ săn lại và đem chỉ phơi nắng cho khô.

Với tơ, trước tiên phải dùng nước tro để tẩy chất nhờn của con tằm còn bám trên sợi tơ, rồi ngâm tơ với nước vo gạo m đêm mới mang đi hồ tơ. Tơ được hồ bằng bột gạo tẻ, nấu sệt như cháo loãng.

Sau công đoạn tẩy trắng và xử lý sợi là quay sợi vào các ống chỉ suốt để thực hiện việc mắc canh, tạo hoa văn cho vải.

Nghề dệt thổ cẩm của người Chăm có kỹ thuật rất đặc biệt. Khác với kiểu dệt Ikat – dệt xà rông, dệt thổ cẩm phải xen kẽ giữa go nền và go hoa văn. Để xỏ xong go cho một khung dệt, trung bình họ mất khoảng 3 ngày. Họ có thể sử dụng nhiều loại go, go 12, 13, 14… khi go 18 người ta không dùng bằng kẽm mà đan bằng chỉ dùng để dệt tơ cho vải dày, giá thành cao hơn. Ngoài ra, số lượng khung go thay đổi khác nhau tùy từng loại hoa văn như: Dệt thổ cẩm hoa văn dạng bông dâu cần 12 khung go, dạng mắt xích phải có 10 khung go, dạng mắc võng cần 9 khung go, hoa văn con thoi, cánh quạt 8 khung go…

Đặc biệt, khi dệt với nguyên liệu chỉ tơ, sợi khá mảnh và dễ đứt nên người Chăm không dùng sợi go lược kẽm mà thay bằng go lược chỉ sẽ giúp cho sợi chỉ khít hơn, khi dệt sản phẩm sẽ khắc mặt, mịn hơn.

Nhờ kỹ thuật dệt thủ công, với những nguyên liệu là sợi tơ được nhuộm bằng các nguyên liệu tự nhiên làm cho màu sắc trên sản phẩm luôn tươi tắn, bền màu và mang đặc trưng riêng không lẫn với những loại sản phẩm tơ sợi ở nhiều địa phương khác.

Ngày nay, nghề dệt thổ cẩm của người Chăm cũng đã khác trước rất nhiều bởi thay bằng tơ công nghiệp nhưng hoa văn và cách nhuộm vẫn giữ nguyên phong cách truyền thống. Các sản phẩm dệt cũng ngày càng đa dạng hơn vì giờ đây dưới đôi bàn tay khéo léo của những thôn nữ, những chiếc khăn choàng, xà rông túi đeo, khăn bịt tóc và thậm chí khăn tắm cũng đã tinh xảo hơn. Hàng hóa cũng không chỉ dừng lại ở phục vụ gia đình mà đã được thương lái tới mua và nhiều sản phẩm đã có mặt ở một số quốc gia trên thế giới.

Theo thống kê, làng Chăm Châu Phong hiện có gần 500 hộ đồng bào Chăm, trong đó, ấp Phũm Soài có khoảng 300 hộ, phần lớn làm nghề dệt thổ cẩm. Chính vì vậy, nơi đây đã trở thành điểm đến của cộng đồng du lịch hút khách với chương trình "trở thành một người Chăm". Đa số khách du lịch đến đây đều cảm thấy hài lòng khi được đi thăm các cơ sở dệt tại nhà của người dân. Không những thế, du khách còn được trải nghiệm vai thôn nữ dệt thổ cẩm và múa những vũ điệu độc đáo cũng như thưởng thức các món ăn mang đậm hương vị nơi đây.

Đến với làng dệt cổ Châu Phong, ngắm nhìn những cô thôn nữ duyên dáng trong những bộ trang phục truyền thống đang ngồi quay tơ, dệt thổ cẩm, trên môi luôn nở nụ cười rạng rỡ như mùa xuân, chắc hẳn ai cũng sẽ cảm nhận được không gian thân thiện, bình dị và cuộc sống gần gũi và đáng yêu của những con người nơi đây./.





Độc đáo nghề truyền thống
MÂY, TRE ĐAN PHÚ VINH

Nghề làm mây tre đan – một trong những nét đẹp tinh hoa văn hóa truyền thống được hình thành và phát triển từ lâu đời tại Việt Nam. Trải qua những giai đoạn thăng trầm, đến nay nghề làm mây tre đan tại thôn Phú Vinh, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ (Hà Nội) vẫn được biết đến như một trong những làng nghề nổi tiếng, lưu giữ được những giá trị truyền thống, đồng thời phát huy sáng tạo đưa sản phẩm mây tre đan ngày càng phát triển.

Nghề làm mây tre đan tại thôn Phú Vinh xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ (Hà Nội) có lịch sử phát triển hơn 400 năm. Theo nghề cha truyền, con nối dần dần nghề mây, tre đan phát triển trở thành nghề truyền thống cả thôn.

Theo các nghệ nhân cao niên của làng nghề Phú Vinh, để có một sản phẩm như ý, trước tiên người thợ phải hiểu rõ thứ nguyên liệu mà mình định làm như tre, nứa, vầu, trúc, bương, song, mây... Tiếp theo đó quy trình để sản xuất ra sản phẩm cũng khá công phu và tỉ mỉ. Nguyên liệu sau khi được mua về phải phơi tái rồi ngâm hóa chất chống mối mọt khoảng 10 ngày, sau đó vớt ra để nghiến mấu, cạo vỏ, đánh bóng và phơi tre khô. Tiếp đến là đưa tre vào lò, dùng rơm rạ hoặc lá tre đốt để hun lấy màu. Sau khi hun, đưa tre ra khỏi lò để nguội và đưa lên uốn thẳng... cuối cùng mới đến tay người thợ đan thành những sản phẩm.

Đặc biệt, quy trình phơi sấy mây của Phú Vinh đòi hỏi phải đúng kỹ thuật, phơi khô tự nhiên có màu trắng ngà dẻo và dai. Khi sấy, nhiều khói quá hay ít khói quá mây cũng bị đỏ. Trong lúc phơi gặp mưa thì sợi mây mất vẻ tươi đẹp. Sợi mây chưa khô tới thì "nước da" bị úa, khô kiệt quá thì mất vẻ óng mềm. Chính vì vậy, khi làm các công việc này người thợ không thể sao nhãng mà phải liên tục, theo dõi, kiểm tra để chỉnh mới có được những sợi mây chất lượng tốt và màu sáng đẹp. Đây là cách tạo màu hoàn toàn tự nhiên, không hóa chất giúp cho sản phẩm mây, tre đan của Phú Vinh không gây hại cho sức khỏe người sử dụng và có độ bền màu cao tới 30-40 năm, và độ bền của sản phẩm nếu không bị ẩm điều từ 100 năm trở lên.

Đến với làng nghề mây tre đan Phú Vinh, được tận mắt chứng kiến quy trình sản xuất hàng thủ công mây, tre đan mới thấy hết sự đa dạng trong kiểu dáng và mẫu mã. Những sản phẩm mây, tre đan đủ màu sắc được tạo ra bởi những đôi bàn tay lành nghề của các nghệ nhân trong làng. Từ những cây mây, nan tre, các nghệ nhân đã thổi hồn vào chúng, tạo ra những sản phẩm tinh xảo sống động. Không chỉ làm ra những vật dụng gia đình, mộc mạc đậm chất làng quê như khay, đĩa, rổ, rá, dần sàng, túi xách, cơi trầu… mà các nghệ nhân còn tạo ra những sản phẩm nội thất, đồ trang trí như bàn ghế, bình hoa, chao đèn, khung ảnh… Mỗi sản phẩm mây, tre đan là một tác phẩm nghệ thuật, đòi hỏi kỹ thuật, mỹ thuật tinh xảo, công phu của những đôi bàn tay tài hoa, khéo léo của những nghệ nhân.

Đặc biệt, các nghệ nhân ở Phú Vinh đã tạo ra hàng trăm cách đan khác nhau như đan xương cá, kết hình hoa và kết màu sắc, tạo hình hoa văn nổi trên nhiều mẫu… có tính thẩm mỹ cao và tạo nên sự khác biệt hoàn toàn so với các sản phẩm mây tre đan các vùng khác.

Nếu như trước đây, sản phẩm từ mây, tre đan chủ yếu là đồ dùng phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thì đến nay, các nghệ nhân đã mang đến sức sống mới cho làng nghề mây tre đan Phú Vinh bằng việc sáng tạo được hàng trăm mẫu sản phẩm mỹ nghệ phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, từ đĩa mây, lẵng mây, làn mây, chậu mây, bát mây… cho đến đồ trang trí, chao đèn, rèm cửa, tranh phong cảnh, chân dung, hoành phi, câu đối, bàn ghế, nội thất khách sạn, nhà hàng.

Các nghệ nhân cho biết, với nghề mây, tre đan để làm ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ cao cấp tinh xảo và mang tình nghệ thuật cao phải do những người thợ có bàn tay tài hoa, óc sáng tạo, tận tâm với nghề mới làm nên được. Bên cạnh đó, cần phải biết kết hợp giữa truyền thống với kiến thức khoa học hiện đại như thiết kế, phối màu tạo ra nét khỏe khoắn của tre và cái mềm mại của mây mang lại những nét rất riêng cho dòng sản phẩm hướng tới khách du lịch và thị trường xuất khẩu.

Ngày nay, đứng trước sự cạnh tranh khốc liệt của các sản phẩm nhựa giá rẻ, sản phẩm mây, tre đan của Phú Vinh vẫn giữ được chỗ đứng cho riêng mình… Các sản phẩm mây, tre đan Phú Vinh không chỉ có tính ứng dụng cao, mang giá trị nghệ thuật to lớn mà còn mang đậm nét tinh hoa văn hóa dân tộc Việt Nam. Không những thế, sản phẩm được nhiều người tiêu dùng ưa thích do chúng được làm hoàn toàn từ tự nhiên và thân thiện với môi trường.

Hiện sản phẩm mây, tre đan của Phú Vinh đã hướng đến khách hàng là du khách nước ngoài, từ đó quảng bá sản phẩm vào những thị trường như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Hà Lan, Đức, Tây Ban Nha... Và đã gặt hái nhiều thành công do kiểu dáng, mẫu mã, hoa văn, được cập nhật thường xuyên, liên tục, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người sử dụng… mang đến vẻ đẹp sang trọng, độc đáo đầy tính thẩm mỹ. Các nhà nghiên cứu và phân tích cho rằng, sản phẩm mây tre đan Phú Vinh ngày càng đạt đến đỉnh cao nghệ thuật mây tre đan của Việt Nam./.

P.V

KINH TẾ THẾ GIỚI...

(Tiếp theo trang 45)

Các tổ chức quốc tế nhận định, tín hiệu tích cực trong những tháng cuối năm 2020 đã thắp lên hy vọng về việc kinh tế thế giới sẽ phục hồi khả quan hơn trong năm 2021 và nền kinh tế toàn cầu có thể trở lại mức trước đại dịch Covid -19 vào cuối năm sau. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), sau khi sụt giảm mạnh trong năm 2020 (-4,2%), GDP toàn cầu được dự báo sẽ tăng khoảng 4,2% vào năm 2021 và 3,7% vào năm 2022. Vào cuối năm 2021, GDP toàn cầu sẽ ở mức trước khủng hoảng nhờ phục hồi kinh tế mạnh mẽ của Trung Quốc.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định, tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm -4,4%, mức giảm thấp hơn so với dự báo đưa ra trong tháng 6 năm 2020 (-4,9%). Điều chỉnh tích cực này là do tăng trưởng GDP Quý II tại các nền kinh tế phát triển tốt hơn dự kiến và các chỉ tiêu cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ hơn trong Quý III. Dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 5,2% trong năm 2021. Tăng trưởng nhóm các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm 5,8% năm 2020, nhưng sẽ tăng lên mức 3,9% trong năm 2021. Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng được dự báo ở mức -3,3% năm 2020 và tăng lên 6% năm 2021.

Tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế Fitch Ratings (FR) dự báo, tăng trưởng GDP thế giới là -3,7% năm 2020, tốt hơn mức -4,4% đưa ra trong tháng 9 nhờ sự phục hồi mạnh mẽ hơn dự kiến trong Quý II năm 2020. FR cũng nâng dự báo tăng trưởng GDP thế giới năm 2021 thêm 0,1 điểm phần trăm, lên 5,3%.

Dự báo tăng trưởng toàn cầu của các tổ chức quốc tế

Đơn vị tính: %

TT	Tổ chức	2019	2020	2021
1	Quỹ Tiền tệ Quốc tế	2,8	-4,4	5,2
2	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế	2,7	-4,2	3,7
3	Fitch Ratings	2,6	-3,7	5,3

Nguồn: IMF, OECD, Fitch Ratings

Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế cũng nhận định, vắcxin ngừa Covid -19 sẽ là nhân tố giúp thúc đẩy đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Con đường phía trước sẽ sáng hơn nhưng vẫn còn mong manh và nhiều thách thức./.

CỤC THỐNG KÊ GIA LAI
Địa chỉ: Số 05 Hai Bà Trưng - TP. Pleiku - Tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0269.3 828 639 - 3 715 319 * Fax: 0269.3 717 495
Email: gialai@gso.gov.vn

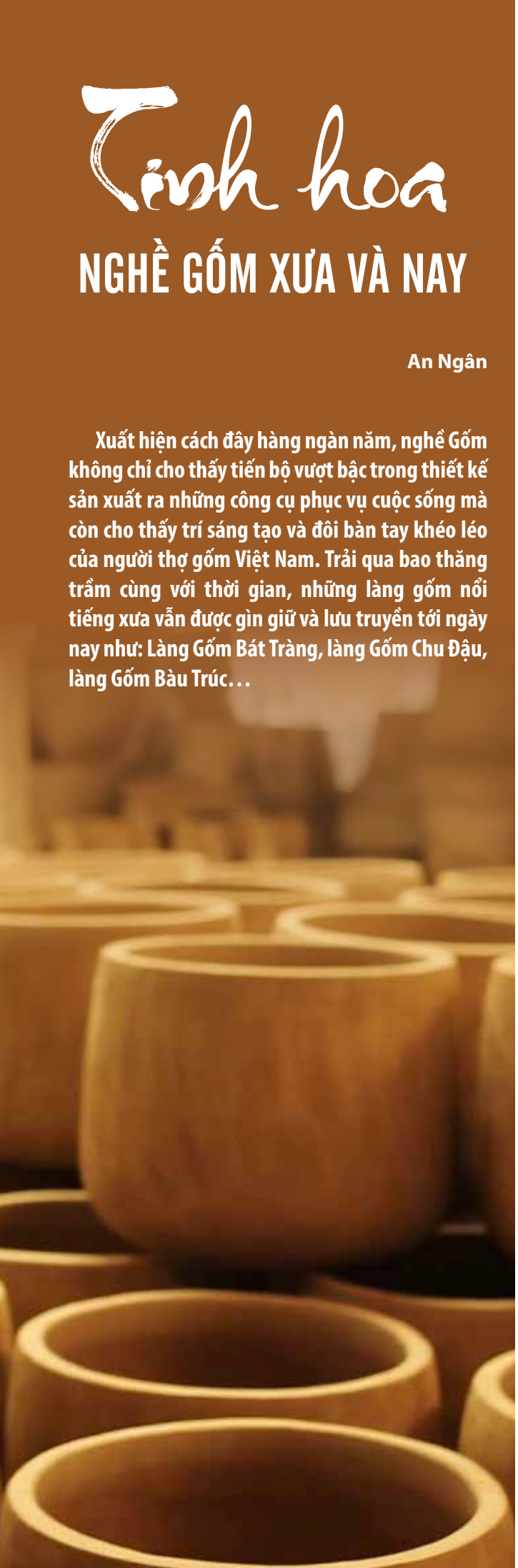
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

Tinh hoa

NGHỀ GỐM XƯA VÀ NAY

An Ngân

Xuất hiện cách đây hàng ngàn năm, nghề Gốm không chỉ cho thấy tiến bộ vượt bậc trong thiết kế sản xuất ra những công cụ phục vụ cuộc sống mà còn cho thấy trí sáng tạo và đôi bàn tay khéo léo của người thợ gốm Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm cùng với thời gian, những làng gốm nổi tiếng xưa vẫn được gìn giữ và lưu truyền tới ngày nay như: Làng Gốm Bát Tràng, làng Gốm Chu Đậu, làng Gốm Bàu Trúc…



Tinh hoa Gốm xưa

Gốm cổ truyền Việt Nam có cách đây hàng ngàn năm. Gốm xuất hiện trong những di chỉ thuộc văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Hạ Long và trong di chỉ thuộc hậu kỳ đồ đá mới Phùng Nguyên, giai đoạn Đồng Đậu, giai đoạn Gò Mun... Đặc biệt, đến thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV) nghề gốm Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc từ kỹ thuật đến chất men. Các sản phẩm gốm thời Lý - Trần có họa tiết đa dạng, tinh xảo mang lại giá trị thẩm mỹ rất cao và là niềm khao khát của nhiều quốc gia trên thế giới. Theo tài liệu giới thiệu "Lịch sử nghề gốm ở Thổ Hà" của Ty Văn hóa Hà Bắc và tài liệu "Tìm hiểu nghề gốm ở Bát Tràng", tư liệu đánh máy của Viện Mỹ thuật, năm 1964, vào khoảng thời Lý - Trần có ba người đỗ Thái học được cử đi sứ nhà Tống (Trung Quốc) là Hứa Vĩnh Kiều, người làng Bồ Bát (Thanh Hóa), Đào Trí Tiến, người làng Thổ Hà (Hà Bắc), Lưu Phong Tú, người làng Kẻ Sặt (Hải Dương) đã học được nghề sứ gốm. Khi về nước, ba ông chọn ngày lành tháng tốt lập đàn ở bên sông Hồng làm lễ truyền nghề cho dân làng. Để truyền nghề, ông Kiều về làng Bồ Bát chuyên chế các hàng gốm sắc trắng; ông Tiến về làng Thổ Hà chuyên chế các hàng gốm sắc đỏ; ông Tú về làng Phù Lãng chuyên chế các hàng gốm sắc vàng, thẫm.

Ở thời Lý, nghề gốm nổi tiếng đứng đầu là Gốm hoa nâu, tiếp đến là Gốm men vàng và xanh lục. Gốm hoa nâu mang đậm yếu tố Phật giáo thời bấy giờ, những đề tài về hoa sen, hoa cúc được khắc họa trên đồ gốm lúc hiện thực lúc thi vị hóa. Hoa văn hình rồng thời Lý trên gốm mang nét đặc trưng với đường nét mềm mại, uốn lượn tinh xảo. Gốm hoa nâu có cốt gốm dày thô, chắc chắn.

Đến thời Trần, nghề gốm phát triển các dòng men trắng, xanh ngọc, hoa nâu nhưng tiêu biểu nhất là dòng gốm hoa lam với màu men trắng đục họa tiết màu xanh lam. Hoa văn trang trí là hoa dây lá, hoa sen, chim muông. Hoa văn hình rồng thời Trần trên gốm đã có thay đổi so với thời Lý với những đường nét, dáng vẻ khỏe khoắn, uốn lượn tự do không thanh mảnh và gò bó như rồng thời Lý.

Nghề gốm thời Lý - Trần phát triển mạnh ở nhiều tỉnh. Mỗi vùng quê gốm có kỹ nghệ và mặt hàng gốm đặc trưng riêng tạo nên sự đa dạng và phong phú của nghề gốm Việt Nam. Những trung tâm sứ gốm xuất hiện từ thời Lý-Trần đến nay vẫn còn hưng thịnh có thể kể đến như: Làng gốm Bát Tràng (Hà Nội; làng gốm Chu Đậu (Hải Dương)); Thổ Hà, Phù Lãng (Bắc Ninh);…

Giữ gìn và phát triển hồn gốm Việt

Trải qua hàng ngàn năm, nghề gốm lúc thịnh, lúc suy, song các thế hệ người làm gốm vẫn gìn giữ phát triển thổi hồn vào từng sản phẩm gốm Việt. Sản phẩm

gốm ngày nay khá đa dạng từ gốm thô bằng đất nung đến những đồ gia dụng và trang trí tinh tế với nhiều sắc men phong phú. Mỗi sản phẩm gốm ngày nay không chỉ thể hiện bàn tay khéo léo, sự tinh tế, sáng tạo của người thợ mà những giá trị văn hóa truyền thống của người dân Việt Nam luôn được lưu giữ trong từng sản phẩm gốm, mang tâm hồn Việt.

Khác với nghề gốm truyền thống, gốm sứ hiện đại với sự tiến bộ về công nghệ dây chuyền sản xuất, các sản phẩm gốm được làm toàn bộ bằng máy móc và sử dụng kỹ thuận in nung gốm ở nhiệt độ cao, mực in sẽ được giữ vĩnh viễn, bền theo thời và đảm bảo sức khỏe cho người dùng. Với kỹ thuật in nhiệt, sản phẩm in không bị bong tróc và nứt mẻ. Sản phẩm gốm khá đa dang về mẫu mã, chủng loại và có nhiều công dụng hơn.

Theo dòng thời gian, tinh hoa nghề gốm Việt Nam không dừng lại mà tiếp tục phát triển vươn ra thế giới và trở thành niềm tự hào cho người Việt. Tiêu biểu có làng gốm Bát Tràng (Hà Nội) được hình thành và phát triển từ thời nhà Lý, đến nay gốm Bát Tràng đã trở thành thương hiệu có tiếng, có phong cách riêng, giàu bản sắc. Các sản phẩm của làng nghề gốm Bát Tràng đa dạng về dòng men, chủng loại, màu sắc, thiết kế… Bên cạnh việc phát triển sản phẩm đại trà, nhiều nghệ nhân, thợ giỏi với bàn tay khéo léo cùng sự đam mê đã sáng tạo ra nhiều sản phẩm gốm sứ độc đáo. Những người thợ tài hoa đã phục chế thành công nhiều tác phẩm gốm sứ cổ như: Gốm sứ đời Lý, đời Trần,



đời Nguyễn…, khôi phục và chế tác nhiều công thức men đặc sắc. Đặc biệt những năm gần đây, nhờ ứng dụng khoa học, cải tiến kỹ thuật công nghệ các sản phẩm gốm Bát Tràng liên tục được cải tiến mẫu mã, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được thị hiếu tiêu dùng và phục vụ tín ngưỡng của khách hàng trong nước và chinh phục được nhiều thị trường quốc tế.

Ngoài làng gốm Bát Tràng, làng gốm Chu Đậu (huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) lưu giữ một dòng gốm đẹp của Việt Nam. Gốm Chu Đậu phát triển rực rỡ từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17 và sau hơn ba thế kỷ bị thất truyền, gốm Chu Đậu ngày nay đang hồi sinh, trở thành mặt hàng thủ công mỹ nghệ có giá trị ở cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Phương pháp chế tác gốm Chu Đậu hiện đã đạt trình độ cao. Các sản phẩm được thể hiện trên chất liệu men trắng hoa lam, men ngọc, hay men mầu tam thái với dáng vẻ đến họa tiết, hoa văn trang trí... đều mang dấu ấn bản sắc, tinh hoa văn hóa Việt với tính nghệ thuật cao, miêu tả khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống của cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Ngày nay việc gìn giữ và phát triển tinh hoa gốm Việt tuy còn gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng với trí tuệ, bàn tay, khối óc của những nghệ nhân, những làng gốm vẫn đỏ lửa lò nung để cho ra những sản phẩm đặc sắc gốm Việt và con đường gốm sứ tiếp tục viết nên những tinh hoa của nghề gốm xưa và nay./.

CỤC THỐNG KÊ LONG AN
Địa chỉ: Số 30D - Đ. Sương Nguyệt Ánh - P. 2 - TP. Tân An - Tỉnh Long An
Điện thoại: 0272.3 825 386 - 3 826 494 * Fax: 0272.3 825 258
Email: longan@gso.gov.vn
Xuân Tân Sửu 2021
Chúc Mừng Năm Mới

Tranh Sơn mài
HÒA MÌNH CÙNG THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

Quang Vinh

Trong dòng chảy nghệ thuật của nền hội họa Việt Nam, tranh sơn mài - một sản phẩm nghệ thuật truyền thống độc đáo đã và đang chuyển mình hòa cùng thế giới hiện đại.

Ngược về dòng lịch sử

Tranh sơn mài tuy giản đơn là sản phẩm của sự phối hợp giữa chất liệu (sơn) và động tác kỹ thuật (mài), nhưng lại là thành quả của sự tìm tòi và phát triển kỹ thuật của nghề sơn thủ công truyền thống Việt Nam.

Ngược theo dòng lịch sử, những vết tích về sơn mài được tìm cách đây hàng trăm năm Trước Công Nguyên. Người xưa dùng sơn chế từ nhựa cây sơn phủ lên các vật dụng hoặc đồ thờ cúng bằng gỗ, gốm như hương án dài, bát đĩa, câu đối, hoành phi, bình phong… để làm tăng thêm độ bền. Sau đó phát triển dần sang tranh trang trí, vẽ thêm một số những đường nét, hoa văn, cảnh quan thiên nhiên để tạo thêm sự độc đáo cho sản phẩm.

Đến đầu những năm 30 thế kỷ trước, các họa sĩ Việt Nam tại trường Mỹ Thuật Đông Dương (nay là trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam) phát hiện ra các vật liệu màu từ các vật liệu hết sức gần gũi và thân thuộc trong cuộc sống đời thường như vỏ ốc, trứng, tre… và áp dụng kỹ thuật sơn mài vốn có, để tạo thành những kiệt tác tranh sơn mài vô cùng tinh tế. Và chính từ đó, khái niệm sơn mài dần phổ biến và tạo dựng nên hình hài một sơn mài Việt Nam trong nền nghệ thuật hiện đại của thế giới thế kỷ XX. Trong thời kỳ này, mỗi màu sơn được sử dụng riêng cho những họa tiết và hòa sắc chỉ vẻn vẹn mấy màu đơn giản, như núi thì màu đen, nhà cửa màu nâu, cây cối màu đỏ, trời thì thếp vàng...



Thời kỳ 1945-1975, các tác phẩm sơn mài Việt Nam phong phú hơn về nội dung cũng như phong cách sáng tác. Có họa sĩ vẽ lối diễn thực kiểu phương Tây, có họa sĩ vẽ lối ước lệ, khái quát đậm chất châu Á. Lại có họa sĩ đẩy sơn mài lên một bậc biểu cảm mới với lối vẽ hòa quện, hình thể và chất biểu cảm lộng lẫy, lúc hiệu hữu, lúc nhòa mờ, lấp lánh.

Kỹ thuật sơn mài của thập niên 90 có thêm nét đột phá, tạo nên một diện mạo sơn mài mới, cũng là cách các nghệ sĩ trẻ thời này khẳng định mình. Sơn mài được đắp bồi, gồ lên, phá tính chìm, bóng, sâu vốn là nét đặc trưng của sơn mài truyền thống. Khác biệt của các sáng tác thời kỳ này so với dòng tranh sơn mài giai đoạn trước còn ở chỗ, nếu như trước đây kỹ thuật chủ yếu vào lối vẽ "chôn màu" nhiều lớp và mài đứt, "móc màu lên" thì các họa sĩ thập niên 90 thiên về "vẽ thêm vào", tức là sử dụng "bút pháp" đặc trưng của vẽ tranh sơn dầu, lấy bề mặt lúc vẽ làm hiệu quả sáng tạo cuối cùng.

Không rực rỡ như tranh sơn dầu, không mềm mại như tranh lụa song nhiều tác phẩm sơn mài trong thế kỷ XX đã trở thành kiệt tác, thậm chí là bảo vật quốc gia và được bạn bè quốc tế săn lùng, tìm mua bởi sức hút từ vẻ đẹp đằm thắm và sâu sắc của người phụ nữ Việt trong bức tranh "Vườn xuân Trung Nam Bắc" của Nguyễn Gia Trí; hay cô gái nông dân trong "Tát nước đồng chiêm" của Trần Văn Cẩn; người con gái dân tộc Thái trong "Nhớ một chiều Tây Bắc" mà lão họa sĩ Phan Kế An đã thổn thức ngày nào; những mầu xanh non tơ của đồng lúa xanh mướt một thuở được họa sĩ Nguyễn Gia Nùng khắc họa trong "Bình minh trên nông trang"; chân dung anh bộ đội cụ Hồ đang khoác trên vai khẩu súng trên con đường hành quân đã một lần giơ nắm tay thề ngày được vinh dự trong ngày lễ "Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ" của họa sĩ Nguyễn Sáng.



Lắm nỗi nhọc nhằn

Một bức tranh sơn mài hoàn mĩ được tạo ra là tất cả nỗ lực, kiên trì và cả tình yêu, đam mê nghệ thuật của người họa sĩ. Theo cách làm sơn mài truyền thống, thông thường để làm nên một bức tranh sơn mài mất đến hàng tháng, thậm chí hàng năm và phải trải qua các công đoạn chính là bó hom vóc, trang trí, mài và đánh bóng.

Bó hom vóc - công đoạn này nhằm bảo vệ tấm vóc không thấm nước, bị mối mọt và co ngót dưới tác động của môi trường. Để một sản phẩm có giá trị và đảm bảo được độ bền, quy trình thực hiện cốt vóc là yếu tố quan trọng và được thực hiện khá dày công, thường do thợ sơn lành nghề thực hiện và gồm nhiều công đoạn tỉ mỉ, phức tạp, mất khoảng 20 - 30 ngày với 8- 10 lần sơn và bó vải. Việc hom bó cốt gỗ đồ vật cần sơn ngày xưa thường được người làm sử dụng giấy bả, loại giấy chế từ gỗ dó có độ dai và bền hơn vải. Cách bó hom vóc được tiến hành khá cầu kỳ. Người thợ dùng đất phù sa (ngày nay có thể dùng bột đá trộn sơn) giã nhuyễn cùng giấy bản rồi hom, chít các vết rạn nứt của tấm gỗ. Mỗi lớp sơn lại lót một lớp giấy hoặc vải màn. Sau đó phải đục mộng mang cá để cài và gắn sơn cho các nẹp gỗ ngang ở sau tấm vóc (ván gỗ) để chống vết rạn xé dọc tấm vải. Sau khi để gỗ khô kiệt, người thợ mới tiếp tục hom sơn kín cả mặt trước, mặt sau. Xử lý tấm vóc càng kỹ, càng kéo dài tuổi thọ cho đồ vật cần sơn, mỗi tác phẩm sơn mài có tuổi thọ khoảng 400-500 năm.

Công đoạn tiếp theo là trang trí. Khi có được tấm vóc hoặc các mô hình chạm khắc bình hoa, người thợ phải gắn, dán các chất liệu tạo màu cho tác phẩm trước tiên như: Vỏ trứng, mảnh xà cừ, vàng, bạc… Với kỹ thuật sơn phủ tượng và đồ nội thất như: Hương án, hoành phi, câu đối…, người thợ phải làm trong phòng kín và quây màn xung quanh để tránh gió thổi các nguyên liệu quý vàng, quý bạc và tránh bụi bám vào nước sơn còn ướt. Sơn ta khô cần có độ ẩm trong không khí cao vì vậy chỉ vẽ được vào từng mùa.

Sau khi trang trí xong, người thợ thực hiện mài và đánh bóng. Vì dầu bóng đã pha màu để vẽ nên độ bóng chìm trong cốt màu tạo thành độ sâu thẳm của tranh, do đó sau mỗi lần vẽ phải mài. Người xưa dùng một số thứ để mài và đánh bóng như lá chuối, than củi xoan nghiền nhỏ, tóc rối, đá gan gà… Đây chính là điểm độc đáo và là công đoạn quyết định sự thành công của một bức tranh sơn mài.

Tuy các công đoạn chung là vậy, nhưng để hoàn thành một bức tranh sơn mài là một điều gian khó. Hơn thế nữa, để có được một bức tranh đẹp, ngoài tinh thần, ý tưởng sáng tạo, cảm xúc, năng lực thẩm mỹ còn phải mang đặc trưng của chất liệu, thông qua kỹ thuật chất liệu, cho nên họa sĩ sơn mài vừa có "chất thợ" vừa có"



chất nghệ". Thế nhưng vượt qua nỗi nhọc nhằn đó, mỗi bức tranh sơn mài lại mang một vẻ đẹp riêng, có được từ sự khác biệt trong kinh nghiệm, kỹ thuật và "mắt nhìn đời" của người họa sĩ.

Chuyển mình trong cuộc sống hiện đại

Đến nay sau gần một thế kỷ đồng hành cùng nghệ thuật sơn mài, cùng với thời gian, các họa sĩ Việt Nam vẫn đang tiếp tục kế thừa và phát triển với nhiều lối biểu hiệu và tìm tòi mới mang đậm dấu ấn và tính sáng tạo của từng cá nhân, mang đến sự huyền bí, ánh sáng, hào quang rực rỡ của nghệ thuật sơn mài, vừa thể hiện bản sắc dân tộc vừa mang âm hưởng của nghệ thuật tạo hình đương đại.

Nhờ vậy, bảng màu sơn mài ngày nay càng phong phú hơn về phong cách thể hiện cũng như nhiều chất liệu mới được tìm ra trong quá trình lao động sáng tác nghệ thuật. Các họa sĩ cũng thoải mái hơn khi thể hiện ý tưởng, định hình dấu ấn cá nhân, thể hiện những quan niệm mới của mình về nghệ thuật và vẫn luôn mang đậm hơi thở của cuộc sống. Khi thì đưa người xem trở lại với các thời kỳ của chế độ phong kiến Việt Nam với những câu chuyện xoay quanh cuộc sống hoàng cung và thiếu nữ xưa cùng với các trang phục truyền thống. Hay đó là hình ảnh những người phụ nữ Việt gợi cảm, nhẹ nhàng và vô cùng lãng mạn trên nền đen sâu thẳm của sơn mài, sự kết hợp và giao thoa giữa hiện đại và truyền thống. Hay đó là vẻ đẹp của những cảnh vật đang diễn ra hàng ngày đã tạo cho người nghệ sĩ những mạch nguồn cảm xúc không bao giờ cạn…

Nhưng cho dù thể hiện theo phong cách nào hay xu hướng nào thì nghệ thuật sơn mài không những không bị phôi phai, không bị lạc lõng giữa nhu cầu cuộc sống đương đại mà ngày càng phát huy thế mạnh của chất liệu truyền thống, tiếp tục chuyển mình, tạo ra những ma lực cuốn hút người xem và tiến xa hơn cùng nền hội họa thế giới./.

Ngày tết - Khám phá...

(Tiếp theo trang 80)

Có rất nhiều kiểu dáng của sườn xám, có thể phân loại sườn xám theo kiểu vạt áo như kiểu vạt áo vát một bên dưới cánh tay, kiểu vạt áo vát một bên dưới hông, kiểu vạt áo vát hai bên dưới cánh tay, hoặc phân loại theo kiểu tay áo: Tay dài, tay rộng, tay lỡ,… hay theo kiểu cổ áo thường, cổ vạt cao, cổ bẻ, áo không cổ, cổ lá trúc, cổ khoét ngực…..

Về màu sắc, sườn xám thời nhà Thanh thường lấy hai màu xanh và đen làm chủ đạo, nhưng cũng có một số bộ phận thư sinh, nho sĩ mặc màu trắng, đỏ và tím. Duy chỉ có màu vàng là màu của hoàng gia nên người thường không được phép sử dụng.

Màu sắc sườn xám của người Mãn Thanh tương đối phức tạp, độ tương phản màu sắc cao, ở cổ áo và tay áo thường được thêm vào các đường viền hoa rực rỡ hoặc các đường vân nhiều màu sắc, người ta cho rằng càng nhiều những họa tiết này thì càng đẹp. Ngày nay chúng ta thường thấy các kiểu sườn xám, màu sắc rực rỡ, nổi bật, kiểu dáng độc đáo, thể hiện được đầy đủ bản sắc văn hóa dân tộc, làm nổi bật vẻ đẹp của người phụ nữ Trung Quốc.

Áo dài (Việt Nam)

Áo dài được xem là trang phục truyền thống của người Việt Nam. Trang phục này là có quá trình phát triển từ sự cải thiện không ngừng của áo tứ thân, đến áo ngũ thân thời nhà Nguyễn cho đến áo dài ngày nay.

Đúng như tên gọi, áo có vạt dài tới gót chân, cổ áo thường là cổ tròn, ôm khít tạo vẻ kín đáo. Thân áo gồm thân trước và thân sau dọc hai bên hông có đường xẻ từ eo xuống hết tà áo. Khuy áo thường được thiết kế từ cổ kéo sang vạt rồi xuống ngang hông. Thân áo may sát thân người để làm tôn lên những đường cong gợi cảm của người phụ nữ. Tay áo không có cầu vai, kéo dài từ cổ áo đến cổ tay, áo thường được mặc kết hợp với quần đồng màu hoặc với màu trắng. Áo dài thường được may từ nhiều loại vải khác nhau nhưng đều có đặc điểm chung là mềm, nhẹ, thoáng mát.

Trong lịch sử, dù được cách tân nhiều lần theo xu hướng của mỗi thời đại song áo dài Việt Nam vẫn luôn giữ được vẻ duyên dáng và gợi cảm, trở thành niềm kiêu hãnh của người Việt. Không chỉ là trang phục mà tà áo dài đã trở thành biểu tượng của phụ nữ Việt, là sản phẩm văn hoá vật thể truyền thống không thể thiếu cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt. Áo dài đã trở thành trang phục chuẩn mực cho những dịp đặc biệt, trang trọng như những ngày lễ quốc gia, lễ cưới, ngày tết, lễ tốt nghiệp hoặc trong những cuộc thi quan trọng. Áo dài truyền thống đã góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam ra khắp nơi trên thế giới./.

P.V *(Sưu tầm)*



CỤC THỐNG KÊ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 10 đường 3 tháng 4 - Phường 3
TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: 0263.3 825 016 - 3 540 134 * Fax:0263.3 822 314
Email: lamdong@gso.gov.vn



CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU ĐẮK NÔNG

Quỳnh Chi

Công viên địa chất Đắk Nông có diện tích hơn 4.700km^2, nằm trải dài trên địa bàn 6 huyện, thị xã gồm: Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk Glong và thị xã Gia Nghĩa của tỉnh Đắk Nông, có khoảng 65 điểm di sản địa chất, địa mạo, bao gồm hệ thống gần 50 hang động với tổng chiều dài hơn 10.000 mét, các miệng núi lửa, thác nước…, trong đó có 7 điểm di sản địa chất tầm quốc tế. Nơi đây từ lâu đã nổi tiếng là một vùng đất đỏ trù phú với hệ sinh thái rừng nhiệt đới, nơi lưu trữ các giá trị đặc trưng về đa dạng sinh học cùng với nhiều nét độc đáo về văn hóa, địa chất, tự nhiên cũng như dấu tích hoạt động của người tiền sử.

Công viên Địa chất Đắk Nông nằm giữa vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa với những giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể như: Không gian Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, Sử thi Ót N'drong,

Với sự hội tụ tất cả các giá trị tiêu biểu cả về địa chất, địa mạo, văn hóa cũng như đa dạng sinh học đặc trưng của khu vực, tháng 7/2020, Ủy ban Chương trình và Quan hệ quốc tế của Hội đồng Chấp hành UNESCO lần thứ 209 đã thông qua Quyết định của Hội đồng công nhận Công viên Địa chất Đắk Nông là Công viên Địa chất toàn cầu. Đây là Công viên Địa chất toàn cầu thứ 3 ở Việt Nam sau Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) và Công viên Địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng (tỉnh Cao Bằng).

Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, Vườn Quốc gia Tà Đùng, Rừng đặc dụng, cụm thác Đ'ray Sáp,Trinh Nữ, Gia Long và Vườn Quốc gia Yok Đôn (Đắk Lắk)… Đây chính là yếu tố làm tăng thêm giá trị cho công viên này.

Độc đáo "Trường ca của Lửa và Nước"

Đến với Công viên Địa chất Đắk Nông là đến với âm hưởng "Trường ca của Lửa và Nước", "Bản giao hưởng của Làn gió mới" và lắng nghe "Âm vang từ Trái Đất". Điểm nổi bật nhất làm nên tuyến du lịch độc đáo "Trường ca của Lửa và Nước" là hệ thống hang động núi lửa bazan hoang sơ, phân bố dọc sông Krông Nô được phát hiện từ năm 2007. Đây là hệ thống hang động núi lửa dài và đẹp nhất Đông Nam Á, có hàng chục hang động lớn nhỏ khác nhau với tổng chiều dài khoảng 25 km từ miệng núi lửa Buôn Choáh dọc theo sông Sêrêpốk đến khu vực

thác Đray Sáp. Bên trong các hang động có nhiều cấu tạo đặc trưng của quá trình phun trào núi lửa như ngấn dung nham, dòng chảy dung nham, hố sụt cùng các di tích thực vật và quá trình đông cứng dung nham bazan xảy ra cách đây hàng triệu năm. Hệ thống hang động núi lửa Krông Nô còn có nhiều di vật khảo cổ là bằng chứng con người tiền sử sinh sống tại đây từ hậu kỳ đồ đá cũ (6.000 năm) đến hậu kỳ đá mới và sơ kỳ kim khí (4.000 đến 3.000 năm trước công nguyên).

Trên hành trình trải nghiệm tuyến "Trường ca của Lửa và Nước", du khách sẽ bị níu chân bởi cảnh quan cánh đồng lúa ven núi lửa tại xã Nâm N'đir (Krông Nô). Từ góc nhìn này, trông xa về phía bên phải, du khách sẽ nhìn thấy dòng sông Krông Nô hùng vĩ, trước mặt là một cánh đồng bao la nằm quanh những ngọn núi lửa đã tắt từ hàng triệu năm trước. Toàn bộ cánh đồng lúa này có diện tích hàng trăm ha. Vào bất kỳ thời điểm nào trong năm, nơi đây cũng đều tạo nên một bức tranh sống động, làm nao lòng người.

Một điểm đến hấp dẫn khác trong hành trình này là Khu vườn âm thanh (Phonofolium), được đặt tại Trung tâm thông tin Công viên Địa chất toàn cầu Đắk Nông. Đây là một công trình nghệ thuật tương tác giữa cây sống phản ứng với những cảm ứng của con người để tạo ra âm thanh. Công trình nghệ thuật này mang lại cho du khách cảm nhận về mối quan hệ giữa những tác động của cơ thể người với thiên nhiên nhằm đem lại những trải nghiệm mới lạ và độc đáo cho khách tham quan.

Cũng trong tuyến du lịch "Trường ca của nước và lửa", du khách sẽ khám phá thêm nhiều điểm du lịch đầy thú vị: Mỏ cao lanh nằm trên địa bàn xã Đắk Ha (Đắk Glong), Làng nghề đan lát người M'nông, căn cứ địa Nâm Lung, trang trại dê hữu cơ Duy Hùng, mỏ nguyên liệu nhôm, đi bộ đường rừng, thác Đray Sáp, Núi lửa Nâm Kar, Trung tâm thông tin Đray Sáp, thác Gia Long và hang động núi lửa.

Hòa cùng "Bản giao hưởng của làn gió mới"

Nếu những ngọn núi lửa hùng vĩ, những thác nước tuyệt đẹp và hệ thống hang động núi lửa bazan làm nên tuyến du lịch thứ nhất ở Công viên địa chất Đắk Nông thì tuyến du lịch thứ hai có tên gọi "Bản giao hưởng của làn gió mới" lại là hành trình về nguồn, nơi chứa đựng các giá trị văn hóa bản địa của đồng bào dân tộc M'nông, Êđê như: Sử thi, nghệ thuật cồng chiêng, dệt thổ cẩm, đan lát truyền thống... và các di tích lịch sử thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ.

Tại đây du khách sẽ được khám phá núi lửa Băng Mo gắn liền với truyền thuyết của người dân bản địa liên quan tới tín ngưỡng đa thần. Núi lửa Băng Mo có hình dạng tương đối tròn và rõ nét, đường kính 242 m, cao 40 m và dốc 15° ở độ cao khoảng 407 m so với mực nước biển. Miệng núi lửa khá tròn trịa và có thể tìm thấy xỉ, tro, đá điển hình của kiểu phun trào trung tâm. Với bề mặt đá mới bị phong hóa một phần (những mảnh đá bazan còn tươi vẫn nằm rải rác trên bề mặt miệng núi lửa) và hình dạng miệng núi lửa vẫn còn rõ nét, núi lửa này có lẽ trẻ hơn nhiều, được hình thành khoảng 200.000-600.000 năm trước.

Ghi đậm dấu ấn trong "Bản giao hưởng của làn gió mới" còn có Cầu Serepok, nơi ghi dấu lịch sử phát triển của vùng đất và con người Tây Nguyên, được chính quyền thực dân Pháp xây dựng vào năm 1941 và vắt kiệt sức lao động của các tù chính trị và người dân địa phương trong suốt 16 năm. Đây là bằng chứng lịch sử cho sự kiện quân và dân ta mở mũi tiến công quan trọng tiến về giải phóng Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), hướng về Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đồng hành cùng người dân Tây Nguyên xây dựng và phát triển kinh tế, cây cầu này vẫn còn khá nguyên vẹn cho dù đã trải qua hơn 100 năm tồn tại. Đến nay mặc dù không còn được sử dụng, nhưng nó vẫn còn đó trong ký ức về một thời kỳ lịch sử của nhiều thế hệ người dân địa phương sống hai bên sông.

Rảo bước qua cầu Sêrêpốk, hành trình "Bản giao hưởng của làn gió mới" còn thu hút du khách với nhiều điểm du lịch hấp dẫn như: Núi lửa Ea T'ling, Làng người

CỤC THỐNG KÊ BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 112 Bà Triệu - Phường 3 - TP Bạc Liêu - Tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: 0291.3 949 303 - 3 949 305 * Fax: 0291.3 820 051

Email: baclieu@gso.gov.vn

Xuân Tân Sửu 2021

Chúc Mừng Năm Mới

Ê đê, Thác Trinh Nữ, Vườn xoài Đắk Mil, Nhà ngục Đắk Mil, Di tích lịch sử đường Trường Sơn và điểm khai thông liên lạc đường Bắc Nam, Rừng cao su, Trang trại nông nghiệp organic Thu Thủy, Điểm tiếp xúc dung nham và cát kết, Mỏ đá Saphia Trường Xuân, Núi lửa Thuận An, Hồ Tây Đắk Mil, Đồi chiến thắng 722 Đắk Sắk…

Lắng nghe "Âm vang từ trái đất"

Đây là tên gọi của tuyến du lịch thứ ba và cũng là tuyến cuối cùng trong hành trình chinh phục công viên địa chất Đắk Nông. Tuyến du lịch này mang đến những trải nghiệm về cảnh quan thiên nhiên như: Triển lãm các loại cà phê, Bảo tàng văn hóa Đắk Nông, Chùa Pháp Hoa, Điểm gỗ hóa thạch, Nhà trưng bày đàn đá, Nhà trưng bày cồng chiêng của người Mạ, Thác đá cột Liêng Nung, Cây thần linh, Trạm thủy điện, Điểm cảnh quan hồ Tà Đùng, Quán cà phê ngắm cảnh, Miếu thần đá, Cảnh quan thác nước granite, Vườn sầu riêng... và thưởng thức nhạc cụ truyền thống dân tộc tại nhà trưng bày các nhạc cụ cổ xưa, cồng chiêng người Mạ và nhà triển lãm âm thanh...

Điểm gỗ hóa thạch xã Đắk R'moan (TP. Gia Nghĩa) là một trong những điểm du khách đáng dừng chân tại Công viên địa chất Đắk Nông. Gỗ hóa thạch nơi đây có nhiều hình dáng đẹp, độc đáo và có nhiều vân bên trong. Không giống như các mẫu gỗ hóa thạch chứa nhiều silicat, gỗ hóa thạch trong vùng Công viên địa chất Đắk Nông đặc biệt hơn cả vì khoáng vật thay thế là hydroxit sắt, nên thường có màu nâu đỏ đặc trưng. Các tầng chứa gỗ hóa thạch này có thể được hình thành từ các pha phun trào núi lửa khác nhau và cách nhau hàng triệu năm tuổi. Khi đến đây, ngoài việc chiêm ngưỡng các loại gỗ hóa thạch đặc trưng của Công viên địa chất Đắk Nông, du khách thể quan sát được gỗ hóa thạch từ Công viên địa chất Lesvos (Hy Lạp) khu vực nổi tiếng với rừng hóa đá nhờ vào sự hợp tác giữa mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu.

Với những trải nghiệm rất thú vị về con người, lịch sử, văn hóa, địa chất, địa mạo nơi đây qua 3 hành trình du lịch, Công viên Địa chất toàn cầu Đắk Nông đã và đang là một điểm du lịch hấp dẫn thu hút du khách trong nước và quốc tế./.



Ấn tượng đầu tiên trong tôi về mảnh đất và con người Hà Giang thật khác xa so với trước kia tôi tưởng tượng. Với tôi, Hà Giang là một nơi quá xa xôi và tôi chưa từng nghĩ rằng mình sẽ có ngày đặt chân tới nơi đây.

Nhưng khi đứng trên núi Cấm, ngắm toàn cảnh thành phố Hà Giang với vẻ đẹp độc đáo của những ngôi nhà, những cây cầu, của con sông Lô hiền hòa...được ôm ấp, được bao bọc bởi những dãy núi đá hùng vĩ, thì thật sự tôi như bị hút hồn vào mảnh đất này. Tuy leo lên đỉnh núi vất vả, nhưng với tôi đó là điều tuyệt vời nhất bởi được đứng trước cửa Phật chùa Hộ Quốc, được nghe tiếng sư thầy niệm kinh phật, nghe tiếng chuông chùa vang vọng giữa khoảng cao vời vợi của núi rừng để rồi chợt nhận thấy tâm hồn thanh thản và sáng trong vô ngần. Đêm đến, dòng sông Lô thơ mộng, hiền hòa làm tấm gương phản chiếu thành phố trẻ lung linh nơi địa đầu Tổ quốc. Thành phố thực sự là viên ngọc quí giữa lòng núi đá mang lại rất nhiều cảm xúc cho du khách.

Tiến lên cao nguyên đá Đồng Văn, chuyến đi của tôi tiếp tục với sự quanh co, vòng vèo của đường đèo, vách núi, đó dường như là cơ hội cho tôi vượt qua giới hạn bản thân với thử thách khi trải nghiệm qua những khúc cua tay áo với một bên là tường núi đá tai mèo, một bên là vực đá sâu thăm thẳm. Mỗi vòng xe lăn bánh lại đưa tôi đi sâu hơn vào khung cảnh mênh mang, hùng vĩ của núi rừng, của những dải núi đá tai mèo nối tiếp nhau. Song, phần thưởng dành cho tôi đó chính là cảm nhận tuyệt vời khi được hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên núi rừng kỳ vĩ. Cao nguyên đá Đồng Văn khiến tôi thực sự choáng ngợp khi ẩn hiện trong lớp khói mây mờ mịt. Và tôi chợt nhận ra, chính sự khắc nghiệt của thiên nhiên đã tạo cho nơi đây một vẻ đẹp không nơi nào có được: Sự khô cạn và thiếu thốn nguồn nước khiến màu xanh của sự sống như lẩn quất đâu đó, chỉ còn "diễn đàn" của đá – đá phô bày muôn hình vạng trạng cùng với ngôn ngữ hình thể rất riêng, rất sống động khiến du khách mê mẩn.

Cao nguyên đá Đồng Văn còn được tô điểm bằng những ngôi nhà tường trình sừng sững (nguyên liệu chính người dân dùng làm nhà đó là đất) bao bọc bởi lớp hàng rào bằng đá, một sự sắp đặt hài hòa đến khó tin. Khung cảnh bỗng chốc nên thơ





Hà Giang - Miền đất nhớ

và tràn đầy sức sống khi những cây đào già bất chợt bung hoa, nảy lộc bên tường đá hay những bộ trang phục truyền thống bản địa rực rỡ sắc màu súng sính bên sườn đèo…

Có lẽ Phố cổ Đồng Văn mới chính là nơi để du khách khám phá, tìm hiểu rõ nét nhất về kiến trúc độc đáo của người dân vùng cao. Khu phố này kéo dài gần 1 km, được hình thành từ cách đây gần một thế kỷ. Điểm bắt đầu cũng là điểm nhấn ấn tượng nhất của khu phố là khu chợ cổ lợp mái đá âm dương. Vào những đêm rằm, cả dãy phố được thắp sáng bởi những chiếc đèn lồng đỏ đa dạng kích cỡ. Nếu du lịch đúng thời điểm đó, du khách sẽ được tham gia vào nhiều hoạt động văn hóa đặc sắc.

Lên Hà Giang, chắc chắn bạn sẽ rất nhớ hình ảnh những em bé dân tộc vùng cao nét mặt hớn hở, tươi vui vẫy tay chào đoàn xe chở khách thăm quan. Những đôi má hây hây đỏ, nhem nhuốc vì cái nắng, cái gió, cái nghèo khiến lòng tôi se lại với một cảm giác vừa yêu thương vừa cảm phục: Các em dù nghèo khó, dù thiếu thốn giữa mênh mông núi đá tai mèo nhưng vẫn tươi vui, rạng ngời và hồn hậu như hơi thở của cao nguyên.

Song, có lẽ thật khó để quên cái cảm giác thiêng liêng khi đứng trên Cột cờ tại Lũng Cú - nơi địa đầu Tổ quốc, được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng vĩ, mênh mông của thiên nhiên với những dải núi đá tai mèo trùng điệp, của những nương lúa, triền ngô, nếp nhà… Và hơn tất cả, trong tôi trỗi lên một tình cảm thiêng liêng khi ngắm lá cờ Tổ quốc đang tung bay trước gió ngàn. Dường như trong sâu thẳm không chỉ riêng tôi, mà của cả mỗi người Việt Nam khi đứng đó đều đang trỗi dậy và bồi đắp thêm cho mình lòng yêu nước thiết tha.

Và còn nữa, cái không khí trong lành, êm ả của sớm mai Mèo Vạc: Gió của núi rừng, sương sớm của thung lũng mang lại cho tôi sự sảng khoái, dễ chịu đến tuyệt vời - một cảm giác mà chưa bao giờ và chắc không bao giờ tôi có được nếu như không có dịp đặt chân đến nơi đây.

Khoảnh khắc yên bình bỗng chốc nhường chỗ cho những tiếng cười nói vô tư, sự xôn xao náo nhiệt khi bước vào chợ phiên Mèo Vạc. Những người đi chợ gùi trên lưng một con lợn con, một con chó, con gà, rồi cả những can rượu, vật dụng làm nương hối hả vào chợ trao đổi mua bán những nông phẩm của gia đình. Ở một góc chợ, những chàng trai Mèo, những cụ người Mông, người Nùng ngồi uống rượu ngô, hút thuốc lào và hỏi thăm nhau, cười nói rộn rã, chúc nhau bát rượu...Hồn hậu, ấm áp và phóng túng, có lẽ đó chính lài cái hồn của cao nguyên đá được bung tỏa trong phiên chợ vùng cao.

Chia tay Hà Giang, chia tay mảnh đất đầy ấn tượng và yêu thương, tôi sẽ nhớ mãi những dải núi đá tai mèo nối tiếp nhau tưởng chừng như không có chỗ của sự sống, nhưng thật vĩ đại khi trên sự khô cằn sỏi đá ấy vẫn đâm trồi những mầm xanh của ngô, sắn, vẫn làm nên cuộc sống đầy màu sắc cho người dân nơi đây.

Hẹn gặp lại Hà Giang - Miền đất nhớ!

Tăng Bá Tuyên

Trưởng phòng Thống kê Công nghiệp-Xây dựng Cục Thống kê tỉnh Hà Giang

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

CỤC THỐNG KÊ ĐỒNG THÁP
Địa chỉ: Số 9, đường Võ Trường Toản - Phường 1 - TP. Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0277.3 854 082-3 851 375 * Fax: 0277.3 851 375
Email: dongthap@gso.gov.vn





HÀ NỘI: KHAI THÁC LỢI THẾ PHỐ CỔ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Bùi Trị Điền
Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội

Khu phố cổ Hà Nội được cho là "bảo tàng về lối sống đô thị cổ" của Việt Nam. Cùng với Hoàng thành Thăng Long, phố cổ Hà Nội là một phần để nhận diện bản sắc văn hóa đô thị Hà Nội, mang hồn thiêng dân tộc và là một di tích vô cùng quý giá của Thủ đô và cả nước.

Kho tàng giá trị vật thể, phi vật thể đa dạng, hấp dẫn

Khu phố cổ Hà Nội có diện tích hơn 82 ha, với 10 phường, 79 tuyến phố và 83 ô phố. Phố cổ Hà Nội có kiến trúc độc đáo với các phố nghề thủ công truyền thống, phố chuyên doanh, nhiều di tích lịch sử, văn hoá, kiến trúc gắn liền với lịch sử của vùng đất Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Cùng với sự phát triển của đất nước qua mỗi giai đoạn lịch sử, khu phố cổ Hà Nội mang dấu ấn văn hóa của các thời kỳ, cũng là nơi hội tụ của cư dân khắp mọi miền.

Theo Ban Quản lý phố cổ Hà Nội, khu phố cổ chứa đựng kho tàng giá trị vật thể với 121 di tích (bao gồm 83 di tích lịch sử văn hóa, 30 di tích lịch sử cách mạng và 8 di tích khác) với đầy đủ các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng như đình, đền, chùa, hội quán, nhà thờ Hồi giáo, miếu, am… Trong đó, có 25 di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia; hơn 200 công trình nhà ở có giá trị đặc biệt. Có thể kể đến những di tích nổi tiếng như: Ngôi nhà cổ 87 Mã Mây, đình Đồng Lạc 38 Hàng Đào, đền Bạch Mã, đình Kim Ngân 40-42 Hàng Bạc...

Bên cạnh các giá trị văn hoá vật thể (đánh giá đơn thuần về công trình kiến trúc), thì các giá trị văn hoá phi vật thể tạo nên "cái hồn" của phố cổ. Hà Nội là đất Kinh Đô ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ kết tinh, tinh tuý của mọi miền quê. Di sản văn hoá phi vật thể Hà Nội khá đậm đặc, nó đã phản ánh một cách phong phú, đa dạng và chân thực truyền thống sinh hoạt văn hoá của người Hà Nội; phản ánh qua một số loại hình của bộ phận di sản văn hóa phi vật thể như: làng nghề, phố nghề, sinh hoạt lễ hội, phong cách sống, ẩm thực....

Do đó, phố cổ Hà Nội cũng là khu vực tập trung nhiều nghề thủ công và có nhiều Lễ hội dân gian nhất. Một khía cạnh văn hiến trong khu phố cổ Hà Nội là tâm linh hướng tổ. Dù ở bốn phương qui tụ về đây nhưng người dân phố cổ vẫn luôn nhớ về làng quê gốc cũ.

Điểm đến hấp dẫn khách du lịch

Theo Sở Du lịch Hà Nội, khu phố cổ Hà Nội thực sự là kho báu

CỤC THỐNG KÊ VĨNH LONG
Địa chỉ: Số 7B Hưng Đạo Vương - Phường 1 - TP. Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: 0270.3 825 519 - 3 823 646 * Fax: 0270.3 833 608
Email: vinhlong@gso.gov.vn
Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021



của du lịch Thủ đô, có sức hút mạnh mẽ với khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế. Theo thống kê của các đơn vị lữ hành lớn, khoảng 60% lượng khách khi tham gia vào những hành trình du lịch khu vực phía Bắc đều lựa chọn đến tham quan phố cổ. Dưới góc nhìn của doanh nghiệp lữ hành, phố cổ là điểm đến lý tưởng cho khách du lịch quốc tế, bởi nơi đây vẫn giữ được những nét độc đáo của Hà Nội, những món ăn ngon nức tiếng. Bên cạnh đó, số ít người dân vẫn lưu giữ và tiếp tục phát triển những nghề truyền thống mà cha ông đã để lại. Người dân phố cổ có nét văn hóa riêng, từ tập tục đến phong cách sống và đây là điều không nơi nào có được.

Quận Hoàn Kiếm với sức hút của khu phố cổ giống như một Hà Nội thu nhỏ: Những công trình kiến trúc, di sản văn hóa đặc trưng nhất của du lịch Hà Nội, những lễ hội truyền thống hay phố đi bộ; du lịch tham quan, giải trí với những điểm du lịch nổi bật như đền Ngọc Sơn, Nhà hát lớn, Nhà hát múa rối nước Thăng Long; du lịch mua sắm với các tuyến phố kinh doanh truyền thống, chợ Đồng Xuân và các chuỗi điểm mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch quốc tế; du lịch lưu trú và ẩm thực với hơn 500 khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch… Ngoài ra, khách du lịch đến Hoàn Kiếm còn có thể trải nghiệm sản phẩm của những làng nghề nổi tiếng nhất Hà Nội thông qua các cửa hàng lưu niệm ở các tuyến phố nghề trong Khu phố cổ.

Sở Du lịch Hà Nội cho biết, những năm gần đây nhiều sản phẩm du lịch mới đã được hình thành. Điển hình như: Không gian phố đi bộ quanh hồ Hoàn Kiếm, chính thức hoạt động từ 1/1/2020, tiếp tục được đề xuất kết nối phía Bắc với không gian đi bộ phía Nam phố cổ đã thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, phát triển kinh tế quận Hoàn Kiếm và Thủ đô. Việc tổ chức nhiều sự kiện đã thu hút đông khách du lịch tới tham quan và vui chơi, giải trí tại khu vực này, phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa, cảnh quan mặt nước, cây xanh hồ Hoàn Kiếm (di tích Quốc gia đặc biệt), góp phần quảng bá hình ảnh của Thủ đô Hà Nội - Thành phố vì Hòa bình; thúc đẩy gia tăng lượng khách tham quan, lưu trú; tăng nhanh các cơ sở dịch vụ du lịch và tăng trưởng nguồn thu ngân sách.

Không gian bích họa phố Phùng Hưng khai trương từ tháng 2/2018 với nhiều hoạt động đậm nét văn hóa đã trở thành điểm đến đặc biệt của Hà Nội, một không gian văn hóa công cộng hấp dẫn, thu hút đông đảo người dân và du khách đến tham quan, khám phá.

Năm 2020, quận Hoàn Kiếm tổ chức thí điểm mở rộng giới hạn thời gian kinh doanh dịch vụ (đến 02 giờ sáng từ 19h00 ngày thứ sáu đến 24h00 ngày chủ nhật hằng tuần) đã thu hút nhiều cơ sở kinh doanh (gồm: quán café, nhà hàng sử dụng âm nhạc, nhà hàng dịch vụ ăn uống, dịch vụ karaoke) đủ điều kiện đăng ký tham gia, tạo thêm không gian vui chơi, đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, giao lưu, khám phá, đặc biệt là du khách quốc tế, tăng thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu của du khách...

Phần đông các du khách quốc tế đến Hà Nội đều có chung nhận định, sức hút của khu phố cổ với nhiều loại hình sản phẩm du lịch đa dạng luôn là điểm nhấn khó quên đối với bất cứ ai đặt chân đến đây.

Khai thác bền vững, hiệu quả khu phố cổ Hà Nội

Hà Nội xác định phát huy các giá trị di sản, bản sắc văn hóa là điểm "mấu chốt" trong việc quảng bá, giới thiệu du lịch của Thủ đô. Hiện nay, hầu hết các chương trình được xây dựng dành cho khách du lịch trong và ngoài nước phần lớn đều gắn liền với các di sản, di tích lịch sử văn hóa và làng nghề. Đặc biệt, các sản phẩm du lịch văn hóa quan trọng được TP. Hà Nội tập trung đầu tư phát triển và nâng cấp, trong đó không thể thiếu điểm đến tham quan và tìm hiểu khu phố cổ.

Theo Sở Du lịch Hà Nội, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản của khu phố cổ Hà Nội được quận, thành phố và nhân dân Thủ đô quan tâm. Nhiều di tích lịch sử văn hóa và hạ tầng đã, đang được tu sửa, tôn tạo, gắn với phát triển du lịch. Các hoạt động này





luôn nằm trong "chiến lược" nhằm gìn giữ, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, cũng như góp phần trong việc tạo dựng và làm phong phú, hấp dẫn hơn nguồn tài nguyên quan trọng của Thủ đô.

Ban Quản lý Phố cổ Hà Nội cho biết, bắt đầu từ năm 2008 đến nay, có 21 di tích trong khu phố cổ được UBND quận Hoàn Kiếm đầu tư và cải tạo. Nhiều di tích sau khi được cải tạo đã trở thành điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch như đình Kim Ngân, chùa Lý triều Quốc sư, quán chùa Huyền Thiên... Bên cạnh đó, quận Hoàn Kiếm cũng đã chỉnh trang được 44 tuyến phố trong khu phố cổ, khôi phục lại diện mạo của những ngôi nhà có giá trị, góp phần khôi phục lại dáng vẻ xưa của các tuyến phố chính tại khu vực trung tâm.

Ngành Du lịch Hà Nội đặt mục tiêu tập trung khai thác bền vững, hiệu quả giá trị các di sản tiêu biểu, phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn, tạo mọi cơ hội để đưa du khách đến với di sản và có những sản phẩm hoàn chỉnh để du khách được trải nghiệm. Để phát triển du lịch trên địa bàn, cũng như khai thác hiệu quả, bền vững khu phố cổ, các chuyên gia cho rằng, cần đặc biệt quan tâm xác định và vun đắp các giá trị di sản phố cổ bởi đó là tài nguyên quý giá bảo đảm tính bền vững trong phát triển du lịch, là chất liệu khai thác để xây dựng nội dung cho các sản phẩm, dịch vụ du lịch kết hợp với các hoạt động tham quan, mua sắm, ẩm thực, chương trình văn hóa nghệ thuật, các hoạt động vui chơi giải trí có chất lượng cao, đầu tư bài bản.

Đặt trong tầm nhìn của Hà Nội trở thành "Thành phố sáng tạo về thiết kế" trong "Mạng lưới các thành phố sáng tạo Unesco", Thành phố cần tiếp tục quan tâm phát triển các không gian sáng tạo trong và ngoài khu phố cổ; nơi quảng bá nghệ thuật, văn hóa và nghề thủ công truyền thống của Hà Nội, Việt Nam ra thế giới, cũng đồng thời là chất xúc tác và tác nhân kinh tế thu hút du lịch, đầu tư, phát triển và thương mại.

Tổ chức và duy trì thường xuyên, định kỳ, có chọn lọc các hoạt động văn hóa - du lịch phù hợp diễn ra trong di sản, làm cho di sản phố cổ luôn sống động, phong phú.

Nghiên cứu và triển khai các dự án nâng cấp sản phẩm du lịch trong di sản, song không làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn, thông qua tăng các hoạt động trải nghiệm của du khách tại di sản.

Bên cạnh đó, tiếp tục quan tâm đầu tư bảo tồn, cải tạo, nâng cấp các di tích; bảo đảm có cơ sở hạ tầng dịch vụ du lịch đạt tiêu chuẩn để tổ chức đón khách (như điểm đỗ xe, vệ sinh công cộng). Nghiên cứu tổ chức tuyến, loại hình phương tiện giao thông du lịch trong phố (xe ôtô điện, xe đạp, xichlô du lịch); tạo môi trường kinh doanh thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành, các điểm đến thay đổi trong cách tiếp cận khách hàng.

Một trong những giải pháp quan trọng khác cần ưu tiên đó là, tập trung quảng bá điểm đến là các di sản phố cổ Hà Nội trong bản đồ du lịch Hà Nội, gắn kết trung tâm trong các chuỗi sản phẩm du lịch của Thành phố; Quan tâm đầu tư nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin giới thiệu thông tin du lịch đến với du khách, mở rộng lắp đặt wifi tại các điểm đến, kết nối hiệu quả các cơ sở dịch vụ du lịch trên địa bàn.

Ngoài ra, cần nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực hoạt động du lịch. Tăng cường đào tạo cán bộ quản lý về di sản và du lịch; đào tạo nghiệp vụ thuyết minh viên; giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng người dân khu vực di sản trong gìn giữ văn hóa để người dân phố cổ chính là chủ thể vừa bảo tồn, vừa làm du lịch, phát triển giá trị của di sản, quảng bá di sản./.

CỤC THỐNG KÊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 26 Hùng Vương - Phường 6 - TP. Sóc Trăng - Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại: 0299.3 822 810 - 3 612 760 * Fax: 0299.3 612 762
Email: soctrang@gso.gov.vn

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu 2021

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHỢ ĐỒN: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN VÌ SỰ TIN TƯỞNG CỦA NGƯỜI DÂN

Nhằm góp phần thực hiện tốt các mục tiêu của ngành Y tế trong chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho nhân dân, những năm qua, Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn đã có nhiều nỗ lực trên tất cả mọi mặt công tác và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Tăng cường nguồn lực cho y tế cơ sở

Chợ Đồn vẫn là huyện miền núi còn khó khăn của tỉnh Bắc Kạn, đến nay một số xã vẫn được thụ hưởng Chương trình 135, dân số chủ yếu là người DTTS, trình độ dân trí không đồng đều, một số nơi đường xá đi lại, địa hình hiểm trở, xa cách... điều này dẫn tới việc tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân ở một số xã còn hạn chế. Xác định rõ y tế cơ sở là nơi đầu tiên tiếp cận người dân, TTYT huyện Chợ Đồn đã chú trọng tăng cường nguồn lực, củng cố mạng lưới y tế xã, thị trấn. Theo đó, Trung tâm đã tranh thủ sự quan tâm đầu tư của Sở Y tế, huyện Chợ Đồn và địa phương để xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trạm y tế; đồng thời bố trí cán bộ, bác sỹ có năng lực làm việc tại tuyến xã. Nhờ vậy, chất lượng hoạt động của y tế cơ sở được nâng lên. Đến nay, có 16/20 xã có trạm y tế đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

Thời gian qua, nhờ tăng cường công tác truyền thông, đổi mới phương pháp tiếp cận người dân như Tổ chức câu lạc bộ nâng cao chất lượng dân số tại thôn bản, tuyên truyền qua người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số… nhận thức của người dân về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe ban đầu có sự thay đổi. Họ đã tích cực hưởng ứng các chương trình tiêm chủng, tiêm chủng mở rộng; có ý thức và kiến thức căn bản để phòng tránh dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản và chấp hành tốt các nội dung của Pháp lệnh về dân số.



Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn được trang bị thiết bị hiện đại để triển khai các dịch vụ y tế kỹ thuật cao

Bên cạnh đó, Trung tâm cũng được đầu tư các trang thiết bị, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, chủ động lên kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ. Nhờ vậy, các chỉ tiêu y tế dự phòng và công tác dân số khác cũng cơ bản đạt kế hoạch được giao. Nổi bật, trong 3 năm gần đây, tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin luôn đạt trên 95% (năm 2020 đạt 99%); việc tiêm chủng được đảm bảo an toàn; trên địa bàn không xảy ra dịch lớn, các loại bệnh truyền nhiễm được phát hiện, giám sát và xử lý kịp thời; không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm lớn; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giữ ở mức 0,7- 0,9%; tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh được khống chế.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh

Song song với công tác dự phòng, TTYT huyện Chợ Đồn cũng nỗ lực nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và tạo ra bước chuyển biến trong phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người dân. Cụ thể, Ban Giám đốc Trung tâm đã đưa ra các biện pháp nhằm xây dựng hình ảnh người bác sĩ, nhân viên y tế thân thiện, tận tình, niềm nở, chu đáo. Trung tâm đã đầu tư thay đổi mầu sắc trang phục của cán bộ y tế để người dân dễ dàng nhận biết; thành lập Bộ phận Chăm sóc khách hàng tại Khoa khám bệnh với nhiệm vụ đón tiếp, hướng dẫn người bệnh; triển khai "Đường dây nóng Bộ Y tế" giải đáp kịp thời các yêu cầu và ý kiến của người bệnh; tổ chức ký cam kết đổi mới phong cách phục vụ tới từng nhân viên; tăng cường giám sát để phát hiện xử lý sai phạm và tuyên dương những hành động đẹp vì người bệnh.

Được sự quan tâm, tạo điều kiện của ngành Y tế, Trung tâm được thụ hưởng các dự án lớn của Trung ương và Tỉnh. Thông qua các dự án này, Trung tâm được đầu tư hệ thống trang thiết bị máy móc hiện đại như: Máy siêu âm trong chẩn đoán hình ảnh và điều trị, máy gây mê kèm thở, máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy xét nghiệm huyết học lasez… Cùng với đó, Trung tâm đã cử nhiều cán bộ tham gia các khóa đào tạo tại các trung tâm y khoa lớn trong cả nước; đồng thời cũng tiếp nhận các đợt chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh. Đến nay, Trung tâm có 77 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học trở lên. Trung tâm đã thực hiện được nhiều kỹ thuật y tế ở tuyến trên như: Nội soi chẩn đoán viêm loét dạ dày, tá tràng, trào ngược thực quản phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa, u buồng trứng...

Với những biện pháp hiệu quả, thiết thực, công tác khám, chữa bệnh tại TTYT huyện Chợ Đồn đạt được những chuyển biến toàn diện. Trong năm 2020, tổng số lần khám bệnh chung tại các đơn vị tuyến huyện của Trung tâm là 44.296 lượt người (vượt so với kế hoạch 26,6%), trong đó điều trị nội trú là 7.117 (vượt so với kế hoạch 30%), tổng số ca phẫu thuật là 606 ca (vượt so với kế hoạch 10,2%), điểm chất lượng bình quân bệnh viện đạt 3,34 điểm. Sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể cán bộ TTYT huyện Chợ Đồn đã nhận được sự tin yêu của người bệnh và được các cấp, các ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua cao quý./.

Trịnh Long

1981 - 2021

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC TỔNG CỤC THỐNG KÊ - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện chức năng xuất bản, in, phát hành các xuất bản phẩm của ngành Thống kê và các tổ chức, cá nhân khác nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Tổng cục Thống kê, phục vụ bạn đọc trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Đội ngũ biên tập viên vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều kinh nghiệm, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tất cả luôn hướng về chất lượng xuất bản phẩm.

Sản phẩm chủ yếu là sách Thống kê, tác giả là Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố...









NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

điểm đến tin cậy

Địa chỉ: Số 86 - 98 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: (024) 38471483; Fax: (024) 38474185
Website: www.nxbthongke.vn
Email: xuatbanthongke@gmail.com